

BÁCH KHOA

SỐ 36 — NGÀY 1-7-1958

Trong số này :

- | | |
|------------------|---|
| HUYNH-VĂN-LANG | Thế nào là khủng hoảng kinh tế. |
| HOÀNG-MINH-TUYNH | Chế độ Dân chủ mácxít. |
| NGUYỄN-HIẾN-LÊ | Bàn về vấn đề dịch sách cổ của ta. |
| NGUYỄN-THIỆU-LÂU | Trương-Phúc-Giáo. |
| TÂN-FONG-HIỆP | Nhớ Tân-Đà. |
| TRẦN-HÀ | Hoàng đế xuất hiện từ bao giờ. |
| PHAN-SƠN-VŨ | Sự tổ chức báo chí tại Hoa-kỳ. |
| HOÀI-KHANH | Gửi Trần-Dần (thơ). |
| NGUYỄN-VĂN-XUNG | Tình yêu thiên nhiên trong ca dao Việt-Nam. |
| N.T.M.T.D. | Độc thơ. |
| TRƯƠNG-UẦN-NGỌC | Có nàng tiên nhỏ (thơ). |
| BÌNH-NGUYỄN-LỘC | Rừng mấm. |
| ĐỖ-TẤN | Chung tình (thơ). |
| KIỀU-YIÊU | Cô gái đánh sợi (dịch Liêu Trại). |
| BÔNG-XUYẾN | Túc-Sơn-Tự (thơ dịch). |
| VI-HUYỀN-ĐẮC | Khói lửa kính thành. |

- RƯỢU :** — Rượu Âu mạnh "*Eau de Vie cũ*" 40° và 50°
 — Rượu Tàu "*Lào-Mạnh-Tửu*"
 — Rượu Tàu "*Tích-Thọ-Tửu*"

SI-RÔ "*Verigoud*" :

- Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

- Dấm "*Distarome*"

DISTILLERIES

DE L'INDOCHINE



NƯỚC HOA và DẦU THƠM « D.I.C. » :

- Naturelle — Fougère
 — D. I. C. 5 — Lavande
 — Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở **NAM-PHẦN :** HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
 135, đường Pasteur — SAIGON

ở **TRUNG-PHẦN :** CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIỂU CÔNG NGHỆ
 (S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG

HÃNG RƯỢU **NHIÊU-BÁ**
 6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB

VIRGINIE

GIÁ BÁN

18

\$

**Société Indochinoise de Documentations
et de
Représentations Commerciales**

(S. I. D. E. R. C. O.)

Agents des Fabriques :

Métallurgiques DAVUM
Matériel technique

Exclusivités :

Whisky « BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « Les Océanides »

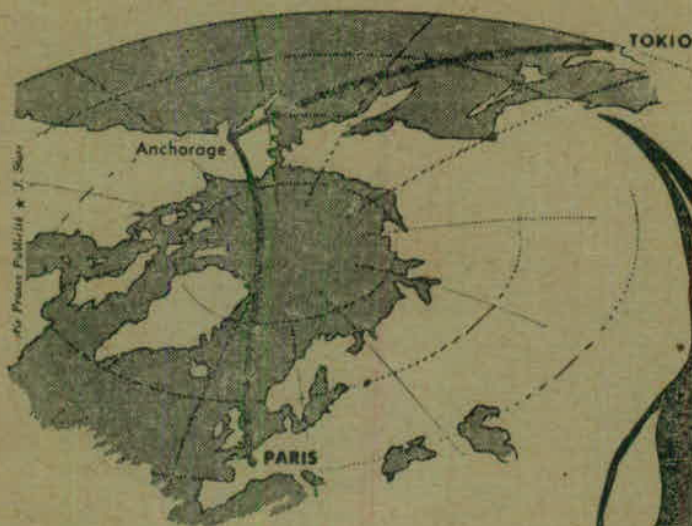
18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél: 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. O.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON



TOKIO-Paris par le pôle...

Air France inaugure au mois d'Avril la ligne la plus rapide au départ d'Europe à destination du Japon.

TOKIO-PARIS EN MOINS DE 30 H. DE VOL.
C'est grâce au fameux Superstarliner, l'appareil commercial au plus long rayon d'action du monde, qu'Air France va pouvoir relier Tokio à Paris avec une seule escale à Anchorage (Alaska).

PAR LA ROUTE DES AUBORES BORALES.
La route polaire Air France traverse la zone calme où s'éploient les aurores boréales. Sereine, elle survole les territoires du grand nord jalonnés de nombreux aérodrômes.

AU DEPART DE SAIGON. Air France offre désormais à ses passagers à destination de Paris le choix entre la route polaire et celle des Indes et de la Birmanie.

Trois vols par semaine mettent TOKIO à 12 heures de SAIGON.

Lundi via Hongkong
Mardi via Manille
Vendredi via Manille,



SAIGON, 12 B^d THONG-NHUT - Tel: 20.981 à 20.984
ET TOUTES AGENCES DE VOYAGES AGRÉÉES



BÁCH-KHOA

Số 36 — Ngày 1-7-1958

- HUỲNH-VĂN-LANG *Thế nào là khủng hoảng kinh tế.*
- HOÀNG-MINH-TUYNH *Chế độ Dân chủ mác-xít*
- NGUYỄN-HIẾN-LÊ. *Bàn về vấn đề dịch sách cổ của ta.*
- NGUYỄN-THIỆU-LÂU. *Trương-Phúc-Giáo.*
- TÂN-FONG-HIỆP. *Nhớ Tân-Đà.*
- TRẦN-HÀ *Hoàng-đế xuất hiện từ bao giờ.*
- PHAN-SƠN-VŨ *Sự tổ chức báo chí tại Hoa-kỳ.*
- HOÀI-KHANH. *Gửi Trần-Dần (thơ).*
- NGUYỄN-VĂN-XUNG. *Tình yêu thiên nhiên trong ca dao Việt-Nam.*
- N.T.M.T.D *Độc thơ.*
- TRƯƠNG-UẦN-NGỌC. *Có nàng tiên nhỏ (thơ).*
- BÌNH-NGUYỄN-LỘC. *Rừng mấm.*
- ĐỖ-TẤN *Chung tình (thơ).*
- KIỀU-YIÊU. *Cô gái đánh sơi (dịch Liêu Trai).*
- ĐÔNG-XUYÊN. *Túc-Sơn-Tự (thơ dịch).*
- VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch). *Khói lửa kinh thành.*

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

- HOÀNG-MINH-TUYNH : Chế độ dân chủ mác-xít.
NGUYỄN-VĂN-HÀM : nếp sống Đông-Phương.
PHAN-SƠN-VŨ : Phiếm luận bên Hương Trà.
PHẠM-VỌNG-HỨC : Tài liệu văn học Việt-Nam.
NGUYỄN-THIỆU-LÂU : Một quân công của Trương-dăng-Quế.
BÌNH-NGUYỄN-LỘC)
và NGUYỄN-NGU-Í) Binh vực tiếng địa phương.
NGUYỄN-HUY-KHÁNH : Tìm hiểu truyện Tam-quốc điển nghĩa.
PHAN-DUY-LÂN : Thị trường chung Âu-châu.
CÔ-LIÊU : Thế hệ Z 3.
NGUYỄN-TRẦN-HUÂN : Từ-diễn Y-ngữ.
VIỆT-TỬ : Ý nghĩa của Cần lao.
NGUYỄN : Hui Shen, người phát kiến châu Mỹ.
LƯU-NGHI : Những kẻ bán nước (tạp văn).
MẠC-LY-CHÂU : Một người Mẹ (truyện ngắn).
VŨ-HẠNH : Tiếng khóc dưới chân pháo đài (truyện ngắn).
KIỀU-YIÊU : « Văn-Hà » (Liêu-Trai).
LÊ-THƯƠNG : Con đường khó khăn của điện ảnh Việt-Nam.

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí.

TÒA SOẠN : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Thư từ xin đề : Tòa soạn BÁCH-KHOA hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề cho : Ô. Huỳnh-văn-Lang

THỂ NÀO LÀ KHỦNG - HOẢNG KINH - TẾ (1)

HUỶNH-VĂN-LANG

L.T.S. Trong một năm nay và nhứt là trong mấy tháng gần đây, các giới thương mại, kỹ nghệ, tài chánh... đến cả người trong chánh giới đều công khai, hoặc mặc nhiên nhìn nhận rằng tình hình kinh tế Việt-Nam đã đến chỗ khó khăn, tuy họ chưa dám nói đến tiếng « khủng hoảng » hay « bế tắc ».

Thể mà Bách-Khoa đã nói đến khủng hoảng từ một năm nay rồi (2). Bách-Khoa có bi quan quá chăng? Muốn rõ, xin mời các bạn cùng ông Huỳnh-văn-Lang, trong bài sau đây, nghiên cứu xem khủng hoảng là gì đã.

Khi thảo luận với nhau, nhứt là về những vấn đề có tính cách khoa học mới mẻ như kinh tế chẳng hạn, thì điều kiện thứ nhứt và ít nhứt phải có, để hiểu nhau là phải dùng một thứ tiếng như nhau, nghĩa là những danh từ dùng trong cuộc đối thoại phải được hai bên cùng hình dung một sự vật, nếu không thì cuộc thảo luận sẽ chỉ là cuộc đối thoại của người điếc (3).

(1) Tiếng Pháp : crise économique.

(2) Xem lại từ số 1 và nhứt là số 14 ra ngày 1-8-57.

(3) Dialogue des sourds.

THỂ NÀO LÀ KHỦNG HOẢNG KINH TẾ

Có khủng hoảng kinh tế hay không ? Tôi bảo rằng có, bạn bảo không, hai bên cũng có thể cùng đúng cả, vì danh từ « khủng hoảng », với bạn có nghĩa khác, với tôi lại có nghĩa khác. Cho nên trước tiên phải thỏa thuận với nhau để định nghĩa sự vật đã. Kế đến đem áp dụng định nghĩa ấy vào kinh tế hiện tại, coi sự vật ấy với danh từ ấy có thật hay không. Đó là hai phần chánh của bài này.



Trong thời gian, kinh tế của một nước, nói riêng và của thế giới nói chung, có khi lên khi xuống. Khi lên là lúc kinh tế thịnh vượng, thất nghiệp ít, tiền bạc dễ kiếm v.v... khi xuống thì trái lại kinh tế khó khăn, thất nghiệp nhiều, tiền bạc hiếm hoi v.v... Mỗi khi kinh tế lên hay xuống thì chúng ta biết được những hiệu quả đương nhiên của cuộc thăng trầm ấy, nhưng thật sự cái gì lên, cái gì xuống ? Khi nói kinh tế lên hay xuống, thật ra chỉ có một cái có thể đo lường sự lên xuống ấy một cách lỏng quắt là mức lợi tức quốc gia (1) Cho nên khi nói kinh tế lên hay xuống thì chính là nói mức lợi tức quốc gia lên hay xuống.

Nhờ khoa học thống kê, ngày nay ta có thể đo lường lợi tức quốc gia, cho nên trong thời gian ta có thể đo lường sự lên xuống của mức lợi tức quốc gia, tức là sự lên xuống của kinh tế một nước được.

Sự lên xuống của mức lợi tức quốc gia hay là của kinh tế một nước là điều dĩ nhiên không sao tránh được dù ở chế độ kinh tế nào. Sự lên xuống ấy ta thường gọi là chu vận kinh tế (*les cycles économiques*). Ta không thể tránh hẳn những chu vận kinh tế được, nhưng ta rất có thể tránh những chu vận kinh tế quá bạo động và liên tiếp, nghĩa là ta có thể làm cho chu vận kinh tế đổi ra nhẹ nhàng và thưa đi.

Chánh phủ nào, quốc gia nào cũng muốn đưa mức lợi tức quốc gia lên vừa cao, vừa nhanh. Nhưng đưa lên cho cao và cho nhanh có thể là một cái nguy, vì thường khi chỉ vì lo đưa lên cho cao và cho nhanh mà quên xây dựng những cơ sở căn bản kinh tế vững chắc, để rồi kết

(1) Nói một cách thông thường lợi tức quốc gia là tổng số lợi tức của mỗi người dân cộng lại với nhau.

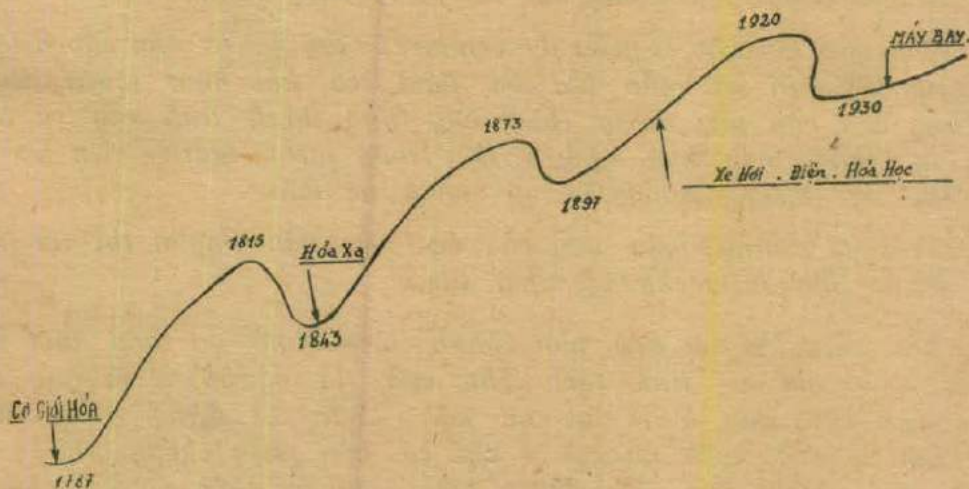
quả là lại xuống có khi thấp hơn lúc trước. Cuộc tiến triển về kinh tế cũng như mọi sự tiến triển, muốn cho bền vững cần phải tuần tự và liên tục.

Một điểm khác phải lưu ý là sự tiến triển về kinh tế cũng như mọi sự tiến triển ở trong lịch sử không thể quan niệm như một đường thẳng (progrès rectiligne), song là một sự tiến triển theo làn sóng (progrès par vagues). Miễn sao các sự chuyển động theo làn sóng ấy đừng mạnh bạo đến nỗi phá hủy tất cả những kết quả đã thu hoạch được khi thành vượng.

Cho nên, tất cả mục đích của mọi chính sách kinh tế trong mọi quốc gia là chẳng những đưa mức lợi tức quốc gia lên cho cao mà còn phải duy trì cho nó vững vàng không chuyển động quá mạnh bạo. (Elever et stabiliser).



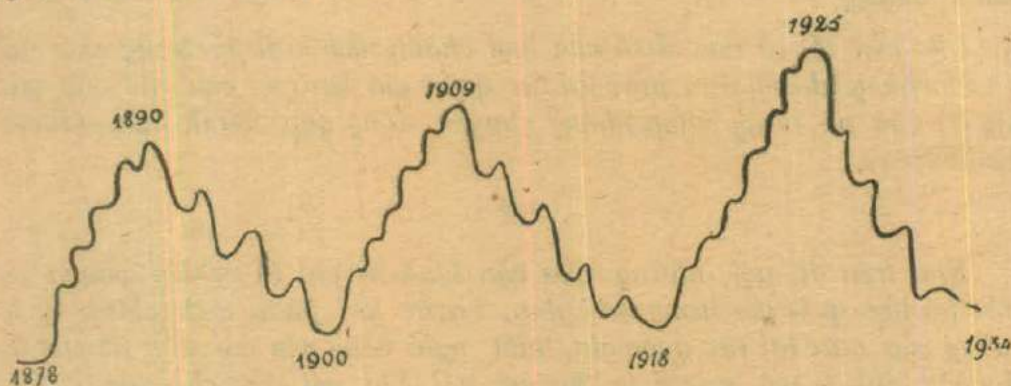
Như trên đã nói, những chu vận kinh tế chỉ là sự lên xuống của mức lợi tức quốc gia trong thời gian. Trước khi phân tích chính sự lên xuống của mức lợi tức quốc gia, thiết nghĩ cũng nên nói đến những thứ chu vận kinh tế mà người ta thường nói. Khi nói đến chu vận kinh tế thì người ta thường nghĩ ngay đến những chu vận kinh tế Juglar (1) (les cycles de Juglar). Người ta thường hiểu các chu vận kinh tế này như căn nguyên các cuộc đời tăng hay thành vượng kinh tế. Thời gian của mỗi một chu vận kinh tế Juglar trung bình là 9 năm, như chu vận kinh tế danh tiếng (!) nhưt trong thế giới 1920-1929.



(1) Tên của nhà kinh tế học đầu tiên tìm ra và chứng minh một cách cụ thể các chu vận ấy.

THẾ NÀO LÀ KHỦNG HOẢNG KINH TẾ

Ngoại trừ loại chu vận kinh tế người ta thường nói đến trên đây còn có nhiều loại chu vận kinh tế khác dài hay ngắn hạn hơn. Như chu vận Kondratieff, là những chu vận dài hạn, từ 40 đến 50 năm. Ngược với Karl Marx, Kondratieff nhận thấy có những chu vận dài hạn, mà những chu vận này do những phát minh khoa học định đoạt, gồm những khoảng thời gian thanh vượng khá dài và những khoảng thời gian đỗi táng ngắn hơn hoặc dài hơn mà cái hướng chung trong một thời gian một hai thế kỷ là lên hơn là xuống.



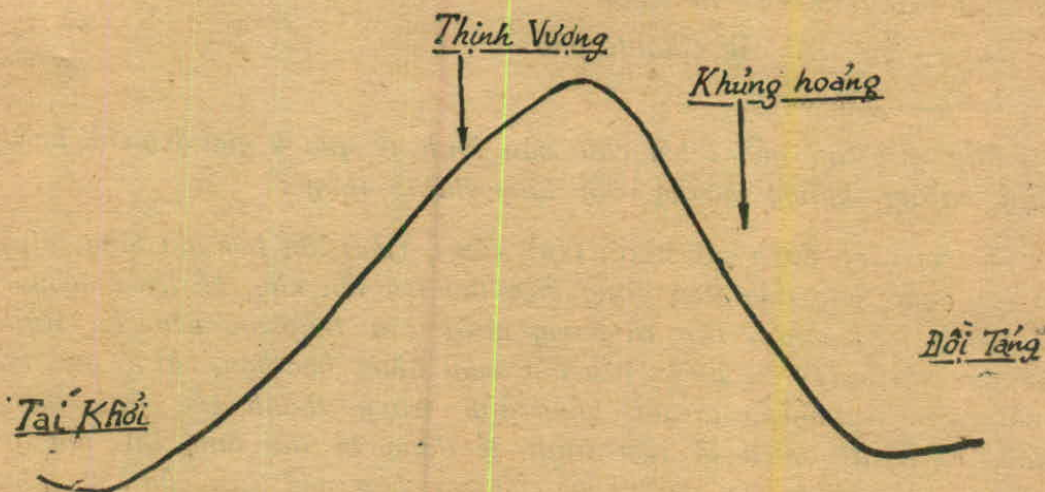
Còn có những chu vận Riggelman là những chu vận xây cất nhà cửa (Building Cycles) có một thời gian từ 17 đến 30 năm. Đặc tính của chu vận này là trong thời gian đi lên thì các sự chuyển động ít rõ ràng và ngắn, còn khi đi xuống thì ngược lại, các sự chuyển động (variations) lại dài và rõ ràng hơn.

Chu vận tồn kho (Cycles d'inventaire) cũng gọi là chu vận Kilchin, thường có thời kỳ ngắn hai ba năm, có khi năm mười tháng. Những chu vận này do sự thiếu hay thừa thành linh xảy ra trong tồn kho hàng hóa hay nguyên liệu trong nước, nhưng hiệu quả của nó thường thường không có gì nặng nề lắm.

Trái lại những hiệu quả của các chu vận Juglar thì rất nặng nề và có khi thịnh không bằng suy.

Cho nên, khi nói đến một chính sách thuế vụ hay một ngân sách quốc gia có tính cách chu vận, thì người ta thường nghĩ đến chu vận này hơn các chu vận khác, vì đứng trong cương vị kinh tế của một nước, ta chỉ có bốn phận chống những chu vận này và chỉ làm tròn được bốn phận ấy thôi, còn các chu vận khác, hoặc to lớn ngoài phạm vi của một quốc gia, hoặc không quan trọng cho đến đỗi.

Cũng như các chu vận khác, chu vận Juglar mà ta từ đây chỉ gọi suông là chu vận kinh tế, gồm 4 phần: tái khởi (reprise), thịnh vượng (prospérité), khủng hoảng (crise), và đồi tụt (dépression).



Theo 4 giai đoạn ấy mà mức lợi tức quốc gia thay đổi. Cho nên giải thích được sự định đoạt mức lợi tức quốc gia cũng là giải thích được căn nguyên của một chu vận kinh tế. Chúng ta đã biết — như trong một bài Bách-Khoa trước đây — lợi tức quốc gia do một ít yếu tố căn bản định đoạt. Ở đây xin nói thêm một chút. Theo cái hàm số $RN_f(I, C)$, ($RN =$ lợi tức quốc gia; $I =$ đầu tư; $C =$ tiêu thụ) ta thử phân tách I và C . C là tiêu thụ, mà tiêu thụ lại do lợi tức và tiền vay mượn hay giúp đỡ của kẻ khác, nghĩa là $C_f(RN, A)$ ($A =$ viện trợ hay nợ nần) mà RN (nếu bỏ A ra) lại do I và C định đoạt. Cho nên cái yếu tố định đoạt chánh mức lợi tức quốc gia không phải là C mà là I .

Đem I (đầu tư) ra phân tách sẽ thấy I gồm ba phần. Trước hết là (1) sự đầu tư của tư nhân (I_p) trong các ngành kỹ nghệ, thương mại canh nông v.v... mà (2) sự xuất cảng (Ex) của một nước là phần để dành (E) tiết kiệm (a). Phần khác, huê lợi thuế vụ của chánh phủ là phần lợi tức quốc gia không tiêu thụ, nghĩa là phần tiết kiệm của quốc dân. Cho nên có thể nói được là (3) chỉ tiêu của chánh phủ (D_g) cộng với kết số giữa xuất và nhập cảng và cộng với sự đầu tư của tư nhân là phần tiết kiệm của quốc gia và đầu tư của quốc gia

(a) Đem (Ex) trừ cho nhập cảng (Im), kết số là tiết kiệm ròng (Net) hoặc tiêu cực hay tích cực.

THẾ NÀO LÀ KHỦNG HOẢNG KINH TẾ

là do tiết kiệm của quốc gia mà ra. Cho nên ba yếu tố chánh định đoạt lấy mức lợi tức quốc gia (ngoài C ra) là Ip, Dg và Ex.

Ip — đầu tư của tư nhân

Dg — chi tiêu của Chánh phủ

Ex — xuất cảng

Bấy giờ thử giải thích chu vận kinh tế qua 4 giai đoạn tái khởi, thịnh vượng, khủng hoảng, đòi tắng thì ta thấy :

Trong giai đoạn tái khởi, (Ip), (Dg), (Ex) lần hồi gia tăng, (Ip), và (Dg) gia tăng đầu tiên trong việc Hch trữ lờn kho, kể đến máy móc, cầu cống, nhà cửa... Giá cả trong nước còn thấp cho nên (Ex) được khuyến khích (1) tự nhiên, nếu hối xuất đồng bạc bản xứ là một hối xuất thực tế, nghĩa là làm phản ảnh trung thành của tình trạng kinh tế. Lẽ dĩ nhiên là nền kinh tế đang bị đòi tắng thì giá trị quốc tế của đồng bạc, hối xuất của nó hay mãi lực của nó phải kém đi rất nhiều. Nhờ có sự tái khởi, mà thợ thuyền thất nghiệp trở lại đi làm lần lần. Tiền bạc còn hiếm hoi, nhưng tiền lời (taux d'intérêt) vẫn còn thấp... Lưu ý : giai đoạn này thường khi rất chậm chạp và rụt rè.

Nhưng khi qua khỏi giai đoạn này đến giai đoạn thịnh vượng thì tất cả các yếu tố đều vươn lên như một. (Ip), (Dg), (Ex) lên, dù giá cả, tiền lời, lương bổng đều lên. Bấy giờ nhân công được tận dụng, đời sống hóa ra đắt đỏ... những nghiệp vụ, mua bán đều gia tăng ; máy móc cần lao, tiền bạc đều hoạt động mạnh, kể cả Chánh phủ, tòa án, quốc hội, trường học... nhưng xuất cảng sẽ khởi sự bị khó khăn.

Khi cái gì cũng lên hết, nhất là giá cả, lương bổng, tiền lời... thì tức khắc làm cho sự đầu tư — ban đầu ở trong một đôi ngành — bớt quyền rũ, vì lợi tức ngang tuy nhiều mà lợi tức ròng (profit net) lại bớt đi nhiều quá, hay nói một cách khác : sự đầu tư đang đi đến chỗ không lời nữa (2). Đến đây thì khởi sự cái giai đoạn mà sự đầu tư ròng bớt đi, cho nên sản xuất giảm xuống, lại lúc có doanh nghiệp bớt nhân công, thợ thợ... Lúc bấy giờ giá cả, lương

(1) Trừ khi một đồng bạc có một giá trị quá cao.

(2) Efficacité marginale du Capital

bồng tuy chưa xuống, nhưng hàng hóa tồn kho khởi sự chất chừa, dư thừa. Tiêu pha của mọi người khởi sự bớt đi, trái lại sự tiết kiệm gia tăng. Tiết kiệm này có nghĩa là để dành tích trữ hơn là đem ra đầu tư, kinh doanh, buôn bán. Lúc này có lẽ chỉ có chỉ tiêu của chánh phủ là chưa giảm bớt được. Nếu chỉ tiêu của chánh phủ có gia tăng thì kéo dài được phần nào cơn khủng hoảng và có khi mạnh đủ để cứu vãn tình thế.

Khủng hoảng tiếp tục đưa kinh tế đến giai đoạn đòi tăng.

Trong giai đoạn này, trước tiên thất nghiệp bành trướng quá nhanh theo một đà với sự giảm bớt đầu tư của tư nhân. Nếu chỉ tiêu của chánh phủ lại giảm bớt thì sự xuống dốc kinh tế lại vừa nhanh vừa sâu thêm nữa. Chỉ tiêu quần chúng kể tiếp giảm bớt một cách quá nhanh làm cho giá cả hàng hóa và lương bổng thợ thuyền xuống theo. Tồn kho sẽ bớt dần đi...

Và đòi tăng như thế cho đến khi có đầu tư của tư nhân hay chỉ tiêu của chánh phủ sanh ra sự tái khởi trở về trước.



Theo những nhận xét trên đây về 4 giai đoạn của một chu vận kinh tế, ta thử xem kinh tế Việt-Nam hiện giờ ở về giai đoạn nào? Không cần phải quả quyết làm chi nữa để cãi đi cãi lại uổng công, chúng tôi chỉ đưa ra những triệu chứng cụ thể để bạn đọc tự kết luận lấy. Trước tiên sự đầu tư của tư nhân (Ip) trong 4 năm vừa qua, thì ta thấy trong 1954 — 1955 rất kém, mà qua 1956 tư bản Pháp, Tàu và Việt-Nam khởi sự đầu tư nhiều trong các ngành kỹ nghệ: trồng lúa, dệt nhuộm, xây cất. Nhưng từ 1957, nhất là từ đầu năm 1957 đến giờ, đầu tư của tư nhân bớt đi hẳn. Trái lại, phần lớn tiền bạc kẹt trong tồn kho hàng hóa bán không chạy. Còn chỉ tiêu của chánh phủ (Dg) thì bớt hẳn đi, niên khóa năm 1957 dư trên một tỷ bạc và hơn nữa các chỉ tiêu thương, năm rồi và năm nay cũng bớt đi và chậm lại. Xuất cảng (Ex) đã giảm đi nhiều, gạo không có mà bán, cao su bị giá quốc tế xuống quá 20%, lông vịt bị Trung cộng cạnh tranh, còn các món hàng khác không sao cạnh tranh được vì giá trong nước quá cao, một ít thứ hàng nội hóa như thuốc, chiếu, cá, lại phải trợ cấp trực tiếp mới xuất cảng được. Tiêu thụ (C) giảm đi một cách rõ rệt, số thương vụ các ngành kinh tế tài

chánh xuống đi hơn phân nửa. Và còn bao nhiêu triệu chứng nữa như thất nghiệp, đem vốn đi (désinvestissement), những xí nghiệp sắp phá sản hay thoi thóp, viện trợ thương mại cấp phát ngoại tệ kém đi...

Những triệu chứng trên đây nếu chưa đủ để cho những người lạc quan (vì lẽ gì ?) bớt lạc quan đi phần nào, thì thật là một sự khó hiểu. Thường thường người ta vin lẽ là tất cả những cái khó khăn hiện giờ là do một sự biến chuyển kinh tế giặc ra kinh tế thời bình, kinh tế thương mại ra kinh tế sản xuất, kinh tế thuộc địa ra kinh tế độc lập v.v... Đó là một cái lầm lẫn không sao tha thứ được, vì kinh tế học thường thức đã phân biệt rõ ràng sự đòi tắng với sự chỉnh đốn (dépression et rajustement). Một ví dụ có thể dễ hiểu hơn : nếu mức lợi tức quốc gia là 10, ta có thể sang qua sót lại trong các lãnh vực kinh tế gọi là chỉnh đốn mà vẫn giữ được cái mức 10 ấy luôn. Nếu ta không khéo đến đổi thì sự chỉnh đốn có thể giảm bớt xuống một hai điểm, nghĩa là làm cho mức lợi tức chỉ còn 9 hay 8. Nhưng nếu ta vin lẽ là chỉnh đốn mà làm cho mức lợi tức quốc gia từ 10, xuống còn 5, 6 thì chỉ còn có một kết luận : sự chỉnh đốn không thành mà hóa ra đòi tắng. Nếu mức lợi tức quốc gia vì việc chỉnh đốn mà phải bớt đi một hai điểm thì khi ấy sự giảm bớt mức lợi tức quốc gia là hiệu quả đương nhiên của một sự chỉnh đốn không được chu đáo hoàn toàn. Song le nếu việc chỉnh đốn không thành, chỉnh đốn mà hóa ra đòi tắng thì chính sự đòi tắng sẽ chi phối tất cả mọi chánh sách kinh tế, nghĩa là lôi kéo chánh phủ và quốc dân hơn là chánh phủ với quốc dân chế ngự và làm chủ tình hình kinh tế. Kinh tế trước kia là một con bò ngoan ngoãn để điều khiển bây giờ hóa ra một con thú dữ, sanh chừng, nhảy còng lên bắt chấp tất cả và làm hại tất cả.



Biết rằng : con người từ thái độ này chuyển sang thái độ khác không phải là một việc vô ý thức. Nhưng trường hợp thay đổi thái độ mà lại vô ý thức nghĩa là do tình cảm thì nguy hại cũng không kém trường hợp khư khư giữ một thái độ sai lầm. Cho nên gây một ý thức để định đoạt một thái độ mới, xúng hạp với hoàn cảnh mới, là một việc phải làm và đó cũng là mục đích của bài này vậy.

HUỶNH-VĂN-LANG

CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ MÁC - XÍT

NGUỒN GỐC LÝ TƯỞNG DÂN CHỦ MÁC-XÍT

HOÀNG-MINH-TUYNH

(biên khảo)

Chủ nghĩa mác xít

2.— Vận mệnh nhân loại và các vấn đề chính trị.

A. — Chủ nghĩa mác-xít tiên đoán về vận mệnh của nhân loại thế nào? Căn cứ theo nền tảng triết lý duy vật biện chứng và duy vật sử quan, chủ nghĩa mác xít tiên đoán vận mệnh của nhân loại và diễn dịch đại khái như sau :

Tiền bộ biện chứng đã đưa vật chất đến sinh hoạt, và sinh hoạt đến ý thức, và chính ý thức đã khiến loài người dành được một địa vị đặc biệt trong vũ trụ.

Loài người ở trong vũ trụ, không thể nào tránh được sự chi phối của những quyết định thiên nhiên (déterminismes) ở ngoài ý chí của mình và do nguyên lý khác qui định. Một khi chưa làm chủ được những lực lượng thiên nhiên, loài người vẫn phải lệ thuộc ảnh hưởng các lực lượng

trên và lệ thuộc luôn cả các điều kiện xã hội do kỹ thuật sinh sản tạo ra. Con người, theo nhơn tuyến Mác, là một nạn nhân, vì họ đã di nhượng phần tinh hoa của bản chất mình (Thuyết di nhượng). Con người cần phải đoạt lại những gì mà mình đã từ bỏ hoặc lãng phí, chẳng hạn như về phương diện tôn giáo, loài người đã đem những khả năng quyền lợi và giá trị đạo đức vẫn có ở trong bản thân mình, phóng ra ngoài, tạo thành một thượng đế hoang đường. Về mặt lao động cũng vậy, loài người đã đem sức lao động của mình phóng vào chế độ làm công, và đã để cho chế độ này cướp đoạt một phần lợi ích do sức lực mình tạo nên, v.v...

Những mâu thuẫn đầy rẫy trong xã hội và nhất là những đối nghịch về quyền lợi và ý kiến đã khiến cho người ta luận rằng cảnh xung đột giữa cá nhân và

xã hội là chuyện không thể nào tránh khỏi. Ở trong hoàn cảnh đó, hai chữ « tự do » mà người ta thường tha thiết nêu lên, nếu có chăng nữa, cũng chỉ đưa tới chỗ xung đột; và muốn thực hiện tự do, cần phải làm sao dung hòa quyền uy của xã hội và quyền lợi của tha nhân mới được.

Song suy cho cùng, cái mà người ta gọi là « tự do » đâu có thật! Người ta lầm tưởng có tự do chẳng qua là vì người ta chưa nhận chân được những quyết định ở ngoài ý chí con người và đang chế ngự con người. Con người thật ra khi đang còn ở trạng thái kỹ thuật và xã hội chưa được hoàn bị, thì các lý tưởng xã hội ở trong đó chỉ phản chiếu những gì thuận lợi cho quyền lợi của giai cấp thống trị mà thôi.

Vì vậy, nếu loài người ý thức được sự kiện trên, thì tất có thể đóng một vai trò cốt thiết trong thiên nhiên mà mình hiện bị lệ thuộc. Một khi nhìn nhận được các điều kiện khách quan và qui định được cách thức sinh hoạt của mình, loài người có thể thay đổi thiên nhiên được vậy.

Biết được loại quyết định trên, hiểu rõ vai trò các quyết định ấy, đương nhiên loài người có thể loại trừ chúng dễ dàng và tạo ra được tự do.

Sự kiện đó không những đúng với lực lượng thiên nhiên mà loài người thống trị nhờ ở tiến bộ khoa học và kỹ thuật, mà còn đúng đối với các quyết định xã hội và hiện tượng « di nhượng » đã khiến cho cá nhân đã chuyển nhượng, vứt bỏ ra ngoài những cái hay, cái đẹp nằm trong chính bản thể của mình.

Bởi không ý thức các quyết định, nên đã có một thứ tự do giả tạo. Một khi nhận chân được các quyết định ấy, một nền tự do chân thật tự nhiên sẽ xuất hiện. Tự do không còn phải là nguồn gốc các mối xung đột và mâu thuẫn giữa người này và người khác, giữa cá nhân và xã hội; tự do sẽ là thông cảm, hoan hỉ với nhau trong sự thật và trong hạnh phúc.

Như thế, loài người sống trong thiên nhiên có nhiệm vụ thống trị thiên nhiên, biến cải thiên nhiên, hầu thực hiện một cách trọn vẹn thiên chức làm « Người » của mình.

Vạn vật và nhân loại biến chuyển sẽ làm cho con người tiến những bước vĩ đại. Phương diện « nhân bản » này của chủ nghĩa mác xít là một trong những phương diện người ta nhấn mạnh nhất trong những thiên khảo cứu gần đây về chủ nghĩa mác xít.

B. — Nếu quan niệm như vậy thì không có giá trị nào có thể gọi là tuyệt đối, vĩnh cửu, vô hạn. Cho tới khi hoàn thành cuộc Cách mệnh, (với chữ C hoa), các ý niệm về pháp luật và đạo đức chỉ có một giá trị tương đối, bởi chỉ biểu diễn được quan niệm của một tầng lớp. Duy có xã hội không giai cấp, xã hội tập sản chủ nghĩa mới biểu diễn được những lý tưởng tuyệt đối, có giá trị đối với hết mọi người. Những lý tưởng này là những lý tưởng có tính chất khoa học, nghĩa là có tính chất khách quan. Nói một cách khác, công bình, tự do, cùng các lý tưởng luật pháp, chính trị hay đạo đức không phải ở sau chúng ta, hay ở trên chúng ta, mà ở trước chúng ta vậy.

C. — Trên phương diện này, có hai lý tưởng cần được lưu ý, đó là tự do và dân chủ.

1) Tự do không thể có nghĩa trong một xã hội mà trong đó các quan hệ chính trị và các kiến trúc pháp lý và luân lý chỉ biểu diễn những quan hệ *bắt buộc* giữa các giai cấp.

Tự do chỉ là bánh vẽ đối với giai cấp bị bóc lột, vì tự do chỉ ban cho họ những quyền trừu tượng thiếu hẳn nội dung cụ thể thiết thực. Và chẳng, tự do không thể nào có ở những nơi mà quảng đại quần chúng chưa ý thức được các quyết định ở ngoài ý chí ràng buộc họ. Con người có được giải phóng thì mới có tự do, và trước khi được giải phóng, con người không thể nào có tự do.

Tự do không thể nào có một giá trị tuyệt đối, khi Cách-mệnh chưa thực hiện xong một xã hội không giai cấp. Như Tuyên ngôn nhân quyền năm 1789 không biểu hiện một lý tưởng tuyệt đối, nó chỉ biểu hiện một giai đoạn của lịch sử, giai đoạn hưng khởi của giai cấp tư sản.

Bởi vậy, các định chế trong một xã hội tư bản chủ nghĩa nếu có giá trị, thì chỉ là giá trị một *giai đoạn dẫn tới cuộc giải phóng mai sau*. Những gì giúp cho cuộc giải phóng ấy mau tiến tới đều là tốt cả, nên một chế độ độc tài chuyên chế, có thể hữu ích nếu chế độ ấy giúp được cho công cuộc giải phóng nói trên: đó là trường hợp chế độ độc tài vô sản (hay vô sản chuyên chính). Trái lại, một chế độ tự do chưa hẳn đã có giá trị hơn một

chế độ khác. Nó chỉ có giá trị khi nào là một *phương tiện* dẫn tới Cách-mệnh mà thôi. Chỉ có cái *tự do ngày mai*, cái tự do chân thật và chung quyết mới thật quan trọng. Cái tự do ngày nay chưa phải là cái tự do chân chính và tuyệt đối, nên không cần lưu tâm cho lắm làm gì.

2) Dân chủ chân chính cũng chỉ có thể thực hiện trong một xã hội không giai cấp. Trong một xã hội tư bản chủ nghĩa, dân chủ chỉ là một công cụ đàn áp của giai cấp thống trị. Dân chủ trong chế độ tư bản chủ nghĩa « bao giờ cũng bị lồng trong một cái khung bóc lột hết sức chặt hẹp của bọn tư bản và vì vậy, mà bao giờ cũng chỉ là dân chủ của bọn thiểu số, có kẻ giàu sang, của giai cấp hữu sản. Người ta ban phép cho những kẻ bị áp chế mấy năm một lần được cử một số người của giai cấp thống trị ra làm đại biểu cho họ và luôn thể đặt cái ách thống trị lên trên đầu họ. » (Lê-nin)

Nói như vậy không phải là bảo rằng giai cấp công nhân không thể lợi dụng chế độ dân chủ tư bản chủ nghĩa kiêu cồ diên đê làm một lợi khí cho Cách-mệnh. Giai cấp công nhân phải biết kết thúc những cuộc liên minh « chiến thuật » tạm thời với các phần tử tư sản tả phái và không thể để mình mắc « cái bện ấu trĩ Cộng sản chủ nghĩa » mà bị cô lập. Giai cấp công nhân không nên quên mục tiêu cuối cùng của mình cách biệt rất xa với những mục tiêu tiến hóa và cách-mệnh của bọn tiểu tư sản, và nên nhớ một ngày kia sẽ tới lúc phải quay đầu chống trả lại những bạn liên minh tạm thời của mình ngày trước.

Tóm lại, cũng như đối với tự do, dân chủ chỉ có nghĩa sau khi hoàn thành cuộc Cách mệnh. Còn từ nay đến đó, dân chủ chỉ tiêu biểu một giai đoạn, một giá trị hết sức tương đối.

D. — Chính do bởi những lẽ trên, tất cả những lý tưởng đạo đức hay luật pháp của chế độ dân chủ cổ điển (như tự do, dân chủ, nhân quyền, v.v.) mặc dầu có những huyền tượng, ảo ảnh khiến ta coi chúng là những thần tượng tuyệt đối bất khả xâm phạm, thật ra trong một chế độ tư bản chủ nghĩa nếu có là thần tượng, thì cũng chỉ là thần tượng tương đối và có thể xâm phạm được lắm. Chúng không phải là những tiêu chuẩn có thể dùng làm căn cứ để phán đoán một cách tuyệt đối đúng đắn. Tiêu chuẩn khoa học duy nhất có thể dùng để phán đoán giá trị của một định chế, hay của một thái độ, hành vi chính là sự hữu hiệu của định chế ấy, hay của thái độ, hành vi ấy đối với Cách mệnh, hay nói một cách khác, muốn đánh giá đúng mức

một định chế hay một thái độ, hành vi cần phải căn cứ và chỉ có thể căn cứ vào một điểm là xét coi định chế ấy hay thái độ, hành vi ấy giúp cho việc hoàn thành Cách mệnh, cho việc thiết lập xã hội không giai cấp nhiều ít thế nào. Tiêu chuẩn cho hành động không phải là tự do và dân chủ bây giờ, vì tự do và dân chủ bây giờ nhất định chỉ là bánh vẽ; tiêu chuẩn cho hành động chính là tự do và dân chủ mai sau, trong một xã hội đã được cải biến. Tiêu chuẩn cho hành động nằm trong nhu cầu của Cách mệnh nghĩa là nằm trong nhu cầu của phát triển biện chứng.

Chính vì vậy, chính vì chủ trương pháp tắc đạo đức phải đồng nhất với pháp tắc thiên nhiên của phát triển biện chứng mà người mác xít cho rằng chỉ luân lý của họ mới thật là luân lý khoa học mà thôi.

HOÀNG-MINH-TUYNH
(biên khảo)

Kỳ sau: Nhà nước và Cách mệnh

Danh ngôn, danh lý
NGHỆ THUẬT LÀM THỦ LÃNH
THẾ NÀO LÀ THỦ LÃNH ?

★ THỦ lĩnh là kẻ đứng đầu làm lãnh tụ một đoàn thể, hay đứng hơn, thủ lĩnh chính cái đầu của đoàn thể. Cái đầu phải quan sát, cái đầu phải suy nghĩ, cái đầu phải điều khiển làm sao cho các bộ phận cùng hoạt động vì lợi ích chung của đoàn thể.

BÀN VỀ VẤN ĐỀ DỊCH SÁCH CỔ CỦA TA

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

MỘT số nhà tân học chủ trương loại hết những tác phẩm của cổ nhân viết bằng chữ Hán, không cho vào văn học Việt-Nam. Các vị ấy nói :

— Kề những cuốn như *Truyền kỳ mạn lục* của Nguyễn Du, *Vũ trung tùy bút* của Phạm-Đình-Hồ vào văn học nước nhà thì cũng phải kề những cuốn *Légendes des terres sereines* của Phạm-Duy-Khiêm, *Cannibales par persuasion* của Nguyễn-Phan-Long... và sau này, nếu có người Việt nào sáng tác bằng tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Ấn-Độ, Nhật-Bản... thì cũng phải ghi tên tuổi họ vào văn học sử Việt-Nam. Như vậy vô lý lắm ! »

Theo chúng tôi, quan niệm đó hẹp cho cổ nhân và hại cho văn hóa nước nhà.

Hẹp cho cổ nhân.— Vì hai lẽ : hoàn cảnh cổ nhân khác với hoàn cảnh chúng ta ; địa vị của chữ Nho hồi xưa khác với địa vị của chữ Pháp bây giờ mà địa vị chữ Nôm cũng khác với địa vị Quốc ngữ.

Ngay từ đời Lý và có lẽ trước nữa,

văn nhân, thi sĩ của ta đã lưu lại được những tác phẩm có giá trị (coi cuốn văn học đời Lý của Ngô-Tất-Tố) mà thời đó chữ Nôm chưa có hình thức đăng hoàng, hoặc có mà rất ít người biết ; vậy các cụ không trước tác bằng chữ Hán thì bằng chữ gì ?

Từ đời Trần, sau khi Hàn-Thuyên áp dụng những luật về thơ, phú của nhà Đường vào Việt-ngữ thì cổ nhân có thể làm văn thơ nôm được, nhưng làm cho ai đọc ? Cũng lại đề cho nhà nho đọc vì chỉ nhà nho mới đọc nổi chữ Nôm (phải học chữ Nho rồi mới hiểu chữ Nôm) mà nhà nho không thích đọc chữ Nôm, do hai lẽ : lẽ thứ nhất, họ đã quen với chữ Hán từ hồi nhỏ ; lẽ thứ nhì, chữ Nôm không được quy định đăng hoàng, ai viết sao thì viết, nhiều chữ phải đoán lâu mới ra mà đoán sai là việc rất thường, không có tự điển nào để tra cứu cả.

Viết là để người khác đọc, đã không ai thích đọc chữ Nôm thì có ai mà thích viết chữ Nôm ? Cổ nhân ít chịu

sáng tác bằng chữ Nôm, lẽ ấy rất dễ hiểu và chỉ khi nào cao hứng, muốn cười cợt với gió, trăng ; hoặc đau đớn muốn thò lộ tâm can, các cụ mới dùng đến tiếng mẹ, rồi ghi lại bằng chữ Nôm, cốt cho một số bạn bè thân thích đọc thôi. Còn khi nào muốn cho nhiều người đọc thì tất dùng chữ Hán vì chữ này tiện hơn mọi bề, cho người viết lẫn người đọc.

Vả lại, cớ nhân nhiều cụ không cho chữ Hán là một ngoại ngữ và các cụ ấy không phải hoàn toàn vô lý. Tuy chữ mượn của Tàu mà giọng đọc là của ta. Huống hồ, luôn trong hơn một ngàn năm dùng chữ Hán, từ những việc quan trọng của triều đình tới những việc nhỏ nhặt trong dân gian, thì sao còn gọi nó là một ngoại ngữ được ? Cho nên sáng tác bằng chữ Hán đối với cớ nhân là một việc rất tự nhiên.

Hoàn cảnh của các nhà văn Việt viết bằng tiếng Pháp thì khác hẳn. Tiếng Pháp tuy được dùng trong các công sở, được dạy trong các trường học nhưng vẫn chỉ là một ngoại ngữ, mặc dầu nó tới bây giờ còn được tôn trọng hơn tiếng mẹ. Còn chữ Quốc ngữ thì được phổ thông hơn chữ Nôm hồi xưa rất nhiều. Do những lẽ đó, người Việt trước tác bằng tiếng Pháp là làm một việc không tự nhiên ; một là họ không viết tiếng Việt dễ dàng bằng viết tiếng Pháp, hai là họ muốn viết cho người Pháp hơn là cho người Việt đọc. Sắp họ vào hạng văn nhân Pháp rất chí lý ; còn kẻ các cụ vào hạng văn nhân Trung-quốc thì mang tội với các cụ đấy.

Hại cho văn hóa. — Văn hóa của ta có từ khoảng 900 năm nay. Tới cuối thế kỷ trước trừ một ít tác phẩm viết bằng chữ Nôm, còn thì đều viết bằng chữ Hán. Nếu nhất đán bỏ hết những tác phẩm loại sau này đi thì văn học của mình còn được bao nhiêu đâu ? Lịch sử, địa lý của tổ quốc, tư tưởng, tâm sự, phong tục, đời sống của cớ nhân đều ghi trong đó cả ; bỏ phần đó đi, tức như đào cưa cái gốc của ta, đập cái nền tòa văn hóa của ta. Phải vô ý thức lắm mới hồ hào làm công việc ấy.

Cho nên, phần văn học bằng chữ Hán của ta, bảo nó là văn học cớ nhân Nguyễn-Đông-Chi (tác giả cuốn Việt-Nam cớ văn học sử), hoặc gọi nó là văn học quý phái theo quan niệm một số người bây giờ, là gì gì cũng được, nhưng quyết nhiên không thể gọi nó là văn học Trung-hoa được. Nó phần chiếu tính tình, tâm hồn, hy vọng, đau khổ của dân tộc Việt-Nam, chứ không phải của dân tộc Trung-hoa. Bảo nó là văn học Trung-Quốc, tức tự nhận rằng từ thế kỷ XIX trở về trước, cả trong những đời Lý, Trần, Lê, nước Việt-Nam chỉ là một tỉnh của Trung-hoa, như Quảng-đông, Vân-nam vậy. Ai là người dám nghĩ như thế ?



Vậy ta phải trân trọng giữ gìn những tác phẩm chữ Hán của cớ nhân, phải kê nó trong văn học sử nước nhà, hơn nữa, phải dịch ra cho toàn dân đọc và hiểu được.

Năm 1940, Vũ-Ngọc-Phan, trong cuốn « Con đường nghệ thuật » (nhà xuất bản Nguyễn-Du) đã nói phải dịch gấp những tác phẩm ấy vì càng trì hoãn thì số nhà cựu học càng thừa mà công việc càng hóa ra khó.

Từ đó đến nay, non 15 năm rồi, công việc ấy vẫn chưa làm mà số nhà thâm nho đã thừa, lại càng thừa thêm. Nếu ta lại lơ đãng trong 15 năm nữa thì lúc đó chắc có muốn khởi công, chắc không còn kiếm ra được một nhà nho nữa.

Mà công việc ấy phải có một số túc nho khá đông làm mới nổi. Những nhà tân học dù chuyên tâm học chữ Hán trong lâu năm, dù chịu khó tìm tòi thì cũng sơ sót nhiều, vì lẽ dưới đây.

Muốn hiểu được rõ văn, thơ cò, phải được đào tạo trong trường cựu học, phải quen với lối hành văn của cò nhân, phải biết làm kinh nghĩa, thơ, phú, phải thuộc rất nhiều điển, mà có nhà tân học nào học chữ Hán theo cách đó không ? Tuyệt nhiên không. Chúng ta có học là học theo lối văn tắt, cốt mau đọc được sách, chứ không cần làm được văn, nên cái học của chúng ta không có cơ sở vững chắc như của các cụ, nói theo tiếng thông tục, là cái học « ba chớp ba nhoáng ».

Chúng tôi không muốn vạch lỗi của các bậc học giả mà chúng tôi vẫn trọng như thầy học, nhưng phải đưa vài chứng cứ để độc giả thấy lời chúng tôi không phải là ngoa.

Ai không nhận cụ Trần-Trọng-Kim là một nhà tân học uyên bác, suốt đời tận tụy với cựu học ? Cụ hiểu nhiều lại

rất thận trọng, vậy mà dịch Đường thi cũng có chỗ sai nghĩa.

Trong bài « Văn Lưu Thập cú » của Bạch-Cư-Dị (Đường-Thi Tân-Việt) có câu :

*Văn lai thiên dục tuyết,
Năng âm nhất bôi vô.*

mà cụ dịch là :

Tối nay tuyết xuống bất kỳ,

Uống chơi đó vậy chén thì có đâu ?

thì tôi e rằng sai. Chữ vô trong câu sau không có nghĩa trái với hữu, mà có nghĩa như chữ phủ đề hỏi, và phải dịch là :

Uống được một chén không ?

Còn nhiều chỗ khác nữa, tôi xin miễn kể ra, kéo có người trách là bới lông, là bắt kính.

Cụ Trần mà còn như vậy thì nói chi đến bọn tân học bây giờ, cho nên nếu ta có thấy một nhà dịch Đường thi nọ làm Đỗ-Mục là Đỗ-Mai (1) thì ta cũng đừng ngạc nhiên.

Nói ngay những nhà cựu học, dịch một mình những văn, thơ cò, nhiều khi cũng sơ sót.

Trong bài « Ai giang đầu » của Đỗ-Phủ « Đường Thi - Tú sách Tao-đàn », có câu :

*Hoàng hôn Hồ kỵ Trần mẫn thành,
Dục vãng thành nam vọng thành bắc.*

mà chú thích là : « Trời đã sắp tối, quân kỵ của giặc đi diều trong thành, làm cho bụi bay mù mịt, mình đi quá xuống phía nam thành để trông lên phía bắc thành, xem cung điện nhà

vua khi trước bây giờ thế nào » thì có vẻ thêm nghĩa cho nguyên văn nhiều quá. Theo tôi, hai câu của Đỗ chỉ có nghĩa là : Trời sắp tối, quân kỵ của giặc làm cho bụi bay đầy thành, nên Đỗ-Phủ không nhận được phương hướng, muốn đi về phía nam thành mà lại hướng về phía bắc thành.

Tân-Đà tuy có tài dịch thơ Đường, nhưng có phần không cần thận trọng việc chú thích. Như trong bài « Tặng nội » của Lý-Bạch (Tân-Đà vận văn — Hương-Sơn) cụ cho Thái-thường là một người nghèo rúng hèn hạ thua xưa. Sai. Thái-thường là một chức quan coi tế lễ ở miếu đường đời Tân, Hán. Lý-Bạch có ý đùa bà vợ, (Tặng nội là tặng vợ) tự ví mình với một viên Thái-thường, suốt năm say mèm, được một ngày không say thì lại là ngày ăn chay, thành thử không đêm nào gần vợ hết.

Vậy muốn khỏi sơ sót, công việc dịch sách cổ của ta phải được nhiều nhà cựu học bắt tay vào, càng nhiều càng tốt ; mà nếu không làm ngay thì công việc sẽ hóa khó khăn lắm !



Chúng tôi nghĩ hiện nay toàn quốc may lắm còn độ trăm nhà túc nho. Trong số đó, có lẽ có được độ mười cụ sẵn sàng làm công việc dịch đó (vì còn đủ minh mẫn và có thì giờ rảnh), và độ vài chục cụ sẵn sàng giúp ý kiến.

Chúng ta nên rước các cụ ấy về cả thủ đô rồi xin các cụ chỉ huy công việc dịch. Ta có thể thu thập đủ tài

liệu, gom lại một nơi, rồi chia làm hai ban :

— một ban dịch tác phẩm về văn thơ như bộ Hoàng - Việt văn tuyển, bộ Hoàng-Việt thi tuyển của Bùi-Tồn-Yêm (tức Bùi-Huy-Bích)....

— một ban dịch tác phẩm có tính cách khảo cứu, như về Sử, Địa,...

Mỗi ban giao cho bốn, năm cụ điều khiển. Có nhiều nhà tân học biết ít nhiều chữ Hán phụ lực cho công việc được mau. Công việc có thể sắp đặt như dưới đây :

— Các cụ lựa sách nào dịch trước, sách nào dịch sau,

— cùng nhau chấm câu (một người chấm, e có chỗ sai),

— phiên âm cho các nhà tân học chép,

— chú thích nghĩa những chữ khó,

— dịch nghĩa cho các nhà tân học chép.

— Các nhà tân học chép lại rồi, sửa lại cho gọn,

— sửa xong đưa các cụ coi lại xem có sai nguyên văn không.

— cho đánh máy, quay Ronéo lấy bốn năm chục bản.

— Những bản quay Ronéo đó sẽ gửi đi cho các nhà cựu học khác để xin giúp ý kiến, cho biết có sửa đổi gì không.

— Một số những bản sửa chữa rồi sẽ giữ trong các thư viện,

— Một số nữa, đưa cho vài tờ báo đăng.

— Khi dịch thơ thì hãy dịch ra văn xuôi cho thật sát nghĩa đã, rồi sau sẽ dịch ra thơ. Bản dịch ra văn xuôi, một khi đăng trên báo, tất có độc giả dịch ra thơ. Ủy ban sẽ thu thập những bài dịch đó, lựa bài nào hay nhất làm bản dịch để lưu truyền lại.

— Khi mọi công việc xong xuôi rồi, một số nhà tân học sẽ lập những thẻ cho mỗi tài liệu (thẻ sắp theo tên tác giả, và thẻ sắp theo từng môn loại) để cho mọi người có thể tìm kiếm và dùng những tài liệu đó được.

★

Công việc tất tốn tiền, nhưng không tốn bao nhiêu: chỉ một hai triệu bạc trong một hai năm là xong.

Có thể:

— mở vài cuộc xổ số (đã có những cuộc xổ số kiến thiết về nhà cửa thì sao không có cuộc xổ số kiến thiết về văn hóa?).

— nhờ các hội văn hóa (như các hội khuyến học) mở những cuộc diễn thuyết hoặc quyên tiền,

— nhờ các hội thanh niên diễn kịch để giúp quỹ bán những bản dịch cho các báo.

Hề chúng ta muốn làm là làm được. Ai là người yêu tiếng Việt mà không sẵn sàng giúp tay vào công việc bảo tồn văn hóa cò của ta?

Chúng tôi xin nhắc lại, chỉ trong 15 năm nữa, sẽ khó mà kiếm được một bực tức nho còn minh mẫn. Công việc ấy không thể trì hoãn được và rất cần cho văn hóa nước nhà. Hiện nay vẫn chưa có một bộ sử Việt-Nam, một bộ văn học sử Việt-Nam nào thực có giá trị. Tại sao? Tại những tài liệu cò giữ kín trong những viện bảo tàng mà quốc dân ít người đọc nổi. Một khi đã dịch hết ra Việt-ngữ, một khi những tài liệu ấy đã được phổ thông thì sẽ không thiếu gì người nghiên cứu để soạn những bộ sử có giá trị. Lúc đó, nền văn hóa của ta sẽ tiến được một bước khá dài.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

★ THỦ lãnh là kẻ nhìn thấu việc muốn thực sự và thực hiện cho bằng được những điều sở nguyện, nhưng thủ lãnh còn là kẻ khiến cho người khác cũng nhìn thấu việc: muốn thật sự và thực hiện cho bằng được những điều sở nguyện như mình.

★ THỦ lãnh là kẻ biết rõ mình muốn cái gì và biết điều động nỗ lực tương xứng với kết quả mình muốn thu lượm.

TRƯỞNG-PHÚC-GIÁO

VÀ SỰ MỞ TỈNH HÀ-TIÊN VÀO NĂM 1811

Nguyễn-Thiện-Lâu

VỀ lịch sử lý sử Hà-tiên, ta có nhiều chi tiết nê chú ý.

Trước hết miền Hà-tiên là miền của Chân-lạp, tức là Cao-miên bây giờ. Đất cao, giáp bờ biển, ở trong một cái vịnh sâu, ngoài khơi có một dãy cù lao bao bọc, địa thế Hà-tiên không những là đẹp mà còn hiểm yếu về phương diện quân sự và quan trọng về phương diện canh nông vì có đất cao và tốt.

Sau nữa, về phương diện dân cư, thật là nơi tứ chính quần cư, dân chúng rất phức tạp.

Nguyên là hồi Minh mạt, Thanh sơ vào khoảng cuối thế kỷ thứ mười bảy, đầu thế kỷ thứ mười tám, vì muốn trung thành với Nhà Minh, một số đông người Tàu, phần nhiều thuộc miền *Triết-giang*, *Phúc-kiến*, *Triều-châu*, dùng thuyền, theo gió bắc thổi mà di cư vào Nam.

Đồng thời, từ miền *Quảng-nam*, *Quảng-ngãi*, *Bình-định* các đồng bào ta, cứ theo bờ biển mà di cư vào Nam. Ta dần dần khai phá và chiếm cứ miền *Gia-định* và *Biên-hòa* bây giờ. Còn người Tàu thời chiếm miền Hà-tiên.

Dưới sự lãnh đạo của thủ lĩnh MẠC-CỬU, người Tàu đã lập ra một khu tự trị ở miền Hà-tiên.

Trước, thần phục vua Cao-miên, sau, thần phục Chúa Nguyễn vì quân đội ta mạnh, sau khi ta đã tở chức miền *Tiền-giang*.

Người Tàu đã tới Hà-tiên vào khoảng suốt thế kỷ thứ mười tám. Vào đầu thế kỷ thứ mười chín, sử cho biết là số lượng họ đông. Nhưng họ đồng hóa với thổ dân là người Cao-miên. Còn có một số người mà sử ta gọi là người Đờ bà, tức là người Mã-lai, một giống trong

những giống mà nôm na ta gọi là Tây đen, ở Nam-dương quần đảo di cư sang miền Hà-tiên.

Vậy, ta nhận thấy là miền Hà-tiên, vào đầu thế kỷ thứ mười chín, là một miền mà dân cư phức tạp, sự cai trị khó.

Sử ta cho biết chi tiết sau này :

« Tháng tám, năm Tân vị (1811) tức là năm thứ mười, triều vua Gia-long, Ngài cho Quản đạo Kiên-giang là *Trương-phúc-Giáo* làm Trấn thủ Hà-tiên, Định-tường ký lục *Bùi-dúc-Mân* làm Hiệp-trấn.

Ngài nghĩ rằng Hà-tiên là một chỗ quan yếu, hai người ấy biết rõ biên tình, cho nên Ngài bổ qua trấn ấy.

Bọn *Trương-phúc-Giáo* đến trấn, chánh sự khoan giản, không làm phiền nhiễu. Chính đồn trại quân, chiêu tập lưu dân, lập trường học, khẩn ruộng hoang, sửa sang phố chợ. Phân biệt người Nam người Tàu, người Cao-miền và người Đồ-bà, người nước nào, thời ở chỗ nấy. Thành một nơi đô hội lớn trong Nam-kỳ ».

Sử liệu dẫn trên đây trích trong bộ *Quốc triều chánh biên* cho ta biết một chi tiết rất quý về lịch sử tình lý Hà-tiên, vào đầu thế kỷ thứ mười chín, vào năm Tân vị (1811).

Hà-tiên là một cửa biên quan trọng của ta, dân cư phức tạp, giáp giới biên thùỵ Cao-miền và quân Xiêm muốn đồ bộ lúc nào cũng được. Hà-tiên là đất phải phòng bị, phải có đồn ải ở sau, để tiếp ứng.

Sử cho biết là năm Bính-tý (1816) vào tháng giêng vua Gia-long cho đắp đồn *Châu-đốc*.

Vào tháng chạp năm ấy, sử cho ta biết chi tiết sau này :

« Ngài xem địa đồ xứ Châu-đốc, truyền các quan thị thần rằng : Xứ này nếu mở đường thủy thông với Hà-tiên thời nông thương đều lợi cả. Ngày sau dân ở càng đông, đất mở càng rộng sẽ thành một trấn to ».

Vậy thành Châu-đốc là hậu thuẫn cho thành Hà-tiên. Sau vài năm sẽ có một con sông đào, từ Châu-đốc đến Hà-tiên, gọi là *sông Vĩnh-tế*. Con sông đào này là một công tác vĩ đại của ta, dưới sự thống đốc của Tổng trấn Lê-văn-Duyệt, vào cuối triều vua Gia-long (1820) và đầu triều vua Minh Mạng. Hà-tiên được liên lạc với Châu-đốc một cách dễ dàng, nông thương đều lợi, nhưng sự canh giữ biên phòng cũng được đảm bảo.



Đề kết luận, chúng ta mơ tưởng tới lý sở Hà-tiên, trước đây trên dưới một trăm năm mươi năm.

Vua Gia-long phái Quản đạo Kiên-giang là *Trương-phúc-Giáo* làm Trấn thủ Hà-tiên...

Trương-phúc-Giáo đến trấn, chánh sự khoan giản, không làm phiền nhiễu. Chính đồn trại quân, chiêu tập lưu dân, lập trường học, khẩn ruộng hoang, sửa sang phố chợ. Phân biệt người Tàu, người Cao-miền và người Đồ-bà. Người nước nào thời ở khu nấy, thành một đô hội lớn trong Nam kỳ.

Lịch sử đã ghi rõ ràng công của Trấn thủ Hà-tiên *Trương-phúc-Giáo*, một vị trấn thủ đầu tiên, của miền Việt-Nam quan trọng này, cách đây 150 năm.

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

Thế nào là hiền nhân ?

Ai-Công hỏi Khổng-tử : Thế nào là hiền nhân ? Khổng-Tử đáp : « Đã gọi là hiền nhân thì : Đức không nôm tạm cầu thả, hành đúng trong khuôn phép, Ngôn có thể làm phép cho thiên hạ mà không phung hại tới thân, Đạo có thể hóa được trăm họ mà không tổn hại tới căn bản. Giàu có ra thì thiên hạ không ai phải tích chứa của riêng ; bố thí ra thì thiên hạ không ai phải chịu nghèo khó. Đó là hiền giả vậy.

KHÔNG-TỬ GIA NGŨ

Thế nào là thánh nhân ?

Ai-Công hỏi Khổng-tử :

— Thế nào là thánh nhân ? Khổng-Tử đáp :

— Đã gọi là thánh nhân thì : Đức hợp với trời đất, biến thông không bờ bến ; suốt hết sự trước sau của muôn việc, hòa hợp cách tự nhiên với mọi loài ; thi hành đạo lớn cho toại thành tình tình. Sáng như mặt trời mặt trăng ; cảm hóa ra ngoài tựa như thần bí. Kẻ hạ dân không thể trông thấy đức độ, kẻ nhìn tới không thể biết được hạn giới. Như thế là thánh nhân vậy.

KHÔNG-TỬ GIA NGŨ

★ **THỦ** lãnh không phải là *chủ tịch*. Chủ tịch theo chính nghĩa của nó, không phải là một người *đứng*, mà là một người *ngồi*, chủ trì trong một hội nghị, chiết trung ý kiến của mọi người, rồi đề ra ý kiến của đa số ưu thắng mà thôi. Chủ tịch có thể là người khôn ngoan, có thể lực, song không phải là kẻ chỉ huy, nên không thể gọi là thủ lãnh.

★ **TRONG** một công cuộc, muốn biết ai là thủ lãnh, chỉ việc hỏi xem, trong trường hợp thất bại, ai phải chịu trách nhiệm.

NHÂN NGÀY GIỖ
TẢN-ĐÀ, THỨ 19 :



NHỚ TẢN-ĐÀ

(1888 - 1939)

TẢN-FONG-HIỆP

*Vân chương thời nôm na,
Thú chơi có sơn hà,
Ba-ò ở trước mặt,
Hắc-giang bên cạnh nhà :*

Ví thử bài thơ yết hậu này mà thiếu mất hai tiếng chót, thì đầu cạnh núi Tản, sát sông Đà, có biết bao người từng vui thú với sơn hà, từng vịnh nguyệt ngâm hoa đi nữa, người đời vẫn đồng thanh hạ giùm tác giả tên một trái núi cao, tên một con sông thâm, để thành một biệt hiệu trường tồn cùng đất nước ;

Tản-Đà !

Một đêm giao thừa nào, tiên sinh làm thơ tự vịnh, mở đầu bằng hai câu :

*Sông Đà núi Tản dục nên ai,
Trần thế xưa nay được mấy người ?*

Trần thế được mấy người, chúng ta chẳng biết, chớ nước Việt này chỉ có một tiên sinh. Và chỉ dưới bút tiên sinh, hai câu thơ hỏi thiên hạ ấy mất hẳn cái giọng tự phụ tự cao khó chịu của kẻ hợm mình, mà chỉ còn cái ngây thơ dễ mến của người dù tóc đã đổi màu mà lòng còn thơm ngát trắng trong, mà chỉ còn vững vàng cốt cách...

*Thanh cao phở trắng một cành mai.
Bạc tiền gió thoảng thơ đầy túi,
Danh lợi bèo trôi rượu nặng nai.*



Núi Tản ! Sông Đà !

Chẳng biết khi chọn tên núi ở trước mặt, chọn tên sông ở cạnh nhà, cậu ấm Nguyễn-Khắc-Hiếu chúng ta có muốn gởi cái chí làm trai của mình vào đó chăng : cao vòi vọi, sâu thăm thẳm, chớ

quả là chàng bạch diện thư sinh họ Nguyễn ấy đã để cả tình man mác như mây vờn núi Tản, và nao nao như nước cuốn Đà-giang.

Hướng chỉ khí huyết, hoàn cảnh đất nước cùng vài ngang trái trong trường tình ái, trên bước công danh, và cả dọc đường sự nghiệp, lại càng thêm vị, thêm men, thêm màu sắc âm thanh cho chữ « Tình » của ai vốn đã kết tinh thành khối, (mặc dù là một khối con con) ngay từ lúc cùng văn chương gá nghĩa.



Cha là một bậc quan to, lại là một bậc danh nho : mẹ là người sắc sảo, tài hoa, sống nghề giọng ca tiếng phách. Khách phong lưu giải phiến một lúc gặp kẻ tri âm lạc bước sông hồ, rồi cảm mến, nể vì, tóc tơ duyên một mối. Nàng danh ca thành « bà phủ Ba », và bà « mệnh phụ » thứ ba này vẫn giữ được thuận hòa cùng hai chị và mặn nồng với một vị chồng chung. Bài thơ bà đáp lại bà Nhân-Khanh hé cho ta thấy tài và tình của một tâm hồn tha thiết :

*Đêm qua vợ vẫn chốn thư đường,
Mong mỏi chung tình chẳng thấy sang.
Sáu khắc mơ màng người hảo hữu,
Năm canh tơ tưởng chốn Đình-giang.
Trông giăng bát ngát thương người
ngọc,
Thấy nước long lanh nhớ bạn vàng.
Hai chữ « tương tư » khôn xiết kể,
Khối tình chi để một ai mang.*

Hắn bà chẳng ngờ rằng một trong bốn « khối tình » của ông bà chào đời

năm 1888 (1) ở tỉnh Sơn-tây, huyện Bất-hạt, làng Khê-thượng, gần núi Tản, cạnh sông Đà, sau này lớn lên mang nặng một khối tình, và biết đâu tên tập thơ đầu đưa Tản-Đà lên đài bất tử : « *Khối tình con* », lại chẳng thoát thai từ câu kết, nửa hỏi nửa không của bà mẹ một thời tài sắc nôi danh :

Khối tình chi để một ai mang.

Cái khối tình ấy, sau này, Tản-Đà mang gánh lấy. Mang gánh lấy một mình. Và khối tình ấy được người mang nó xẻ làm hai, đặt vào hai bao, rồi xốc gánh lên vai, lăm lăm trên con đường thiên lý, một bóng với một hình. Phải chăng người bộ hành cô độc là kẻ toan liệu bồi bức dư đồ rách tả tơi, và hai khối tình con gói ở hai đầu gánh là cái mộng lớn trở nên « *một nhà văn học kiêm triết học ở Đông-dương* » ? — như lời tiên sinh mượn một nhân vật tiểu thuyết của tiên sinh — nàng Chu-Kiều-Oanh. — chúc vọng mình trong quyền « *Giấc mộng con* ».

**« Hai vai gánh nặng, con đường
thời xa ... »**

Mỗi lần nhớ lại câu thơ này, tôi không thể ngăn được chút ngậm ngùi : cái biểu trưng của « *Tản-Đà thư cục* » hiện lên trong trí liền với tám chữ ngắt làm hai ấy.

Và sao lắm khi tôi nghĩ rằng đó là hình ảnh của dân tộc Việt, cần cù, cam

(1) Trương-Tửu và Dương-Quảng-Hàm ghi : năm 1889 ; Nguyễn-Mạnh-Bồng và Nguyễn-Tiến-Lãng chép : năm 1888. Người viết bài này theo hai ông sau vì nghĩ ông Bồng và ông Lãng vốn là người thân của Tản-Đà. Và lại, Thiệu-Sơn, Hoài-Thanh và Hoài-Chân, những nhà phê bình chín chắn, cũng chép : 1888.

chịu, mà bền gan, vươn tới với hai lý tưởng mang nặng tự thuở nào : **được trường tồn và được vinh quang**, trong khi đường xa diệu vợi, chông gai cạm bẫy đầy đầy, mà đời kẻ giang san một gánh kia có phụ lòng ai chẳng tá ?

Thuyết « *Thiên lương* » mong khơi sáng khi đục vọng coa người như ngựa không cương, vãn thơ mong dựng nghiệp lúc « *vãn chương hạ giới rẻ như bèo* », thì hẳn gánh càng nặng trĩu, đường càng xa lắc với nhà nho từng thề với nước non :

— « *Nước non nặng một lời thề,*

— *Non non nước nước chưa nguôi lời thề. »*

Mà trước khi cùng nước non thề nguyện, tiên sinh đã qua ba cảnh tái tê lòng.

Mất cha từ tấm bé, mẹ lại vì xích mích trong gia đình mà cùng em gái út trở lại nghiệp xướng ca, cậu ấm Hiếu vốn được uốn nắn theo Khổng, Mạnh làm sao khỏi thương em, giận mẹ, khổ vì chung quanh ; lòng trẻ đã bị một vết thương sâu.

Rồi khi lòng trai hướng về một ngã, mộng song đôi e ấp gối học trò, thì phải một phen ngỡ ngàng : đáng sanh thành của người mình trộm nhớ đang chờ một chú rề cừ nhân đề ra tri truyện, mà người mình thầm mong cũng mong có thể thôi. Thì thôi, sử hầy nẫu thêm, kinh càng xôi nữa, quyết tâm chiếm lấy bằng vàng, đề tiếp theo, chiếm quả tim non người đẹp. Song dầu văn hay, chữ tốt có thừa, mà lắt léo của đề thi, chưa từng, nên đành nếm vị chua cay của gã hàn nho xem bằng chẳng thấy tên mình. Chua cay này lại thêm nghẹn ngào nọ : trở về thăm qua cô bán sách phố hàng Bồ, thời ai đó đang

bước lên xe hoa chực sẵn. — Một ông tri huyện nào đây đã đóng vai Sơn-Tĩnh mấy ngàn năm trước ? Không. Chỉ là con một ông huyện thôi, ngoài ra chẳng còn gì khác hơn là một kẻ ương ương dở dở.

— *Thương ai mà lại tiếc cho ai !*

— *Nặng lắm em ơi ! một gánh tình.*

Tiếc, thương, và tức. Cho nên người thất bại trên đường công danh, người thất vọng chốn tình trường có về quê cũ, có viếng bạn hiền, có ở chùa đi nữa, cũng không tránh được một trận cuồng điên.

Phải chăng đó là nguyên nhân việc « *tế Chiêu-Quân* » :

« *Đời người như thế có hoai mất không ? »*

Phải chăng đó là nguyên nhân việc tạo « *Người tình nhân không quen biết* ».

Non nước xa khơi tình bỏ ngõ,

Ai tri âm đó nhận mà coi.

Nhưng cái gì rồi cũng qua, và người ta rồi cũng có vợ. Người anh cả dạy dỗ, dịu dặt, chu toàn không còn nữa, gia đình đã lập, Tân-Đà giờ mới « *nhập thế cuộc* ».

Chán ghét con đường khoa cử, không thích vào giới bán buôn, tiên sinh chọn nghiệp mình : viết văn, làm báo. Biển cố bên ngoài và trong nước ảnh hưởng chẳng ít lớp thanh niên cựu học bấy giờ, tiên sinh không ra ngoài thông lệ : chú con nít Nhật thắng ông không lồ Tàu, anh học trò Phù-tang quật ngã ông thầy Nga-la-tur, một vua chính trị sáng suốt, một Khang-Hữu-Vi, một Lương-Khải-Siêu hồ hào duy tân, cả trường « *Đông-kinh nghĩa thực* » mở ra, giảng dạy rồi bị đóng

cửa, những bài văn, thơ ái quốc của cụ Sào-Nam từ nước ngoài gửi về, phong trào Đông-du sôi nổi, phong trào mở trường học, lập thương hội, chống hủ tục..., kháng sưu thuế vùng Nam-Nghĩa..., bao nhiêu việc dồn dập đầu thề làm chàng nho sĩ khí khái ấy dung dung.

Tiên sanh đem chí tài giúp sức Nguyễn-Văn-Vĩnh đang chủ trương tờ « Đông-dương tạp chí »; người ta bắt đầu đề ý đến tiên sanh từ đó, song lúc bấy giờ báo chí đang thời chập chững, nghề mới này chưa nuôi được kẻ quyết tâm đeo đuổi nó, nên mặc dầu Nguyễn-Văn-Vĩnh quý trọng con người và tài tiên sanh mà cũng chẳng thể dành cho tiên sanh một chân trong tòa soạn.

Kịp đến tạp chí « Nam Phong » chào đời, tiên sanh bèn gửi bài lai cáo và được độc giả hoan nghinh, nhưng rồi lại bị Phạm-Quỳnh nặng lời công kích ý tưởng ngông cuồng và lối hành văn điêu luyện của « Giác mộng con », khiến sự hợp tác không có ngày mai.

Không dặt dề « dụng võ », tiên sanh mới nhận lời soạn tuồng cho một chủ rạp hát. Và chúng ta mới có những câu thơ diễm tuyệt trong hai vở « Tây-Thi » và « Lưu-Nguyên nhập Thiên-thai ». Mấy ai quên được những lời duyên dáng của hai nàng gái Việt ở Trữ-la thôn vừa giặt lụa vừa hát :

Tây-Thi

Thân em như tấm lụa đào

Duyên tơ đã chấp nhuộm vào thêm tươi.

Trịnh-Đán

Một dòng suối mát thành thơ

Lơ thơ rìa đá một vạt ngọn xanh.

Tây-Thi

*Nao nao dòng nước uốn quanh,
Thướt tha lá lụa, rung rinh bóng người.*

Trịnh-Đán

*Rau leo quanh quẩn chân đời,
Suối xa xa đến tận trời, ai hay ?*

Tây-Thi

*Kìa trông con bướm xa bay,
Ấy ai tô phấn cho mày ? Bướm ơi !*

Trịnh-Đán

*Tung tăng đàn cá giông chơi,
Giữa dòng một cánh huê rơi nhẹ vào.*

Và chúng ta làm sao quên được khúc ngâm của hai tiên nữ đưa hai chàng Lưu, Nguyễn quyết trở về nơi gió bụi của trần ai.

*Lá đào rơi rắc lối Thiên-thai,
Suối tiễn, oanh đưa, những ngâm ngùi !*

Nửa năm tiên cảnh,

Một bước trần ai,

Ước cũ duyên thừa có thể thôi !

Đá mòn, rêu nhạt,

Nước chảy, huê trôi,

Cái hạc bay lên vút tận trời !

Trời đất từ đây xa cách mãi.

Cửa động,

Đầu non,

Đường lối cũ,

Nghìn năm thơ thần bóng trắng chơi.

Có lẽ lần này là lần đầu tiên mà thi đàn Việt-nam được nghe một giọng mới, lạ, thoát hẳn những bó buộc, gò gắm, khô cằn đay đay trong thời mới cũ giao

nhau trên bán đảo Ấn-độ — Chi-na này : một chút gì xôn xao còn e ấp, một vẻ gì phóng túng trong hình thức, trong nội dung, một ý muốn vươn lên khỏi cái chi chật chội, bực bội, sáo cũ, sà sà... Cái cầu giữa hai thế hệ, giữa hai thế kỷ — trong địa hạt văn thơ — không ai đủ tính cách hơn tiên sanh để mà bắc nó.

Thanh danh tiên sanh càng vững chắc, nhất là sau khi tiên sanh từ chối ân huệ của Émile Vayrac : vì trọng văn tài mà mời tiên sanh vào trường Hậu-bồ để sau này áo mào xuêh xoang.

Nên hội « Trung, Bắc-kỳ nông công thương tương tế » nhờ tiên sanh làm chủ bút cơ quan của hội, tạp chí « Hữu thanh ». Hai bài thơ tiên sanh chào độc giả trong số ra mắt đã nói lên tấm lòng ưu ái của người núi Tản sông Đà đối với quốc gia :

I

Tạp chí ra đời gọi « Hữu-thanh »,
Chim tìm tiếng bạn mượn để danh,
Dám đâu sườn núi kêu con phượng,
Ấu cũng trên cành học cái oanh,
Nam Bắc hỏi ai đường tiến hóa !
Đông Tây nào những sách văn minh ?
Hai mươi năm triệu đồng thanh cá,
Hữu ái mong ai một chút tình.

II

Trung-Nam-Bắc, chị cùng em,
Chị em trông đó con chim gọi đàn.
Chim kia còn biết gọi đàn,
Chút tình hữu ái chị bàn cùng em.
Tiếng gọi đàn giống được nửa năm,
thì lời tạm biệt già từ bằng hữu:
Mới nửa năm trời báo « Hữu thanh »,
Biệt li lai láng biết bao tình !



Hai vai
gánh nặng,
con đường
thời xa.

TẢN-ĐÀ

*Chút tình hữu ái bao thương nhớ !
Tiếng gọi đàn xa núi Tản xanh.*

Vốn nhà thơ phóng khoáng, vốn nhà nghệ sĩ lắm khi chấp cả thế gian, một cốc rượu có thể khè khà hết buổi, gặp được người đồng điệu thì trời đất có ra chi, tiên sanh khó mà thành công trong các việc kinh doanh, cũng như trong việc hợp tác với những người quá ư thiết thực. Không được vẹn tròn với « Hữu thanh », không ngoài cái cơ đó.

« Tản-Đà thư cục » được lập ra ở phố hàng Da. Và hình ảnh con người « Hai vai gánh nặng, con đường thời xa » bắt đầu in sâu vào trí nhớ quốc dân.

Dịch thơ văn, soạn sách, xuất bản sách, tự lực mà làm, tiên sanh gặp khá nhiều trở ngại; lại thấy sách in ảnh hưởng kém bề xa, mạnh, không bằng báo chí, tiên sanh cố khai sanh tờ « An-nam tạp chí », đưa con tinh thần đã làm cho lặn đận tiên sanh từ trắng

niên cho đến tuổi già, từ Bắc vào Trung và cả vô Nam nữa.

Số báo ra mắt, ở Hà-nội, đã nói những gì, thiên hạ hẳn ít ai còn nhớ đến, nhưng lắm người còn thuộc lòng bài thơ của người chủ trương với cái nhan khiêm tốn :

Sông cái, chiếc thuyền nan

*Thả chiếc thuyền nan bé tẻo teo,
Cũng buồm, cũng cột, cũng dây lèo.
Nghìn trùng sóng gió, ba khoang nước,
Bốn mặt non sông, một mái chèo.
Những hẹn nước mây thu mấy độ,
Thử xem trời biển rộng bao nhiêu?
Con đường vô hạn vui chẳng tá!
Mà hơi dòng sông tiếng nước reo.*

Số phận chiếc thuyền nan ấy đã quá rõ ràng, dòng sông cái cuốn phăng nó đi mất. « An-nam tạp chí » đình bản ở Hà-nội, thì lại tái bản ở Nam-định lần này chẳng còn « một mình chèo chống » nữa, mà có một số bạn bè cộng lực, tiên sanh lại chừa chan hi vọng, chiếc thuyền nan độ nạn nay thành chiếc tàu rồi !

Chiếc tàu An-nam

*Bốn bề năm châu náo cuộc đời,
Con tàu bản quốc, chị em ơi!
Tâm thân dầm nước dầm nên sắt,
Tiếng hiệu vang sông mới hét còi,
Vồn vã gió mưa cơn giục khách,
Mênh mông trời bể bước ra khơi.
Hỏi thăm Âu, Mỹ bờ đâu bến?
Mở máy, quay guồng quá độ chơi.*

Nhưng chiếc « zâu bản quốc » ấy tách bến chẳng được bao xa lại phải lui về nơi phát xuất. Mà như thế đến ba lần nữa, đó là không kể lần

vào Nam với cả gia đình cùng Ngô-Tất-Tổ, nhưng thế lệ ti kiêm duyệt không cho « An-nam tạp chí » tái bản ở miền Nam.

Có người tìm xem vì đâu tiên sanh thất bại trong đời làm báo, như nhà phê bình Thiếu-Sơn (2) :

« ... đã chủ trương một cơ quan « ngôn luận, lý ứng phải có giọng « dạy đời.

« Song nói cái nghề dạy đời, nó « không phải là cái sở trường của ông, « thì sao ông không lại « ru đời » là « cái việc của Tạo-hóa đã trao cho « ông » (...)

Người bạn từng cộng tác với tiên sanh trong nghề báo, Ngô-Tất-Tổ thì đổ lỗi cho « ma men » (3).

« Nguyên nhân làm cho tờ tạp chí « ấy phải chết là rượu. Đành rằng nếu « không có rượu, thì ông Tản-Đà « sẽ không thành ông Tản-Đà. Nhưng « trong khi nó làm cho ông Tản-Đà « thành ông Tản-Đà, chính nó cũng là « thủ phạm làm cho « An-nam tạp « chí » không có bài đưa cho nhà in ».

Lại có người trêu cợt tiên sanh, cho là tại Trời phạt tội. Người đó là Khái-Hưng Trần-Khánh-Giur, dưới bút hiệu Bán-Than. Bài thơ đùa cợt lại nằm trong số báo đầu của tờ « Phong hóa » đời mới, (4), do Nguyễn-Tường-Tam chủ trương, cạnh bức tranh hài hước của Tú-Ly : Tản-Đà tay cầm bút

(2) Phê bình và cáo luận. — Nam-ký xuất bản. — Hà-nội, 1933.

(3) Tạp chí « Tao đàn », số đặc biệt về Tản-Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu. — 1-7-1.939.

(4) Số 14, bộ mới, ngày 22-9-1932.

lông, tay nâng cốc rượu, chung quanh
chai bố, chai con lồn ngồn, với sách
có tên « Khố tình, Còn uống » bên
mình... và cái « bài ngà » với hai chữ
« Trích tiên » thì phải.

Bức tranh ấy, ý thơ kia giúp cho cái
tên Nguyễn-Khắc-Hiếu và cái tậ « bên
thời be rượu, bên thời câu thơ » của
« người nghìn năm thi sĩ, tửu đồ » ấy
càng được người đời biết rõ, nhớ lâu.

Trời dầy Nguyễn - Khắc - Hiếu

Trong phòng khách cụ Trời,
Cậu nhỏ đứng văn bôi.
Sây tay đánh rơi vỡ :
Nguyễn-Khắc-Hiếu ra đời !

Từ khi Hiếu xuất thế,
Vẫn nhớ cảnh thiên tiên.
Bữa cơm thường phải rượu,
Nhưng tút lại rỗng tiền.

Liền xoay nghề văn chương,
Viết bữa bán phố phường.
Thơ chạy tha hồ uống,
Say khướt suốt đêm trường.

Rượu ngon thức nhắm ngon,
Giọng văn lại càng dòn :
Khố tình con, tình lớn,
Giấc mộng lớn, mộng con.

Thích chỉ năm ngăm nga,
Tiếng động vang Ngân-hà,
Trời hỏi : « Ai ngăm thế ? »
Muôn tâu : « Ông Tân-Đà ».

Trời nổi trận lôi đình,
Rằng : « Cái thằng tiên ranh !
Ta dầy xuống hạ giới,
Đề hấn chịu nhục hình.

Ai ngờ hấn vẫn nhàn,
Ngày tháng ngăm thơ tràn,
Các người ai có cách
Bắt hấn phải gian nan. »

Chư tiên đồng thanh nói :
« Tội nặng nhất trần phàm,
Là bắt anh Khắc-Hiếu
Làm chủ bút « An-Nam ».

Bán-Than

Giữa cọt tiên sanh không ai bằng
nhóm « Tự lực văn đoàn », thế mà khi
tiên sanh cần « bán văn ở chợ người »
để tròn nợ áo cơm, thì chính báo « Ngày
nay », sẵn sàng mở mục dịch thơ Đường
cho tiên sanh thi thổ ngay sở trường.
Nhưng giúp báo « Ngày nay », giúp

nhà xuất bản Tân - dân không đủ
nuôi sống nhà thơ với đàn con dại,
nên một hôm đọc giả của « Khố tình
con », của « Giấc mộng lớn », của « Hữu
thanh », của « An-nam tạp chí », của
« Tân-Đà thủ tục » ngăm ngủi mà đọc
quảng cáo sau đây :

Hà - lạc lý số

*Nguyễn-Khắc-Hiếu Tàn-Đà !
 Nay mai sắp ở Hà.
 Hà-lạc đoán lý số,
 Đàn ông và đàn bà.
 Ai gần xin đến hỏi ;
 Thư gửi, người ở xa.
 Biên rõ năm cùng tháng,
 Ngày giờ nào để ta...
 Một cứ ước tuần lễ,
 Có thư mời khách qua.*

« Hậu bạc kẻ chi mà. »

Và chính tiên sanh chẳng kẻ chi đến bao cái cảm dỗ sẵn kẻ : nhún mình xuống một chút, là Chánh phủ Bảo hộ, là Nam-triều lấy làm hân hạnh giúp đỡ cho một nhà văn có tài, có đức đang gặp cảnh túng cùng. Tiên sanh vui với cái nghèo, trọn đời sống trong thanh bạch, luôn luôn lấy mồ hôi mình mà đổi lấy chén cơm.

Phải chăng những lúc « chạy ăn từng bữa » rồi, ngồi rờ mái tóc diềm sương, nhìn cây bút lông, cây bút sắt, nhớ bức dư đồ vẫn rách tả tơi, mà nhà nho lỡ vận, nhà thơ chẳng gặp thời của chúng ta khai sanh mấy bài « Thơ vặt » sau đây ?

I

*Tiếng quốc đã khan,
 Ruột tâm thêm rối.*

*Ngày tháng như trôi, năm chẳng đợi,
 Thời oanh tạc liễu đợi sâu xuống.*

II

*Ngày tháng trôi bao cuốn lịch ?
 Nước non cách mấy dịp cầu ?*

*Quyền số lấy đã rõ,
 Xin cứ nói thật thà.
 Hán-văn âm quốc-ngữ,
 Quốc-văn bày nghĩa ra.
 Còn như tiền đặt quẻ,
 Nhiều năm (5đ), ít có ba (3đ).
 Nhiều ít tùy ở khách,
 Hậu bạc kẻ chi mà.*

Kính cáo.

*Xuân xanh vẫn muôn màu,
 Đầu xanh ai đã bạc đầu chẳng ai ?*

III

*Tài tình gương sáng treo cao,
 Qua đường khách có trông vào mà
 kính ?*

IV

*Đời người như giấc chiêm bao,
 Trơ trơ là cái hoa đào gió đông !*

V

*Rồng Tiên nòi giống,
 Hoa gấm giang san,
 Con đường tiến thủ gian nan,
 Đường xa nghĩ nổi chứa chan bao
 tình.*

Chứa chan bao tình, mà cũng ghen ngào lắm nổi.

Còn nhớ thời bầu nhiệt huyết đang sôi trong huyết quản, nhìn non sông gấm vóc trải trên giấy chẳng còn lạnh, mà vịnh :

*Nọ bức dư đồ thử đứng coi,
 Sông sông núi núi khéo bìa cười.*

Biết bao lúc mới công vờn vẽ,
Sao đến đây giờ rách tả tơi ?
Ấy trước ông cha mua đề học, (5)
Mà sau con cháu lấy làm chơi !
Thôi thôi có trách chi đàn trẻ,
Thôi đề rồi ta sẽ liệu bồi.
Đề rồi, lặn lội với cuộc đời, thất
bại, hỏi người rồi phiền ông Tạo :

.....
Ai, ai, ai còn có nhớ ai không ?
Phố hàng Lọng đội tiên phong, tên
lính cũ.

.....
Qua thuở đó non Hồng - lĩnh,
bề Thuận-an,
sông Sàt-gòn
đôi Vĩnh-yên...
Nam môn,
Bắc tàu,

Bức dư đồ nhem xấu vẫn còn nguyên.
Trải ba đào trong khoảng bấy nhiêu
niên,
Ông Tạo-vật ghét ghen nhường đã
quá.

Cho đến một ngày kia, cái ông Tạo-
vật hay ghét hay ghen nọ không còn
ai đề ghét với ghen : ngày 7 tháng 6
năm 1939, nhằm 20 tháng 4 năm ki-
mão, ngày nhà thơ Tân-Đà ra khỏi cõi
đời đáng chán mà đáng chơi này. (6).

Xin nhờ người bạn vong niên và chí
thân của tiên sanh, Nguyễn-Tuân, gọi lại
chút bóng vang của ngày hôm ấy : (3)

« Sớm nay (7/6), ở Thư-viện ra, Vũ-
« Bằng rủ tôi đi uống một cốc rượu mạnh.
« Dọc đường phố hàng Bông, người
« trưởng nam ông Nguyễn-Khắc-Hiếu

« mếu máo tin cho tôi biết rằng ông già
« cậu vừa mất. (...)

« Ngồi ở một từ điển Bờ Hồ, tôi vừa
« quấy cốc rượu Berger cho nổi bọt lên,
« tôi vừa nghĩ đến một câu mà ông Tân-
« Đà đã gở miệng nói giữa bữa rượu
« hôm trước :

« — Này bác Tuân, làm thế nào mà
« lúc chết, được đề mả chỗ Hàm Rồng
« Thanh hóa, ngay chỗ bên cầu treo, ở
« đấy mát lắm ».

« (...) Người trích tiên, đánh vỡ cái
« chén ngọc ở Tiên cung, đã đến lúc mãn
« hạn đi đây ! « Cái học » đã « bay lên
« vút tận trời ! » Năm mươi mốt tuổi đầu,
« thế cũng là đến cõi. « Cửa trời, tham
« được có ngần ấy thôi ! » Tôi nâng cốc
« rượu còn đầy, chỉ định nhớ chứ không
« thương một thi nhân vừa đặt chân vào
« cõi Bất-diệt.

« Nhưng lúc tôi vào nhà 71 Cầu Mới
« (7), lòng tôi thất lại. Ông Tân-Đà còn hấp
« hối. Và đang thở hắt ra. Cứ đều đều, cứ
« nhẹ thế cho đến hơi thở cuối cùng.
« Hai môi mím khít lại, ông Tân-Đà có
« nét mặt dãn dùm của một người chết
« khó khăn. Phải, chung thân làm một
« người bất đắc chí, sống đã chẳng được
« toại lòng, người nằm sượng sượng dây khó
« mà đi cho nó nhẹ nhõm được. Tôi
« bắt đầu cảm thấy hơi lạnh. Ở đầu
« giường bệnh, vẫn cái chõng sách cũ
« nát trên cái ghế một thay làm án thư

(5) Lầm sách chép : « mua đề lại ». Theo Nguyễn-
Công-Hoan, người đã từng cộng tác với Tân-Đà,
thì chữ « lại » là sai, đúng ra là chữ « học ».

(6) Về ngày tiên sanh mất, xin xem đoạn « Phụ »
ở sau.

(7) Còn gọi : Ngã-tư Sở (Hà-nội).

« và bên chông sách, bừa bãi đầy đó
 « mấy trang bản thảo. Tập di cảo ! Trời !
 « Và lẽ loi ở góc bàn, vẫn cái hũ rượu
 « cấp giới ngày nọ. Tất cả, chỉ có thể
 « thôi. Với một đàn thể tử yếu và đuối ! »



Mười chín năm qua.

Một sự ngẫu nhiên lạ lùng : dương
 lịch, 1939, ngày 7
 tháng 6, nhằm ngày
 20 tháng 4, năm ki-
 mảo, âm dương lịch ;
 dương lịch, 1958,
 ngày 7 tháng 6, lại
 nhằm ngày 20 tháng
 4, năm mậu-tuất, âm
 dương lịch (8).



Tản-Đà hồi 30 tuổi

Mấy thuở mà dương
 và âm trùng tháng,
 trùng ngày với nhau
 như thế !

Chẳng biết từ cõi
 không ô không trọc,
 người trích tiên đã trả
 xong cái nợ trần ai

có thực hiện lời xưa kia người thốt ra
 trong một đêm thu quá chán quá buồn,
 mặc dù chẳng phải là rằm tháng tám :

« Tựa nhau trông xuống thế gian cười. »

Sao tôi lại nghĩ rằng khi ở với
 người đời, mệt, chán, Tản-Đà muốn
 lánh trần ai, không ngót « nhìn lên » ;
 mà nay — giả tí — ở nơi tiên cảnh,
 cạnh những cái đẹp chẳng đổi thay,
 giữa những người thanh cao mãi mãi,
 Nguyễn-Khắc-Hiếu lại hay « nhìn xuống »,
 rất muốn được như Lưu Nguyễn trở về cõi
 cát bụi thử xem sao, hưởng chỉ mười

chín năm rồi, đất nước và trí, hồn của
 người Việt đã trải qua mấy cuộc bề
 đầu..

Tản-Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu hẳn là rất
 nhớ nước, non, người Việt. Và người
 Việt chúng ta càng nhớ « cái hạc bay
 lên vút tận trời », nhân ngày giỗ người, là
 vì rằng qua mấy cơn xáo trộn lớn lao, qua

bao cuộc thấy nghe
 chua xót, qua bao
 phen tin tưởng, mong
 chờ, hành động, thất
 vọng, bị phản bội, bị
 gạt lường,... tự do
 mền yêu, tiêu dễ dàng
 như rót đầy ly rượu
 bi, đời sống thiêng
 liêng, mất lệ làng hơn
 ngâm nửa câu thơ, có
 ai trong chúng ta —
 từ 1939 đến năm nay,
 1958 — mà chẳng có
 phen hăng hái cháy
 phừng, chán ngán vô
 biên, ngông nghênh

cực độ, lãng mạn vỡ bờ, bơ vơ tức
 nước, say sưa với một người yêu xương

(8) Nguyên là « âm dương hiệp lịch », nói
 gọn lại : ta thường gọi lầm là âm lịch. Trùng
 nhân đây cũng nên trích đoạn này trong quyển
 « Lịch Tam tông miếu », năm tân-mão, 1951 :
 « Từ xưa đến nay, nước ta vẫn dùng lịch của ta
 người Tàu. Nhiều người lầm tưởng lịch của ta
 dùng đây toàn là Âm lịch nên phép tính chỉ
 căn cứ vào hành động của mặt trăng (ức là
 Thái âm) mà thôi. Nào dè đầu lịch này cũng
 dựa theo hành động của mặt trời (ức là Thái
 dương) mà định nữa. Bởi có đó, người Tàu mới
 gọi lịch mình dùng là « ÂM DƯƠNG HIỆP
 LỊCH ». Trong mấy cuốn lịch Tàu, ở đầu mỗi
 tháng, có nêu bốn chữ đó, mà ít ai để ý tới (...)
 Người Pháp gọi là « Calendrier luni' solaire »
 (...) Theo Âm dương hiệp lịch, người ta dựa vào
 mặt trăng để tính tháng và dựa vào mặt trời để
 tính năm ».

thịt hay với một người tình không biết mà cũng chẳng quen, đắm hồn trong rượu ngọt, trong miếng ăn, trong thơ văn, trong mảnh vườn chăm sóc quá ân cần, trong đàn gà nuôi các ca các cùm, ngờ ngác bảo :

« Sầu Trời Biển,

Hồn Trăng Sao »

và ghen ngào hỏi :

Nước, non, non nước, làm sao hỏi người. »

hay lần thân với mình : « Lòng mình có được tấc nào để cho ai giữ hộ mình chẳng ? » để mà cuồng điên hơn một bận, và để hơn một bận, chẳng biết mình sống trong mơ hay vào cõi mộng, mà ha ha như chàng Phạm-Thái tức Chiêu Lì :

— « Ha ha ! Chí lớn trong thiên hạ không đặng đầy một hồ rượu.

— « Ha ha ! Chí lớn trong thiên hạ không đặng đầy hai con mắt mí nhân ».

(9)

Sao chúng ta thấy mình gần con người ấy quá !

Mà thử hỏi mấy ai trong chúng ta được như con người của hai thể kỳ ấy : bơ vơ mà không mất gốc, nghèo túng mà vẫn sạch trong, thân dần vào cát bụi mà hồn giữ được thanh cao, chán nản có mà tuyệt vọng thì không, thờ than không tránh khỏi mà rên rỉ, chẳng khi nào, có khi nói

Côi đời chán lắm chị Hằng ơi !

Trần thế em nay chán nữa rồi.

Cung quế đã ai ngồi đó chưa ?

Cành đa xin chị nhắc lên chơi.

Có bầu có bạn can chi túi,

Cùng gió cùng mây thế mới vui.

*Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám,
Tựa nhau trông xuống thế gian cười.*
(Muốn làm thằng Cuội)

— mà cũng có khi bảo :

— *Năm nay tuổi đã bốn mươi hai,
Ta nghĩ mà ta chẳng giống ai :
Khắp bốn phương trời không thước đất,
Địa cầu những muốn ghé bên vai.*

(Khai bút, năm canh-ngọ : 1930)

— *Bạc đánh còn tiền thua cóc sợ,
Đời chưa đáng chán chị em ơi !
Trần trọng cùng ai trong nữ giới :
Sơn hà ai có ghé bên vai ?*

— có khi mộng, rồi lại tỉnh, để mà muốn
mộng nữa.

*Giấc mộng mười năm đã tỉnh rồi,
Tỉnh rồi lại muốn mộng mà chơi.
Nghĩ đời lắm nỗi không bằng mộng.
Tiếc mộng bao nhiêu để ngán đời
Nhưng lúc canh gà ba cốc rượu,
Nào khi cánh điệp bốn phương trời.
Tìm đâu cho thấy người trong mộng,
Mộng cũ mê đường biết hỏi ai !*

— có khi cắt bút « vịnh Kiều » ;

*Tồng đốc ví thương người bạc phận,
Tiền-đường chưa chắc mã hồng nhan.*

— có lúc muốn,

*Muốn ăn rau sắng chùa Hương,
Tiền đò ngại tổn, con đường ngại xa.
Người đi, ta ở lại nhà,
Cái dưa thì khú, cái cà thì thâm.*

để rồi nhận được « một gói gửi nhà dây thép cho, ngoài bọc giấy trong là rau sắng (...) Lại cái phong thư cùng tiếp nhận mở xem chỉ thấy ở mảnh giấy có mấy câu lục bát, tức là lời gửi rau

(9) Trong « Tiêu-son tráng sĩ » của Khái-Hung.

sáng ; trên không dề là ở đâu gửi đến,
đi vào ngày hôm nào, dưới ký tên như
một người đàn bà con gái. »

Nguyễn Tiên-sinh nhả giám

« Kính dâng rau sáng chùa Hương,
« Đỡ ai tiền tốn, con đường đỡ xa.
« Không đi thời gửi lại nhà
« Thay cho dưa khú cùng là cà thắm. »
Đỗ Tang-nữ bài tặng

— nhận bốn, thì phải trả gấp đôi, cả vốn
lần lời, không biết người ta ở đâu, thì nhân
bộ đoản thiên « *Truyện thể gian* » ra
đời, hãy xin gửi vào đó vậy :

Mấy lời cảm tạ tri âm,
Đồng bang là nghĩa, đồng tâm là tình.
Đường xa, rau vẫn còn xanh,
Tấm lòng thơm thảo, bát canh ngọt
ngào.

Yêu nhau xa cách càng yêu,
Dấu răng suông nhạt càng nhiều chứa
chan.

Nước non khuất nẻo ngư nhân,
Tạ lòng xin mượn « *Thể gian* » đưa
lình.
Nguyễn-Khắc-Hiếu bài phục

— có phải chăng vì được rau sáng mà
tiền sanh cao hứng bàn về cái ăn... ngon :

« Giờ ăn ngon ; đồ ăn không ngon,
« chỗ ngồi ăn không ngon, không được
« người cùng ăn cho ngon, không ngon. »

— có khi nghe việc trái tai mà bất bình
cuồn cuộn :

— Thật có hay là mắc tiếng oan ?
Kém năm trăm nữa đủ ba ngàn.
Hơi đồng đã sạch mồm ông lớn,
Mặt sắt còn bia miệng thể gian.
Cũng bört thẳng dân ngu quá lộn,

Cho nên quân nó dễ làm quan.
Đào mà đào được thì đào mái,
Mềm cứng bây giờ đất Vĩnh-an ?
(Chữ tuần phủ họ Đào ở Thái-bình (10)

— Thái-bình chưa dứt tiếng kêu oan,
Lại tiếng kêu trời đất Nghệ-an.
Một phủ Anh-sơn trong mấy tháng,
Mà tay Phan-tử lấy ba ngàn.
Cũng phùng đối nước, quân ăn cấp,
Cũng lủ tàn dân, giống hại đàn.
Lạnh lẽo hơi sương tòa tạp chí, (11)
Lệ ai ràn rụa ướt giang san.

(Chữ tri phủ họ Phan ở Anh-sơn Nghệ-an)

— có khi thấy việc gai mắt mà mĩa mai
cay độc :

Năm ngoái, năm kia, đục mấy vắn,
Năm nay quan lại đục hai chân.
Khen cho đá cũng bền gan thật,
Đúng mãi cho quan đục mấy lần (12).

— lại có khi nghe một tiếng chim gi,
phải chăng « tiếng cuốc dò ngang » ?
mà nhớ mà buồn :

Ai đi đường ấy mà chi,
Nước thì đục nước, buồn thì khó buồn.
Đêm đêm chớp bề mưa nguồn,
Ai đi đề lại cái buồn cho ta.

— khi dịch thơ người Tàu, nhớ nhưng
khắc khoải :

Từ ngày anh bước ra đi,
Cửi canh bỏ dở, nghĩ gì sửa sang.
Nhớ anh như nguyệt tròn gương,
Tiêu hao ánh sáng, đêm thường lại
đêm. (13)

(10) Ở Thái-bình, tuần phủ họ Đào được đời
đi Vĩnh-an.

(11) An-nam tạp chí.

(12) Tuần phủ họ Từ ở Ninh-bình cho đục thơ
vào sườn núi Non-nước, đục đá làm bàn cờ, đục
ghế ngồi hai bên, lại đục dấu hai bàn chân mình.

— lúc dịch thơ người Việt, cảm khái
trầm hùng :

Việc đời man mác, tuổi già thôi !
Đất rộng trời cao chén ngậm ngùi.
Gặp gỡ thời cơ may những kẻ,
Tan tành sự thế luống cay ai !
Phò vua bệng những mong xoay đất,
Gột giáp sông kia khó vạch trời.
Đầu bạc giang san thù chữa trả,
Long-tuyền mấy độ bóng trăng soi. (14)

— « đánh bạc », cũng thử bàn :

« Trong đời người, sáu bảy mươi
« năm, bao nhiêu cảnh thuận, bao nhiêu
« cảnh nghịch, bao nhiêu cái sướng,
« bao nhiêu cái buồn, bao nhiêu cái cười,
« bao nhiêu cái khóc ; nhưng ngời mà
« nghĩ, chỉ như canh bạc chơi một đêm (...)

« Người ta ở trong đời, khi nời
« khi chìm, lúc may lúc rủi, không rồi
« lại có, đầy rồi lại vui, lên lên, xuống
« xuống, như cây thụt máy tàu.
« Tiền chôn bạc chứa, chưa là giàu ;
« võng lọng ngựa xe, chưa là vinh,
« xiềng xích gông cùm, chưa là nhục.
« Những cái đó chỉ như một ván tổ
« tôm, một cái búng quay, một tiếng sóc
« đĩa, làm cho ta đương mừng hóa lo,
« đương buồn hóa sướng, say sưa chìm
« đắm, khóc hã, thương hoài (...)

« Ông Không-Tử khi trước, lúc đi
« cầu, lúc đi bán, lúc làm quan nhỏ,
« lúc làm quan to, lúc đi chơi lang
« thang, lúc ngồi nhà dạy học : tan
« cuộc 72 năm, còn được lại hai chữ
« thánh sư. Ông Nã-Phá-Luân lúc làm
« quan, lúc làm vua, lúc làm tướng,
« lúc trong tay 80 vạn quân lính găm
« hết châu Âu, lúc một mình giam lỏng
« chốn bãi bể : tan cuộc 52 năm, còn

« được lại một tiếng anh hùng.

« (...) Nay cứ lấy lẽ thường mà nói,
« thời con người ta đã đem thân chơi
« với cuộc đời, cũng nên liệu tính làm
« sao, lúc đứng dậy kiểm dot ba chút.
« Có lẽ đánh bạc không mong được,
« mà chỉ thức đêm ăn nhục - phở ?

« Này ai ơi ! Thử trèo búc tường
« đồ, trông quăng đồng xa, mồ con mả
« lớn, chỗ năm chỗ ba, chẳng quan thời
« dân, chẳng trẻ thời già, trước cũng
« người cả, bây giờ đã ma ! Nào tiền
« nào của, nào cửa nào nhà, nào con
« nào vợ, nào lợn nào gà, nào câu đối
« đồ, nào mảnh mảnh hoa, nào đầu đầu
« cả ? Mà chỉ thấy sương mù nắng đất
« vớt mưa sa ! Cuộc nhân thế từ xưa
« mãi thế, làng chơi ta phải biết, trăm
« năm khôn dại để ru mà ! ».

— « thái độ », thì đã thích :

« Con người ta ở đời, có hai thái
« độ đáng quý, một là làm thánh hiền, hai
« là làm hào kiệt. Nhưng đem so sánh thì
« làm hào kiệt vẫn sướng hơn. Cái cuộc
« đời ấy mới là ồ ạt ».

— « thứ cá và loại mồi », người sành
ăn ấy nhận xét :

« Nội trong loài cá, chỉ có con diếc
« là sạch nhất. Và khó câu nhất. Giống
« nó chỉ hay ở chỗ nước trong và ăn
« toàn bọt nước. Thả cái mồi gì nó cũng
« chê cả. Định lấy một cái mồi thơm mà
« như nó như là người là thường như một
« con rô hay một con chuối, thực cái
« anh đi câu đã làm một việc tối vụng về ».

(13) Tự quán chỉ xuất hi của Trương-Cửu-Linh.

(14) Thuật hoài của Đặng-Dung.

— nói về « Thiên-lương », người từng ôm hoài bão làm nhà triết học ở Đông-dương viết :

« Bao sự nghiệp của kẻ thánh hiền, hào « kiệt, tiết hạnh, kẻ trung thần, liệt nữ, « trí tuệ, kẻ tiên tri, tiên giác, đã không « một sự gì không bởi thiên lương, mà « người thường chúng ta được một điều « ăn ở hay, cũng không một chút gì là « không bởi thiên lương cả ». (15)

— còn những khi nhân tướng, nhà nho trọn đời không toại chí ấy ghi :

— « Người đàn ông cũng nên hơi có « một chút cái tính chất tàn nhẫn ».

— « Người đàn ông ở đời, đáng sợ « nhất duy có là vợ : duy người vợ có đủ « thể lực phá hoại cái sự nghiệp cả một « đời người đàn ông ».

— « Sự đời đáng buồn nhất, là con « cháu không bằng ông cha ».

— « Trong thế giới, chỉ có giống dân « hèn, không có nước nào nhỏ ».

— « Đi xe lửa hoặc xe hơi, mà ngồi « ngoài mặt về đằng sau, có hại cho « cái tư tưởng tiến bộ. »

— « Người đàn bà con gái, khóc thời « không đẹp mà mếu thời đẹp ».

— « Người ta không nên ghét cái gì « đến quá lắm ; bao những cái mà mình « ghét lắm, thường hay dính vào mình. »

— « Thiên hạ thường xấu hổ cái sự « không đáng xấu hổ, mà không xấu hổ « cái sự đáng xấu hổ. »

— « Bốn bề chín châu, chưa quá xa « hơn gang tấc. »

— « Đợi có nhiều tiền mới làm việc, « thời việc ấy không bao giờ có làm. »

— « Các hạng người trong thế gian,

« không cứ khôn hay dại, sang hay hèn, « làm dày tờ lẫn nhau cả.

— « Cầu tình nghĩa ở trong xóm Bình- « kang, cũng như công lý ở thế giới. »

— « Bạn hữu mà không có chỗ « thân hơn vợ chồng, thời chưa đủ kể « là bạn. »

— « Ở đời đáng quý, là người bạn « chưa biết mặt mà tình thân. »

— « Bè bạn sơ nhau, phần nhiều là « do ở vợ ».

— « Ở đời, nếu không phải sợ ai « thời là nhất ; nếu còn phải có sự thời « sợ vợ là hơn. »

— « Nếu giang sơn mà biết nói thời « danh sơn thẳng cảnh, ít có người dám « chơi. »

— « Trong thế giới có một cái công « lý : thánh hiền, hào kiệt, không cấm « ai không được làm.

— « Từ 25 tuổi trở về trước, làm « phong lưu công tử ; từ 26 cho đến 45 « tuổi, làm cao nhã văn nhân ; từ 46 cho « 55, làm anh hùng hào kiệt ; từ 56 trở

(15) Trúc-Khe Ngô-Văn-Triệu có tóm tắt, trong bài « Tân-Đà triết học » đăng trong số « Tao-Đàn đặc biệt về Tân-Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu :

« Thiên lương là gì ? Là cái hay cái tốt ở trong lòng người, người ta ngay từ lúc thụ sinh, đã được trời phú-dữ cho. Loài người sở dĩ hơn các loài vật khác là vì có cái thiên lương ấy.

« Thiên lương là loài không có hình, nhưng cũng có thể phân tích để thấy rằng nó có ba chất :

1.— *Lương trí*, là cái trí giác về bên hay, để cảm biết về sự hay.

2.— *Lương tâm*, là cái bụng dạ về bên hay, để tiếp nhận các sự hay.

3.— *Lương năng*, là cái giỏi về bên hay, để làm theo các sự hay.

Đó là ba nguyên chất của thiên lương : ba chất điều hòa là thiên lương trọn vẹn ».

« trở về sau nữa, làm một nhà triết học
« làm bạn với non xanh. Một đời người
« con trai như thế, có nhẽ cũng không
« uổng. »

— « Mười cái đại, chưa dễ làm nên
« một cái khôn. »

— « Luân lý như một cái bức rào rất
« đơn sơ, chỉ ngăn chặn được những
« người không muốn vượt. »

— « Con người ta ở đời, lúc nào cũng
« coi cái sự sống như là thừa, thời mới
« mong có công nghiệp vĩ đại. »

— « Trong cái xã hội nhỏ con, mà chỉ
« những hiềm oán nghi kỵ lẫn nhau, thời
« ai biết cùng ai đi lại. »

— « Tội ác xã hội ngày nay, không gì
« lớn hơn lợi dụng sự ái quốc. »



— 1939 : mùng 7 tháng 6 :

20 tháng 4 ki-mão ;

— 1958 : mùng 7 tháng 6 :

20 tháng 4 mậu-tuất.

Nhớ Tân-Đà, chúng ta nhớ đến tạp
chí « *Hữu-thanh* », « *An-nam tạp chí* »,
chúng ta nhớ đến « *Tân-Đà thư cục* »,
cùng những « *của tin* » của người đề
lại :

« Khỗi tình con. — Khỗi tình. — Lên
sáu. — Lên tám. — Đài gương. — Đài
gương truyện (tức Đền bà Tàu). — Giấc
mộng con. — Giấc mộng lớn. — Thề non
nước. — Thần tiên. — Truyện thế gian. —
Trần ai tri kỷ. — Tây-Thi. — Lưu Nguyễn
nhập Thiên thai. — Tân-Đà xuân sắc. —
Tân-Đà tùng văn. — Tân-Đà văn tập. —
Tân-Đà vận văn. — Nhân tướng. — Quốc
sử huấn môn.

Kinh Thi (thiên Quốc phong, dịch).

— Đại học (dịch). — Liêu trai chí dị
(dịch). — Đường thi (dịch). — Vương-
Thúy-Kiều chú giải ».

Nhớ Tân-Đà, chúng ta nhớ đến mỗi
tình đầu chua xót, đến những lần thất
bại, đến rượu đến thơ, đến ăn đến chơi,
đến ngang tàng, đến khí phách, đến
ngông nghênh, đến việc qua Bình-định tạt
thăm mả vua Tây-Sơn làm náo động một
vùng, đến việc múa kiếm cho vài bạn thân
tình nài nỉ, đến thoát ở thoát đi, thoát say
thoát tỉnh, đến cái nghèo thanh bạch, đến
cốt cách thanh cao, đến con sông cái chiếc
thuyền nan, đến văn chương hạ giới...,
đến hai vai gánh nặng con đường thời
xa...

Riêng tôi, nhớ Tân-Đà, tôi nhớ hai
việc.

Một là mấy lời của tiên sanh mà
Lâm-Tuyền-Khách nhắc lại trong « *Một
tháng với Tân-Đà* » :

« — (...) Cậu đồ ạ, cậu đã yêu mến
« cái nghề văn tự này, tuy nó là một
« nghề bạc bẽo, nhưng cũng phải thành
« tâm với nó thì mới được. Có thành
« tâm với nghề thì mới thành nghề.
« Nếu bây giờ đi buôn gỗ lá ngay tiền
« vạn, Hiếu đây cũng không buôn, bỏ
« đi làm tổng đốc lương tháng bốn trăm,
« Hiếu đây cũng không làm. Hiếu chỉ
« phụng sự nghề thơ văn mà thôi.. »

« — Đòi đã là một cuộc tranh đấu,
« thành bại là sự thường, can chi mà
« buồn. Cậu đồ ạ, ta đã thua đời ở chỗ
« không được giàu sang, ta phải giữ
« tinh thần cho cao quý, đừng để thua
« nốt họ về tình cảm. Phải vui vẻ mới
« được. Vui vẻ có thể là một yếu
« tố để tạo thành tương lai cho

« tuổi trẻ, hạnh phúc của trường thành
« và sự êm đềm cho tuổi già về mai
« hậu... »

— « Bây giờ làng báo ta, lời ông Lân
« [Mai-Du-Lân, chủ bút báo « Thực-
« Nghiệp » đến phỏng vấn tiên sinh] định
« xin bỏ tòa kiểm duyệt, tiên sinh nghĩ
« thế nào ?

« Tân-Đà tiên sinh đáp :

« — Xin bỏ kiểm duyệt à ? Nếu nhà
« nước chiều lòng các ông mà bãi tòa
« kiểm thì riêng một mình An-ram tạp chí
« của tôi xin kiểm duyệt.

« Ông Lân ngạc nhiên hết sức, không
« hiểu có sao tiên sinh là một nhà báo lại
« không muốn có sự tự do ngôn luận. Ông
« ngồi ngây ra không nói được nửa lời.
« Tiên sinh điềm nhiên tiếp :

« — Từ Hà-nội sang Gia-lâm, có cái
« cầu Paul Doumer [tức là cầu Long-biên]
« thì ai đi chẳng được ? Nay bắc một cây
« tre mà đi được mới tài ! Cho nói thì
« thằng nào nói chẳng được ? Cái này,
« không cho nói mà nói được mới khéo.
« Đấy rồi ông xem... nếu xin bãi được tòa
« kiểm duyệt thì rồi chán vạn đứ đờng tù...»

« Rồi tiên sinh cười ha hả.

« Rồi ông Lân không biết nói thế nào,
« cặp mắt đi ra ».

Hai là việc ông Mai-Lâm, giáo học ở
Cao-bằng, được tin người thi sĩ mình quý,
trọng từ trần, vội làm thơ khóc người, mà
thật ra người chưa dứt nợ đời, nhưng khi
người chết thật, thì nhà giáo chẳng còn
dư nước mắt.

Viếng thi sĩ Tân-Đà

Ôi thôi hỡi bác Tân-Đà !

Suối vàng nay đã lánh xa cõi đời.

Xa trông mây nước ngậm ngùi,
Tấm lòng thương nhớ mấy lời viếng
thăm.

Nhớ ai vẫn vót tơ lằm,
Nước non ai kẻ đồng tâm hẹn hò.
Thơ đầy túi, rượu lưng hồ,
Dẫu nho kiết cũng danh nho nước nhà.

Ôi thôi hỡi hỡi bác Tân-Đà !
Suối vàng nay đã lánh xa cõi đời.

Tôi vớt bác, bác vớt tôi,
Tuy không quen biết cùng người đồng
bang.

Lại thêm cùng mối vãn chương,
Chung tình non nước, tơ vương bên
lòng.

Bấy lâu tôi những ước mong,
Có phen rún rủ tương phùng hai ta.

Ôi thôi hỡi bác Tân-Đà !
Suối vàng nay đã lánh xa cõi đời.

Làm chi vội mấy bác ơi,
Chí cao nghiệp lớn ai người nối theo.
Thuyền nan ai giữ mái chèo ?
Con lâu bản quốc ai liêu sống khời ?
Bức dư đồ rách ai bồi ?
Báo « Annam » nghĩ ai rồi lại ra ?

Ôi thôi hỡi bác Tân-Đà !
Suối vàng nay đã lánh xa cõi đời.

Than ôi còn đất còn trời,
Còn non còn nước, đâu người nước
non ?

Đà dù cạn, Tân dù mòn,
Danh thơm thi sĩ vẫn còn truyền
lâu.

Hồn thơ phảng phất nơi đâu,
Chút tình có thấu cho nhau chẳng
là.

Ôi thôi hỡi bác Tân-Đà !
Suối vàng nay đã lánh xa cõi đời...

Mười chín năm rồi, từ ngày tiên
 sanh thật sự xa lánh cõi đời, chúng
 ta ngùi ngùi nhớ đến

«... một đồng đất đỏ,

« Hang hốc dùn trên đám cỏ gà. »

« ... Trải bao ngày tháng tro tro đó,

« Mưa dầm, nắng dãi, trăng mờ soi ! »

nhưng chúng ta chẳng như ai, thăm mà
 cũ bên đường, thốt :

« Trăm năm ai lại biết ai mà ! »

Vì hễ còn nòi Việt, một nòi Việt
 còn đi thẳng, còn ngược lên mà ngắm
 ánh trăng sao, còn nắm tay nhau mà tỏ
 tình hữu ái, thì dù có đến trăm cái
 trăm năm đi nữa,

« Nào ai quên được Tân-Đà nhà ta. »

Mùa điệp trở bông 1958

TÂN-FONG-HIỆP

BÚT TỰ CỦA TÂN ĐÀ

*Nói lão mã chơi! nghe lão chơi!
 Giản rùa lùn - phũm hát mưa rơi.
 Chuyền đời hầy chán khìg buồn nhấc,
 Cho thân nghe ma đọc mấy lời».*

nguyên-văn.
 姑妄言之。姑聽之。
 豆棚瓜架雨如絲。
 料應厭作人間語。
 愛聽秋墳鬼唱詩。

Có vọng ngôn chi, có thính chi,
 Dâu liang qua già vũ như ty :
 Liều ứng yếm tác nhân-giàn ngữ,
 Ai thính thu-phân-qui không thi.

nguyên Văn

PHỤ

Về ngày chết của Tân-Đà.

Lầm sách, báo chép sai.

Ông Kiêm-Đạt, trong cuốn « Tân-Đà
 Nguyễn-Khắc-Hiếu », do « Người Việt
 tự do » xuất bản, giấy phép kiểm duyệt
 cấp ngày 8-8-1956, ghi : ngày 20 tháng
 4 âm lịch (tức là ngày 17 tháng 6 năm
 1939). Nhưng trong quyền « Thơ ca

Tân-Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu », do « Phạm
 Văn Tươi » xuất bản, giấy phép kiểm
 duyệt cấp ngày 6-11-1956, ông lại viết :
 « ngày 29 tháng 4 âm lịch (tức là ngày
 17 tháng 6 năm 1939), nơi trang 24,
 còn ở trang 2, lại viết : « 17-4-1939. »
 Phải chăng vì lỗi nhà in mà có sự chằng
 nhất trí này ?

Hai ông Nguyễn-Văn-Mùi và Nguyễn-

Sĩ-Tế, trong quyển « Luận đề về Tân-Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu » (dùng trong các kỳ thi Trung học) do « Thăng long » xuất bản năm 1958, ghi : « ngày 20 tháng tư năm kỷ-mão (tức là ngày 17-6-1937) ».

Có lẽ ba ông đã theo ông Nguyễn-Mạnh-Bồng, người viết bài « Thân thể và sự nghiệp văn chương của thi sĩ Tân-Đà », mở đầu quyển « Tân-Đà vận văn, I » ; ông này đã viết, năm năm sau ngày Tân-Đà mất :

« Ngày 20 tháng tư ta (17 Juin), tên sinh tạ the... »

Nhưng Nguyễn-Tuân, người đã chứng kiến cảnh Tân-Đà hấp hối, và sau đó viết liền bài « Chén rượu vĩnh biệt » đăng trong tạp chí « Tao đàn », số đặc biệt I, về « Tân-Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu », ra ngày 1-7-1939 :

«... là ngày hai mươi tháng tư, Tây-lịch là ngày 7 Juin 1939. »

Đối chiếu với lịch Tam-tông-miếu, bản lịch âm dương đối chiếu trong khoảng

100 năm, thì ngày 17-6-1939 nhằm mùng 1 tháng 5 năm ki-mão, còn ngày 7-6-1939 nhằm ngày 20 tháng 4 năm kỉ-mão.

VỀ NĂM HAI BÀI THƠ KHAI BÚT

Tiện đây, xin ghi thêm một chỗ sơ suất nữa của ông Nguyễn-Mạnh-Bồng, chỗ sơ suất mà hai ông Nguyễn-Sĩ-Tế và Nguyễn-Văn-Mùi cùng mắc phải :

Hai bài khai bút của Tân-Đà, một bài mở đầu :

« Năm nay tuổi đã bốn mươi hai » và một bài :

« Năm nay tuổi đã bốn mươi ba », vậy thì bài đầu làm năm $(1888+42)=1930$ và bài kế, làm năm sau, là năm $(1888+43)=1931$, nhằm năm **canh-ngọ** và năm **tân-mùi** âm dương lịch, chớ chẳng phải năm **canh-thân (1920)** và năm **tân-dậu (1921)**, như ông Nguyễn-Mạnh-Bồng chép trong quyển « Tân-Đà vận văn », và hai ông Nguyễn-Văn-Mùi và Nguyễn-Sĩ-Tế chép trong cuốn « Luận đề về Tân-Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu » (dùng trong các kỳ thi Trung-học).

★ **KẺ** làm thủ lãnh không cần phải tỏ ra là người cương quyết, hùng hồn, can đảm, khôn ngoan, hoặc biết lợi dụng cảm tình, quyền lợi để thu phục người. Làm thủ lãnh cần phải biết kết tập người để làm việc chung, biết nhận xét người, biết tận dụng khả năng người, biết xếp đặt người cho đúng chỗ, đúng việc, biết làm cho người hiểu nghĩa liên đới và bình đẳng trước nhiệm vụ.

★ **KHÔNG** nên làm tưởng hễ là thủ lãnh thì mắt phải sắc, cảm phải giô, tiếng nói phải danh thép, giọng giắc. Có những thủ lãnh, mắt rất hiền lành, mặt rất phúc hậu, giọng nói rất từ tốn, khiêm nhượng, cũng có những thủ lãnh hình thù xấu xí, thân hình mảnh khảnh, và những vị đại thủ lãnh thường thậm ghét những thái độ huyênh hoang, tự phụ.



NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN ĐƯỢC XÉT LẠI
TRONG LỊCH SỬ TRUNG-QUỐC

HOÀNG ĐẾ XUẤT HIỆN TỪ BAO GIỜ ?

TRẦN-HÀ

ĐỌC sử Trung-hoa, một số người lầm tưởng rằng sau khi phạt Trụ thành công, Vô-Vương đã xưng đế hiệu. Sự thật khác hẳn.

Ai cũng biết « hoàng đế » là kẻ thống trị tối cao trong xã hội phong kiến, nhưng không phải hễ bắt đầu có lịch sử là có vua ngay. Như chúng ta đã biết, có thời kỳ mà kẻ thống trị tối cao chỉ là ông tù trưởng, hoặc ông « hậu ». Thậm chí ngay trong thời kỳ phôi thai của chế độ phong kiến, các ông vua cũng chưa xưng là hoàng đế. Các vị thiên

tử nhà Châu chỉ xưng Vương (như Châu-Vô-Vương, Châu-Bình-Vương, Châu-U-Vương, v.v...) chứ chưa xưng đế.



Lịch sử Trung-Quốc chép bằng văn tự tương đối có thể tin cậy được, bắt đầu lỗi khoảng năm 1600 trước Thiên-Chúa.

Từ khoảng 1600 đến 1100 trước T.C. là đời Thương (cũng gọi là nhà Ân). Hiện nay, đa số các sử gia đều công

nhận trong thời kỳ đó đã bắt đầu xuất hiện tổ chức quốc gia ở Trung-Quốc. Dĩ nhiên, tổ chức quốc gia thời ấy khác hẳn với tổ chức quốc gia đời Tần, Hán sau này. Theo sự nhận xét của một số học giả Tây-Phương và Trung-quốc như Crousset, Hồ-Thích, Lỗ-Tấn, v.v... thì tánh chất của xã hội đời Thương còn nằm trong thời kỳ chế độ thị tộc (1), với nhiều bộ tộc nhỏ. Theo truyền thuyết Trung-hoa, đời Hạ-Vũ có đến « vạn quốc », đời Thương cũng còn đến ba ngàn nước. Con số ấy tuy chưa chắc đã hoàn toàn có thể tin cậy được, nhưng nó cũng có thể giúp cho ta nhận thức được rằng dưới thời kỳ ấy vẫn chưa có một quốc gia thống nhất. Giữa các bộ tộc, thường phát sanh chiến cuộc. Nhà Thương là một bộ tộc lớn mạnh hơn hết, nhưng đối với các bộ tộc khác, vẫn chưa đặt được quan hệ thống thuộc trực tiếp. Bất quá, nhờ sự cường thịnh mà họ được các bộ tộc khác kính nể, tấn cống hằng năm mà thôi. Trên thực tế, mỗi bộ tộc đều là một « nước » độc lập về mọi mặt.



Trong thời kỳ này, những người nô lệ bị bắt buộc phải làm tôi đòi cho các ông « chúa », do đó, tinh thần làm việc của họ không thể lên cao được. Xã hội ngày một tiến bộ, sự đòi hỏi của những người nô lệ ngày một phát triển, những ông chúa không thể giữ mãi lối cai trị cũ được. Họ buộc lòng phải thay đổi chánh sách. Một phần ruộng

đất được đem ra phân phát cho dân tự do (affranchis) và nô lệ cày cấy.

Họ Châu, vùng Thiềm-Tây, là bộ tộc đã thực hành chánh sách này trước nhất và tích cực nhất. Họ phân ruộng đất ra thành « công điền » và « tư điền ». Huê lợi của công điền đóng về cho vua quan, còn của tư điền thì người cày hưởng lấy. Nhờ đó, dân chúng mới hăng hái cày cấy, làm cho đất Thiềm-Tây ngày càng phồn vinh. Thấy vậy, dân chúng trong vùng Trụ-Vương cai trị ùn ùn kéo qua đầu Châu, kết quả là nhà Châu ngày càng lớn mạnh lên mãi. Châu-Vô-Vương bèn liên kết với các nước chư hầu khác (tương truyền có đến tám trăm trấn chư hầu) hưng binh phạt Trụ. Không đầy một tháng, Vô-Vương đã dứt được mấy trăm năm cơ nghiệp của Thành-Thang. Trụ-Vương phải thiêu mình tự vẫn.

Từ đây, mới chính thức mở màn xã hội phong kiến Trung-quốc.



Ngày nay, người ta thường dùng bốn chữ « phong hầu kiến địa » để giải thích danh từ phong kiến. Định nghĩa đó không phải sai. Nhưng theo chúng tôi, muốn hiểu rõ xã hội phong kiến, chúng ta cần phải đi sâu hơn nữa để tìm ra những đặc trưng của nó, mà trong đó nổi bật hơn hết là mấy điểm sau đây :

* Vua quan, hào tộc chiếm hầu hết đất đai, và người dân đen gần như bị hoàn toàn trói buộc vào những mảnh đất đó.

(1) Có người gọi là chế độ nô lệ.

* Khác hẳn với thời kỳ thị tộc (1), trong thời kỳ này, đất đai được chia cắt nhỏ ra như miếng « tàu hủ », mỗi gia đình nông dân được lãnh một phần, tự làm lấy rồi nộp tô thuế cho vua quan, hào tộc.

Quan lại và hào tộc hoàn toàn làm chủ miếng đất và cả những người sinh sống trên những miếng đất đó. Họ nghiêm nhiên là những ông vua nhỏ nhỏ trong những « tiểu giang san » mà họ ngự trị.



Tuy nhiên, trước đây, người ta định nghĩa phong kiến là phong quân, kiến quốc cũng không phải vô căn cứ. Nguyên nhân chính là vì dưới đời nhà Châu, đất đai tuy đều qui định là thuộc quyền sở hữu của Châu - Thiên - tử, nhưng do tình trạng nông nghiệp và thủ công nghiệp

còn lạc hậu, các địa phương đều tự túc, tự cấp, nên Châu-Thiên-Tử đâu có thể kiểm sát trực tiếp hết đất đai của ông được. Vì thế, ông chỉ còn có cách là đem

giang san chia nhỏ ra cho vô số quý tộc và công thần lớn nhỏ, tạo thành một tổ chức quốc gia tương tự như hình bửu tháp. Bảy giờ, những « nước » được phong rất nhiều. Tương truyền có đến

15 huỳnh-đệ quốc, 40 đồng tánh quốc, 1770 chư hầu đệ tánh quốc. Qua đời chiến quốc, các nước nhỏ bé đó không ngót cấu xé, thôn tính lẫn nhau, rốt cuộc chỉ còn 7 nước: Tần, Sở, Yên, Tề, Hàn, Triệu, Ngụy.



Trên thực tế, quyền lực của nhà Châu đối với các nước được phong cũng không mạnh lắm, nhất là từ đời Châu - Bình - Vương về sau. Qua đến đời Xuân-Thu (từ 722 đến 481 trước T. C.) tư cách « cộng chúa thiên hạ » của Châu-Thiên-Tử gần



(1) Trong thời kỳ thị tộc, những ông chúa cứ để đất ruộng nguyên khoảnh lớn rồi bắt từng đoàn nô lệ ra cấy cấy tập thể. Người ta gọi đó là hình thức đại nông canh tác.

như không còn nữa. Thế lực chư hầu ngày càng áp đảo mạnh mẽ vua nhà Châu. Châu-Tương-Vương có lần bị Tấn-Văn-Công triệu đến và Châu-Huệ-Vương cũng từng bị Triệu đánh bại. Qua đời chiến quốc, (từ 481 đến 222 trước T.C.) chiến quốc thất hùng đã hoàn toàn xem Châu-Thiên-Tử như không còn có dưới mắt họ nữa.

Dưới đời Xuân-Thu, Chiến-quốc, giữa các nước chư hầu, chiến tranh thường nổ ra liên miên, quyết liệt và thảm khốc hơn bao giờ cả. Trong những cuộc tàn sát rừng rợn đó, kẻ chịu điều đứng nhất dĩ nhiên là dân chúng. Suốt năm trăm năm dài đằng đằng, không mấy lúc mà người dân được an cư lạc nghiệp. Do đó mà họ

thiết tha đòi hỏi phải chấm dứt tình trạng loạn ly và chia xẻ, để đi đến một quốc gia tập quyền thống nhất, bảo đảm yên ổn làm ăn cho họ.

Tần-Thủy-Hoàng, tuy là một kẻ tàn ác khét tiếng, nhưng khi chủ trương thống nhất lục quốc, ông đã đáp ứng đúng yêu cầu đó, vì thế, ông đã thành công.

Và bắt đầu từ đó mới xuất hiện xưng hiệu HOÀNG-ĐẾ.

TRẦN-HÀ

KỶ SAU: **TẦN - THỦY - HOÀNG**, vị hoàng đế đầu tiên trong lịch sử **TRUNG-QUỐC**.

- ★ **Đ**À gọi là thủ lĩnh thì phải có khả năng, khiến cho đoàn thể của mình cùng chia xẻ với mình một lý tưởng, hầu lôi cuốn họ thực hiện cho bằng được lý tưởng ấy, mặc dầu mọi trở ngại.
- ★ **Q**UYẾT định chưa đủ, điều cần là các quyết định phải được thi hành ; cho nên thủ lĩnh không phải chỉ biết có ra lệnh, thủ lĩnh còn phải biết chọn lựa những kẻ có phận sự thi hành, và huấn luyện họ, khích lệ họ, kiểm sát họ.
- ★ **L**ÀM thủ lĩnh không phải chỉ cốt để gây dựng một công nghiệp, còn cốt để chinh phục kẻ khác, kết tập họ lại, giúp đỡ họ trở thành người hay, cùng yêu mến họ và làm cho họ yêu mến mình.
- ★ **H**AÌI tiếng « Thủ lĩnh » cao cả biết bao ! Thủ lĩnh là kẻ vừa biết làm cho người tôn phục vừa biết làm cho người yêu mến. Thủ lĩnh không ép buộc ai phải nhận mình, mà biết làm cho mọi người tự cảm thấy cần phải nhận mình. Muốn chỉ huy người, trước hết, phải tận tâm với người.

VẤN ĐỀ BÁO CHÍ TẠI HOA-KỲ

PHAN-SO'N-VŨ

SỰ TỔ CHỨC TÒA BÁO

BÀI II. — HIỆN TÌNH BÁO CHÍ

Những tiến bộ về kỹ thuật ấn loát báo chí ở Hoa-Kỳ đã đưa đến việc tổ chức rất khoa học các tòa soạn ngõ hầu có sự phối hợp chặt chẽ trong việc làm. Không những thế báo chí Hoa-Kỳ còn được đặc biệt chú trọng đến vì tính chất thông tin của nó. Muốn giữ trọn vẹn sự đời hỏi của độc giả, các báo chí đã luôn luôn cố gắng kiện toàn sự tổ chức của họ, về mọi mặt: ấn loát, biên tập và cả về cách lấy tin, phát hành nữa. Bởi vậy *Preston Goodfellow*, một ký giả, đã nói: « Sự liên tục và đời sống của báo chí là ở tinh thần, giá trị của ban quản đốc và công việc liên hệ với công chúng ».

Báo chí Hoa-Kỳ thường chia ra hai loại. Một loại phát hành ở các đô thị lớn như New-York, Chicago v.v.. Một loại ở các tỉnh nhỏ hoặc ở các vùng quê. Do đó việc phát hành chênh lệch nhau bởi số độc giả hơn kém tùy nơi, vì ở Hoa-Kỳ báo chí ấn hành ở nơi nào

chỉ cung cấp cho một số độc giả ở địa phương đó, ít khi phát hành ra các địa phương khác, trừ trường hợp đặc biệt của một số báo chí thuộc phạm vi chuyên môn, như kinh tế, văn nghệ v.v... Do số báo chí ấn hành nhiều hay ít mà tòa soạn được tổ chức lớn hay nhỏ. Hơn nữa, mỗi địa phương lại có cuộc sống xã hội, văn hóa, kinh tế, chính trị khác nhau nên sự biên tập do đó cũng thay đổi, ví dụ miền Bắc thường chuyên về kỹ nghệ, miền Nam canh nông. Tất cả những yếu tố phức tạp trên đã đưa đến những sự tổ chức không đồng đều.

Ở Hoa-Kỳ người ta chia ra làm hai loại báo, loại ở đô thị và loại ở các tỉnh nhỏ. Những loại báo đô thị ấn hành từ trên 500.000 số và các loại báo các tỉnh nhỏ từ 10.000 đến 500.000 số. Tòa soạn New-York Herald Tribune gồm có chừng 2.000 nhân viên và tờ báo tỉnh nhỏ như tờ Bergen Evening Record gồm có lối 325 người.

Sự tổ chức tại các tòa soạn.

Ở Hoa Kỳ, đã nói đến tổ chức là phải nói đến khoa học hóa, hợp lý hóa và đồng loạt hóa. Sự tổ chức các tòa soạn không ra khỏi định luật đó. Tuy mỗi tòa báo số lượng ấn hành nhiều ít khác nhau, nhưng sự tổ chức các tòa soạn cũng tương tự, tuy số nhân viên dùng trong mỗi ban có thể nhiều ít tùy theo mỗi báo. Ví dụ: trong 1 tòa báo đô thị, phòng biên tập có thể có hàng trăm nhân viên, trái lại ở một tòa báo tỉnh nhỏ phòng đó lại chỉ có chừng vài người. Nhưng dù tòa soạn lớn hay nhỏ cũng đều có những phòng, những ban giống nhau.

Mỗi tòa báo thường tổ chức theo thành phần sau đây, gồm 3 phòng chính.

Phòng biên tập

Phòng biên tập là một cơ quan có nhiệm vụ cung cấp tin tức bài vở cho độc giả. Nó gồm có những loại bài vở và tin tức, nghệ thuật chuyên môn.

Phòng biên tập có một quang cảnh làm việc tấp nập, ào ạt. Khi viết đến đây tôi lại nhớ đến phòng Biên tập của tờ New-York Herald Tribune mà tôi có dịp ghé thăm, với hàng mấy trăm nhân viên, với tiếng máy Télétype, tiếng máy chữ rào rào, tất cả đều như đuổi theo thời gian để khỏi bị lùi lại vì chậm trễ.

Các phóng viên làm việc tại phòng biên tập gồm có 2 loại: những phóng viên ở ngoại quốc và phóng viên trong nước. Phóng viên ngoại quốc có những người thường xuyên ở một nơi hoặc đôi khi được bắt thường phái đến để viết những tin tức đặc biệt mỗi khi có chuyện quan trọng xảy ra hay tòa soạn

muốn có một thiên phóng sự đặc biệt về một vấn đề gì đó. Các tòa báo lớn thường gửi các phóng viên đi theo các đoàn thám hiểm hoặc đến các mặt trận để lấy tin và viết bài.

Tin tức các nơi gửi về tòa soạn bằng nhiều cách: Tin tức của các hãng Thông Tấn như U.P (United Press) A.P (Associated Press) bằng « télétypé ». Ảnh được gửi bằng téléphoto. Mỗi hãng thông tấn thường đặt máy « télétypé » của mình ở các tòa soạn. Riêng tòa báo New-York Herald Tribune có chừng 15 máy « télétypé » của hai hãng thông tấn U.P và A.P. Tin tức cũng được gửi về tòa soạn do các phóng viên ở ngoại quốc và trong nước bằng điện tín, điện thoại v.v...

Ngoài các thông tin viên, còn có những nhiếp ảnh viên các hoạt họa viên, các họa sĩ trong việc trình bày. Các chủ bút biên trách các vấn đề chuyên môn. Một tờ báo đô thị lớn thường gồm có:

- Chủ bút tờ báo
- Phụ tá chủ bút
- Chủ biên các mục:
- Tin tức
- Báo ra ngày chủ nhật
- Thành phố
- Điện tín.
- Trình bày.
- Thể thao.
- Kinh tế kỹ nghệ.
- Lao động.
- Phụ nữ.
- Bình luận.
- Kịch ảnh.
- Văn nghệ.

- Hoạt họa.
- Du lịch.
- Tôn giáo.
- Âm nhạc.

và những mục khác như : trẻ em, thư viện, xe cộ v. v. ...

Phòng biên tập gồm có nhiều tiểu ban khác nhau. Ban thư viện lưu trữ tất cả những số báo cũ chụp lại bằng microfilm. Việc chụp những microfilm này rất tiện lợi vì microfilm nhỏ, lưu trữ dễ dàng và khi cần xem lại một tài liệu ở một số báo nào, nhân viên cứ việc đem vào máy chiếu lên. Thư viện của phòng biên tập lại gồm có tất cả những tài liệu báo chí. Hôm vào thăm thư viện của tòa New-York Herald Tribune chúng tôi được ông Allister một nhân viên của tòa soạn đã cho xem những mảnh báo cắt ra về vấn đề Việt-Nam và được lưu trữ thành một ngăn riêng.

Phòng biên tập là một phòng đầu não của tòa báo. Ở đó tập trung những cây bút viết về mọi vấn đề, đặc biệt là ngoài viên chủ bút của cả tòa báo, mỗi môn có một chủ biên riêng phụ trách biên tập và có nhiều nhân viên cộng sự.

Phòng biên tập lại liên lạc với phòng quảng cáo để dành các tin tức giới thiệu các hàng hóa.

Phòng Kỹ thuật

Phòng kỹ thuật có nhiệm vụ là in và phát hành báo chí. Phòng này gồm các chuyên viên kỹ thuật ấn loát đặc biệt chú trọng đến sự in báo và luôn việc phát hành. Hơn nữa mỗi khi in báo được xén gấp và buộc luôn bằng máy. Từ khi đưa những cuộn giấy trắng vào máy in đến khi buộc thành từng bó 25 tờ một, chúng tôi

nhận thấy không có một nhân viên nào làm cả. Những chiếc máy Pantagraph's lăm lăm chạy không ngớt, in gấp, xén, cắt được 26.000 tờ một giờ.

Phòng kỹ thuật theo thường lệ gồm có những ban sắp chữ, ban nghệ thuật, ban đánh chữ dúc, ban ấn loát và ban phát hành. Những bài vở sau khi đã lựa chọn ở phòng biên tập được đưa xuống ban sắp chữ để ấn định việc sắp đặt các cỡ chữ cho bài, và cho các « tit ». Sau đó ban nghệ thuật có nhiệm vụ xem qua lại việc trình bày tổng quát mà ban sắp chữ đã làm, điền trang thêm cho bộ mặt tờ báo được hoa mỹ, đỡ khô khan bằng các hoạt họa, hài hước và các tranh ảnh. Nhất là các món quảng cáo được các ông chủ báo Hoa-kỳ chú trọng đến nhất. Các ông đó muốn biến những mục quảng cáo thành những bức hoạt họa hoặc hài hước. Nhưng có lẽ phần lớn hình quảng cáo là đàn bà ăn mặc rất kêu gọi.

Ban đánh chữ dúc dùng những máy Linotype đánh và dúc chữ thành từng trang bằng chì, những trang báo này hình cong nhẹ khi in úp vào những trục tròn. Xong đó, ban ấn loát trông nom việc in tờ báo, đến khi tờ báo đó được máy gói thành từng xếp 25 tờ một và chuyển sang ban phát hành.

Vấn đề chuyển báo đến tay người đọc ở Hoa-kỳ là cả một vấn đề cầu kỳ và phức tạp. Người đọc ở Hoa-kỳ vốn khó tính muốn được đọc tin tức nhanh. Và vấn đề chuyển báo đến tay người đọc cũng phức tạp không kém lấy tin tức để đăng báo.

Ban phát hành các báo chí ở Hoa-kỳ đã xử dụng đến những phương tiện như máy bay. Điều này tôi đã được mục kích thấy sự làm việc chu đáo của các báo. Nhân một hôm đi du lịch qua vùng Southern Pines thuộc tỉnh North Caroline chúng tôi đã thấy có ở trước mỗi trang trại đều có một ống tròn. Trên ống tròn đó có đề tên tờ báo mà họ mua dài hạn. Người đưa báo chỉ việc bỏ vào đó và đến giờ người mua ra trước, nhà lấy báo trong hộp đó.

Nhân nói đến việc phát hành, chúng tôi nhận thấy rằng trong thời kỳ qua New-York chúng tôi không thấy các trẻ em đi bán báo rong. Những sạp báo lớn đều quy tụ lại ở Times Square một khu vui nhộn ăn chơi nhất của New-York như sạp Newsstand ở góc Broadway và phố 43. Ngoài ra ở những góc phố, các nhà ga lớn đều có những sạp báo bán tự động, cứ bỏ tiền vào, ấn máy có báo ra, hoặc nhiều khi báo đề bán ở các sạp, bên cạnh có ống tiền, ai muốn mua cứ việc bỏ tiền vào ống rồi lấy báo ra.

Nhưng khi đi xuống miền Nam, chúng tôi thấy có nhiều trẻ em bán báo cũng na ná như các trẻ em bán báo bên ta. Có lẽ miền Nam vì thừa nhân công và chưa được kỹ nghệ hóa nhiều như miền Bắc chăng ?

Phòng Trị Sự

Bất cứ ở một tòa soạn nào dù lớn hay nhỏ, phòng trị sự cũng đều có trách nhiệm trông nom mọi công việc về quản lý, hành chính, liên lạc, quảng cáo và đồng thời giữ nhiệm vụ súc tiếp với

mọi tầng lớp của xã hội khi có công việc cần tới tòa báo. Ban trị sự gồm có các ban : quảng cáo, hành chính, chuyên vận, kế toán, liên lạc, giao tiếp và cải tiến.

Trong phòng trị sự tại các tòa báo ở Hoa-Kỳ ban quảng cáo được coi là quan trọng nhất, vì sự sống còn của các tờ báo trông ở quảng cáo (1) Khi đến thăm tờ *Bergen Evening Record* một tờ báo ở New Jersey, chúng tôi được biết tiền quảng cáo đã chiếm 80% số tiền thu về của báo và tờ New-York Herald Tribune quảng cáo đã chiếm 50% số trang.

Đa số ban Quảng Cáo ở tòa soạn các báo Hoa-Kỳ, nhất là các tòa báo lớn ở các đô thị thường gồm có thành phần : Giám đốc quảng cáo, — Trưởng ban quảng cáo quốc nội, — trưởng ban quảng cáo địa phương, — ban biên tập, — ban sưu tầm và thống kê, — ban hàng hóa, — ban tin vật, tìm việc, — ban lưu trữ, — ban điện thoại và ban tiếp tân v.v...

Ngoài những ban hành chính, ban chuyên vận, ban kế toán không có gì là đặc sắc, duy có ban liên lạc, giao tiếp và cải tiến giữ nhiệm vụ sao cho tờ báo luôn luôn được mọi độc giả thích thú bằng cách trực tiếp liên lạc xem xét người đọc muốn gì, và ý kiến họ đối với nội dung và hình thức báo ra sao để ban giám đốc liệu việc nghiên cứu lại và sửa đổi. Ban này có nhiệm vụ phải liên lạc với các phòng của tòa soạn như phòng biên tập, phòng kỹ thuật và phòng trị sự — để hiểu biết công việc làm của những ban này và thảo luận ý kiến.

(1) Xin coi bài Hiện tình báo chí Hoa-Kỳ đăng ở Bách-Khoa số 34.

— Ban Quảng cáo lại còn nhiệm vụ quảng cáo tờ báo của mình trên đài phát thanh, đài vô tuyến truyền hình, trên các báo chí khác, bằng phim ảnh hay bằng mọi cách. Mục đích của họ là làm « rùm beng » cho báo của mình được trội hơn, thu hút được nhiều độc giả hơn. Ban này còn phụ trách việc hướng dẫn du khách cùng công chúng đến thăm tòa báo.

Ở Hoa-Kỳ, các tòa báo thường có lệ tổ chức những cuộc đi thăm tòa báo có người hướng dẫn vào những ngày giờ nhất định trong tuần — Riêng tờ New-York Times có cả một bảo tàng viện trưng bày các dụng cụ ấn loát và sự tiến triển của nó từ ngày thành lập tòa báo (1851)

tới nay. Và đã ấn hành những cuốn sách đặc biệt như cuốn « *Những trang quan trọng của tờ New-York Times trong vòng một trăm năm 1851-1951* (2) trong đó in tất cả những trang nhất nào quan trọng theo lịch sử thế giới hay Hoa-Kỳ.

Ngoài ra tòa soạn các báo còn có các ban khác hoạt động trong việc xây dựng và điều hành việc ấn loát như ban vô tuyến truyền thanh, ban tạp vụ v.v...

Đứng đầu mỗi tòa soạn là công ty bỏ vốn ra in báo phần nhiều là các công ty hùn vốn, chia thành từng cổ phần.

CÔNG TY CỔ TIỀN RA BÁO

Ban giám đốc

Chủ nhiệm
Chủ bút

Phòng Kỹ thuật

Phòng Biên tập.

Phòng Trị sự

- Ban sắp chữ.
- Ban ấn loát.
- Ban đúc chữ.
- Ban phát hành.
- Tạp vụ.

- Ban biên tập.
- Ban các chủ biên.
- Ban điện tín.
- Ban điện ảnh.
- Ban nghệ thuật.
- Ban tài liệu.
- Ban địa phương.

- Ban hành chính.
- Ban chuyên vận.
- Ban quảng cáo.
- Tiểu ban bán hàng.
- Ban liên lạc giao tiếp và cải tiến (Tiểu ban Radio).

Chúng ta nhận thấy rằng báo chí Hoa-Kỳ càng ngày càng tiến mạnh trên đường khoa học hóa tờ chức tòa soạn cũng như kỹ thuật biên tập. Như vậy việc thông tin và ấn hành báo chí được nhanh chóng nhưng nó cũng có những nhược điểm không nhỏ.

Vì lẽ muốn tờ chức một tờ báo lớn với đầy đủ phương tiện khoa học đề so tài với những tờ khác, nếu không phải là một công ty có nhiều vốn không thể làm được. Thời đại của những văn

(2) One Hundred years of famous pages from the New-York Times 1851-1951.

nghệ sĩ, kỹ giả, tha thiết yêu nghề, muốn xây dựng một tờ báo theo ý mình phục vụ cho lý tưởng riêng đã hết — trừ phi họ là một nhà triệu phú.

Công ty ra báo tất phải gọi cổ phần. Lẽ dĩ nhiên người nào có nhiều cổ phần nhất, sẽ có quyền điều khiển ban giám đốc và ý kiến của ông ta hầu như là ý kiến quyết định.

Ở điểm này cũng cần nhắc thêm là ở Hoa-Kỳ có những người như Tracy Mc Craken ở Wyoming đã có riêng tới 6 tờ báo, và lại còn có thêm nửa cổ phần ở 2 tờ báo khác nữa.

Người ta cũng nhận thấy hệ thống góp cổ phần hàng ngang của nhiều tờ báo ở Hoa - Kỳ với tên các nhà triệu phú như Scripps Howard, Du Pont, Rockefeller, Kingsland Macy v.v... Riêng Samuel I. Newhouse đã mua lại tờ St Louis Globe Democrat với giá 6.250.000 Mỹ kim và ông ta có 6 tờ nhật báo khác trong tiểu bang New-York và 2 tờ khác ở New Jersey, 3 tờ ở Pennsylvania và 1 tờ ở Oregon (3).

Những công ty lớn xuất bản báo như Provincial News-papers Ltd, Associated Newspaper Ltd, Westminster Press Provincial News-papers Ltd, Hams-worth và Kemsley. Riêng công ty Kemsley kiểm soát 18% các báo chí.

Như vậy khi đã lệ thuộc vào cổ phần rồi thì với những tổ chức khoa học các ông chủ bút chỉ là những tư chức không hơn không kém. Rất ít người còn giữ được ngòi bút của mình được tự do theo ý riêng.

Hơn nữa các báo chí Hoa-kỳ đều lấy tin tức và tranh ảnh ở các hãng

thông tấn lớn như U.P. (United Press) hay A.P. (Associated Press) bằng các máy télétype và téléphoto đặt ở tòa báo. Tin tức gửi cho toàn thể các báo đều giống nhau, thậm chí cả các tranh ảnh và lời chú thích cũng vậy. Ngoài ra có nhiều công ty cung cấp truyện ngắn, truyện dài, truyện bằng tranh ảnh, hoạt họa cho tất cả các báo, như các công ty King Features, A.P. News Services. Như vậy các tòa báo sẽ được lợi hơn vì tiền trả rẻ hơn là khi trực tiếp mua bản quyền của các tác giả.

Tất cả những sự kiện trên cho ta thấy rằng các báo chí Hoa-Kỳ đã tiến sâu vào việc khoa học hợp lý và đồng loạt hóa tổ chức và kỹ thuật biên tập. Nó đã có những ưu điểm về thông tin mau lẹ, phổ biến sâu rộng trong dân chúng, giúp ích thiết thực cho cuộc sống, nhưng nó cũng bị một bệnh hoạn của khoa học, là làm mất tính cách độc đáo của từng cây bút, từng tờ báo. Khoa học hóa kỹ thuật biên tập, tờ báo trở nên nhạt nhẽo, vì bị công thức hóa và đồng loạt hóa. Sự đòi hỏi về tinh thần của con người sẽ không được thỏa mãn đầy đủ.

PHAN-SƠN-VŨ

*Kỳ tới: Hiện tình báo chí
Hoa-Kỳ (bài III)*

Vấn đề huấn luyện về báo chí.

(3) Tài liệu của báo Editor and Publisher 29 tháng 3-1955.

(4) Diễn văn của Saint Beuve đọc ngày 15/12 1839.



GỎI TRẦN-DẪN

VÀ CÁC VĂN NGHỆ SĨ MIỀN BẮC

H. K.

Đêm qua tôi nằm thao thức .
Bùi ngủi ngậm nhỏ thơ anh
Hơn tám mươi năm uất nghẹn xây thành
Đề chúng mình một mùa thu tin tưởng
— Độc lập ! Tự do !
Dân mình vui sướng
Ai lại không mê !
Lũ chúng ta dù com áo nã nề
Tình yêu nước có dư nhiều, anh nhỉ !
Và rồi thư sinh cũng đòi vượt bể
Chúng mình đi nguyện dựng một mùa thu
Cho yêu thương hàn vá những căm thù
Cho Dân tộc tự hào : con nước Việt !
Mười năm trường kỳ gian khổ

Chiến khu cơm vắt muối vừng
Vẫn mơ ngày Dân tộc hát vui chung
Vẫn hãnh diện : mình làm lịch sử...
... Rồi sớm tin về
Nước non đôi ngã
Cờ Liên-xô ngạo nghễ Hà-Thành
Nước sôi hờn bờ bến Hải phân ranh
Hòn Dân tộc một dòng xanh rên rĩ
Mười năm — anh ơi ngỡ rằng chân lý !
Tôi thấy ngưng mồm :
Đồng chí !
— Ôi Chao... !
Đất nước thêm một lần đau
Chúng tôi trở về khâu vá
Với miền Nam thân yêu

Nơi

loài người (1)

đã biết sống chung nhau

Nơi

tất cả

.....
Nơi mà anh viết thành thơ bất diệt

Lời ước mong

Nay đã thành hình

Đợi anh về

Vàng lúa rợp chân anh

Tình sông núi nở vườn xanh nặng quả

(1) Những chữ sắp đứng là Thơ của Trần-Dần

Tôi có thể mặc thây

ngàn tiếng chửi tục tằn

Trừ tiếng chửi :

« Sống không sáng tạo ! »

Ôi thể kỷ lụn tàn trong thép máu

Hồn thơ xanh không rạn loé chân trời

Các anh đau lòng

Tôi có thấy chi vui

Khi những kẻ làm thơ chung nghiệp dĩ

Ở bên này miền Nam yêu quý

Chúng tôi chờ anh nắng mỗi mưa mòn

Đợi anh về thay mực đậm dòng son

Và làm thơ

Không ai ép mình ca tụng

Nếu như anh !

Tôi sẽ vui lòng chịu chết

Để cho Thơ mãi mãi còn là Thơ

Không ai được quyền bắt mình giả trá

Để vẫn thơ hò hét phản linh hồn

Và lòng mình không thẹn với quê hương

Vì vẫn Đẹp một tấm lòng muôn thuở...



Các anh cứ vững mà đi

Như đã từng đi kháng chiến trường kỳ

Các anh vùng dậy hôm nay

Sau lưng các anh còn cả thành trì

Còn đồng bào, Tổ quốc Việt-Nam

Còn năm ngàn năm lịch sử huy hoàng
Các anh sẽ không cô đơn
Sau lưng các anh còn khối căm hờn
Đang chờ ngày quật khởi
Như Thu nào gió mới mát chân trai
Các anh đang làm tương lai
Chúng tôi đang làm lịch sử.
Dân tộc mình đã từng phôi huyết sử
Đề đòi Tự do, Độc lập, Hòa bình
Ôi những danh từ rợn hồn anh linh
Mà Cộng Sản đoạn tình dày dưới máu
Đường các anh đi sẽ không độc đạo
Sẽ không bơ vơ
Chúng tôi từng giây từng phút đợi chờ
— Một giờ...
Lịch sử sẽ làm như một bài thơ
Lịch sử sẽ làm kết quả đợi chờ,
Và anh ơi !
Cố nhiên kiếp người không còn hạ giá
Độc lập — Hòa bình thật sự đơm hoa

1958

HOÀI - KHANH

TÌNH YÊU THIÊN NHIÊN

TRONG CA DAO VIỆT NAM

NGUYỄN-VĂN-XUNG

VĂN học sử Pháp ghi rằng người đầu tiên đã chính thức đưa tình yêu Thiên nhiên vào văn chương Pháp là J. J. Rousseau, vào khoảng giữa thế kỷ thứ XVIII. Thật ra, ngay trong văn học Pháp, về thế kỷ thứ XVII, La Fontaine đã từng đắm mình vào nguồn cảm hứng rạt rào và phong phú ấy: hình ảnh nhà ngụ ngôn thi sĩ trữ danh này, người ta rất vui lòng mà tưởng tượng giống như chú Thỏ Con mà ông mô tả, quên cả nhà cửa để người khác chiếm đoạt, trong khi anh ta đang « ve vãn cảnh Bình Minh, giữa đám cỏ thơm và sương sớm » (1). Và chắc rằng văn chương các nước khác trên thế giới đều đã nói đến tình yêu Thiên nhiên rất sớm. Dù vậy, chúng ta có thể nói quyết rằng, bất cứ ở Đông Phương hay Tây Phương, những người đã tìm được Thiên Nhiên trước nhất trong văn chương phải là những

người dân quê, trong số đó, người dân quê Việt-Nam phải ở vào hàng tiền bối.



Sinh trưởng giữa đồng rộng, giữa rừng xanh, người dân quê Việt-Nam, ngay từ lúc mới lọt lòng, đã sớm tiếp xúc với Thiên nhiên. Họ sống trong lòng của Thiên nhiên, tìm nguồn an ủi trong đó, và tìm nguồn sống cũng ở trong đó.

Tâm hồn bình dị, mộc mạc, khi đứng trước những quãng rộng rãi, người dân quê Việt Nam nhiều lúc không khỏi băn khoăn tự hỏi về những cái bí mật nhiệm màu của Tạo hóa :

Núi kia ai đắp mà cao ?

Sông kia ai bó, ai đào mà sâu ?

Nhưng Thiên nhiên đối với họ bao giờ cũng là một người bạn, một người bạn

(1) Trong bài « Le Chat, la Belette et le Petit Lapin ».

hiền chở che và ve vuốt. Họ tìm trong Thiên nhiên những dáng hình quen thuộc, những vẻ đẹp thanh thoát, nhẹ nhàng :

Vì mây cho núi nên xa,

Mây cao mờ mịt, núi nhòa, nhòa xanh,

hoặc :

Vì mây cho núi lên trời,

Vì chung gió thổi, hoa cười nắng thu.

Thần hoặc Thiên nhiên rộng rãi có làm cách trở mối tình, để họ phải than trách, thì lời than trách ấy cũng nhẹ nhàng và âu yếm bao nhiêu :

Núi cao chi lắm núi ơi !

*Núi che mặt trời chẳng thấy người
thương !*

Sống gần với Thiên nhiên nhiều quá, quen thuộc với Thiên nhiên quá, họ gán cho Thiên nhiên tất cả tâm hồn mộc mạc của họ, họ nhân cách hóa Thiên nhiên :

Treo lên cây khế nửa ngày,

At làm chua xót lòng mây, khế ơi !

Họ tìm thú vui trong Thiên nhiên :

Còn trời, còn nước, còn non,

Còn o bán rượu, anh còn say sưa.

Thiên nhiên là nguồn an ủi có hiệu lực : cũng như đối với thi nhân, đối với dân quê, Thiên nhiên là một bà mẹ hiền từ, âu yếm trong ngày thường và vỗ về trong những giờ đau khổ. Đây là lời người dân quê trông lên trời để gọi nỗi lòng thương nhớ :

Đăm đăm tưởng dạng Ngân hà,

Tinh sao tinh dầu đã ba năm tròn !

Thiên nhiên lại còn gọi ra trong lòng họ những cảm tình thắm thía :

*Đêm qua chớp bể mưa nguồn,
Hỏi người quân tử có buồn hay không ?*

Cây lớn giữa rừng được họ mượn làm tiêu biểu cho tấm lòng cứng cỏi của họ :

Đây ta như cây giữa rừng,

Ai lay chẳng chuyên, ai rung chẳng dèi.

Nhiều lúc họ lấy Thiên nhiên làm người chứng giám sự thề nguyện, hay đề than trách mối tình đã mất :

*Trăng thanh, nguyệt rạng mái đình,
Chén son chưa cạn, sao tình đã quên.*

✧

Trăm năm dù lỗi hẹn hò,

Cây đa bến cũ con đò khác đờ.

Họ lấy Thiên nhiên làm có để tự an ủi về cảnh ngộ :

*Trăng trên trời khi tròn, khi khuyết,
Người ở đời lúc thịnh, lúc suy,*

Và về sự thay đổi của lòng người :

Trời còn khi nắng khi mưa,

Ngày còn khi sớm, khi trưa nửa người.

Thiên nhiên rạp theo lòng họ :

Chiều chiều qua núi Hải-Vân,

Chim kêu gành đá, ngắm thân thêm buồn !

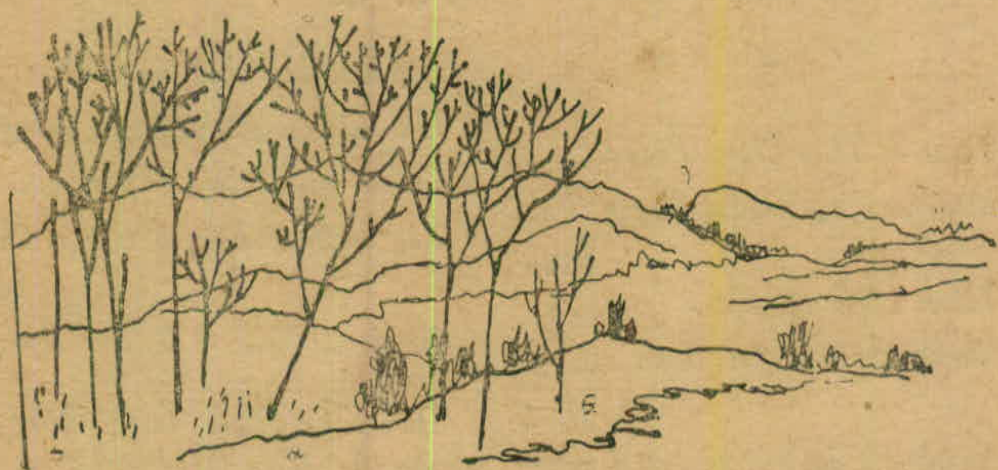
✧

Khi vui non nước cũng vui,

Khi buồn sáo thổi, kèn đờ cũng buồn.

Người dân quê Việt Nam có công rất lớn với văn chương : chính họ là những người đầu tiên đã tìm ra và hiểu được cái đẹp của Thiên nhiên để mà thưởng thức nó và cảm thông với nó.

NGUYỄN-VĂN-XUNG



Độc Thơ

NTMTD

Khởi sự từ Hàn-Mặc-Tử, qua Bích-Khê, Chế-Lan-Viên, dòng thơ « Siêu-Thoát » vẫn cuộn cuộn chảy và đã từng phen ngự trị cả thi đàn Việt. Trong những giai đoạn tăm tối nhất của lịch sử Việt gần đây, một số người thơ đã cố trốn tránh thực tại, tìm quên trong những vần điệu mơ hồ, ảo diệu... và ít ra, cũng đã tạo được một giá trị nào đó giữa biên cả văn học một thời.

Đã ba bốn năm nay, người ta thấy loại thơ đó gần như vắng bóng trên mặt

báo chương, có chăng chỉ thấy một đôi bài rải rác đó đây, e ấp giữa rừng thơ hào hùng, say sưa, tươi sáng của thời đại; Âm hưởng của nó không còn là bao, chẳng qua cũng như một vài tiếng thơ dài nhẹ nhẹ giữa những tiếng cười vỡ toang, còi mở.

Hôm nay, tôi muốn giới thiệu với các bạn một trong những tiếng thơ dài nhẹ nhẹ đó mà chúng tôi vừa nhận được. Đó là bài « Đồi đời » của K.C. Thanh Trung. Chúng ta hãy cùng theo K.C. Thanh

Trung vào đất cũ Chiêm-thành, mảnh đất tượng trưng cho « điều tàn », « khắc khoải » đã từng được ngọn bút của bao người thơ tô điểm.

*Chiều đời vào lòng hoàng hôn,
Nắng quái lung linh cao thôn...
Mây trắng thảo tràn bao dị ảnh,
Đồ vỹ âm thầm chuyện nước non.*



*Có ai về Tháp Chàm Phan-rí
Lòng tím lòng mừng tượng Phan
rang...*

*Thành quách cúi đầu...
Nhưng run rẩy âm thanh vào gió
lộng,*

Những đời đời trọn vẹn, mệnh mang !

Hoàng hôn đang dần xuống, những Tháp Chàm sững sờ trong lúc nhá nhem, đã « cúi đầu » mặc cho « gió lộng » của không gian, « đời đời » của thời gian tàn phá.

« Nào, ta hãy cùng dẫn bước thêm :

Cú rúc cánh lẻ dảng sâu vạn cỏ...

Đồ-bàn cầm lặng hoàng hôn !

Nghe nức nở tiếng ma Hời nào ruột...

Quặn mình quặt lại cô đơn !

Tieu rả rích phẳng sưng buồn đô thị.

Lê thê âm hưởng đau thương...

Lòng chúng ta chột băng khuâng xao xuyến, chưa hẳn đã là tiếc thương cái huy hoàng rực rỡ của một xứ Chàm oanh liệt thuở nào, nhưng có lẽ những âm điệu u sầu trên đã gọi cho chúng ta nhớ đến một cái gì đã mất trong lòng con người : sự bình lặng của tâm hồn và sự cảm thông sâu xa giữa người và tạo vật.

Bập bùng lửa cháy đời hoang,

Một đoàn âm khách tìm sang ảo huyền !

Ca vời vợi là bài thơ trác tuyệt...

*Xây thanh âm bằng rút ruột (?) Chiêm
bang,*

Hờ lơ... « khèn » đồ đồ Ngang...

Thơ K.C. Thanh Trung không có gì sâu sắc nhưng không vì thế mà tầm thường, nhạt nhẽo ; trái lại, ta có thể bắt gặp một chút « duyên thầm » ẩn hiện trong mỗi vần, mỗi điệu của từng đoạn, từng câu.

Nghe rón rén những âm ba sáng sớt

Lệ Chiêm-thành bốc khói Trường-son !

Chúng ta đã không thể phân tích được cái duyên trên một vẻ mặt, thì để gì chúng ta đã phân tích nổi cái duyên trong một bài thơ. Chúng ta chỉ... « cảm thấy », và tưởng như thế cũng đã là đủ.

N.T.M.T.D.



XÉT người thủ lãnh, không thể căn cứ vào tướng mạo, phải căn cứ vào tinh thần, đảm lược đối với chức vụ. Người thủ lãnh trước hết phải là người lúc nào cũng sẵn sàng gánh vác cho kẻ khác.



Thơ...

CÓ NÀNG TIÊN NHỎ

Đề anh bắc ghế vào trong,
Ở chi ngoài đó lạnh lùng hơi may.
Ngồi em, và hãy trông này ;
Đẹp không em nhỉ ? Trăng đầy dưới
hiên.

Giờ đây vũ trụ bình yên,
Em xem, kìa những nàng tiên xuống
trần.

Họ đi, nhẹ nhẹ bước chân,
Trên hoa, trên lá như gần như xa.
Mang mang dưới bóng trăng ngà,
Thấy chằng phơ phất những tà áo
sương.

Thừa khi vắng vẻ đêm trường,
Tiên nga múa khúc Nghê thường
cao sang.

Này nghe tiếng sáo nhịp nhàng
Uốn theo điệu múa mơ màng xa bay...

... Có nàng tiên nhỏ thơ ngây
Say hương huệ trắng ngời đầy thần
thờ...

Phương pháp dùng người

Vua Ai-Công hỏi Khổng-Tử về phương pháp dùng người.

Khổng-Tử đáp : Nội các công việc, phải dùng người xứng đáng để trao cho làm : Chớ dùng những hạng nhanh nhẩu đoảng ; chớ dùng những người liến láu xằng ; chớ dùng những kẻ lấp bắp hão. Nhanh nhẩu đoảng là hạng tham ; liến láu xằng là người làm rối công việc ; lấp bắp hão là kẻ hay dối lừa. Cho nên cái cung trước phải uốn nắn cho đều rồi mới tính đến sự cứng ; con ngựa trước phải tập rèn cho kĩ rồi mới tính đến nước hay ; kẻ sĩ trước phải thành thực rồi mới cầu đến tài giỏi khôn ngoan. Nếu không thành thực mà nhiều tài giỏi thì cũng như giống sài lang, không thể gần được vậy.

KHÔNG-TỬ GIA NGŨ

Thế nào là quân tử

Ai-Công hỏi Khổng-tử :

— Thế nào là quân tử ?

Khổng-Tử đáp :

— Đã gọi là quân tử thì ngôn tất phải trung tín, mà tâm không oán giận ; nhân nghĩa luôn giữ trong thân mà sắc mặt không lộ vẻ khoe khoang ; tư lự sáng suốt mà không cần chăm chú nhiều lời. Ra sức làm việc, tin theo đạo phải ; tự cường tiến mãi không thôi. Phẳng lặng tưởng như có thể để người ta vượt lên trên được, mà rút cuộc không ai có thể theo kịp. Đó là quân tử vậy.

KHÔNG-TỬ GIA NGŨ



RỪNG MẮM

Tặng họa-sĩ Tr.T.Th.

Tân truyện của BÌNH-NGUYỄN-LỘC

CHIM đang bay lượn bỗng đứng khựng lại, khiến thằng Cộc thích chí hết sức. Nó theo dõi con chim thầy bói ấy từ nãy đến giờ, chờ đợi cái phút này đây.

Thật là huyền diệu, sự đứng yên được một chỗ trên không trung, trông như là chim ai treo phơi khô ngoài sân nhà.

Chim thầy bói nghiêng đầu dòm xuống mặt rạch giầy lát rồi, như bị đứt dây treo, nó rơi xuống nước mau lẹ như một hòn đá nặng. Vừa đụng nước nó lại bị bắn tung trở lên như một cục cao su bị tung, mỗ ngậm một con cá nhỏ.

Cộc ngửa mặt trở lên trời để theo ông câu kỳ cũ và tài tình ấy nữa, nhưng mắt nó bị ngọn dừa nước bên kia bờ rạch níu lại.

Trên một tàu dừa, một con chim trắng chài xanh như da trời trưa tháng giêng đang yên lặng và bền chí rình cá.

Trong thế giới bùn lầy mà thằng Cộc đang sống, ai cũng là ông câu cá, từ ông nội nó cho nên những con sinh vật nhỏ mọn qui tụ quanh các ngọn nước.

Màu xanh của chim trắng chài đẹp không có màu xanh nào sánh kịp. Sự bền chí của nó cũng chỉ có sự bền chí của các lão cò sấu nào là ngang vai thôi, cái bền chí nhìn rất dễ mê, nhưng mê nhứt là mũi tên xanh bắn xuống nước, nhanh như chớp, mỗi khi trắng chài trông thấy con mồi.

Thằng Cộc là một đứa bé bạc tình. Một đàn cò lông bông bay qua đó đủ làm cho nó quên trắng chài ngay. Là vì đầu cò chom chồm những cọng lông

bông, nhắc nhở nó những kếp vô hát bội gần lông trĩ trên mào kim khôi mà nó đã mê cách đây năm năm, hồi gia quyến nó còn ở trên làng.

Hồi ấy nó sung sướng lắm. Quanh nhà nó, có hàng trăm nhà khác, có vườn cây trái, có nước ngọt quanh năm, có trẻ con đùa nó làm bạn, đùa nó đùa giỡn với.

Nhưng không hiểu sao một hôm, tía má nó bán chiếc chòi lá đi, rồi ông nội nó, tía nó, má nó và nó, một đứa bé mười tuổi, kéo nhau xuống một chiếc xuồng cui, một thứ xuồng to mà người ta gọi là xuồng mẹ, ghe con, rồi họ đi lang thang từ rạch hoang vắng này đến kinh hieu quanh họ, và rồi cuộc dừng bước nơi cái xóm không người này mà ông nội nó đặt tên là xóm Ô Heo.

Nghĩ đến những năm cũ, thằng Cộc bỗng nghe thêm người vô cùng, thêm còn hơn là thêm một trái xoài ngọt, một trái khế chua mà từ năm năm nay nó không được nếm.

Những người di cư năm họ trên chiếc xuồng cui, vẫn còn sống đủ cả. Những chiều nghỉ ngút sương từ đất lầy bốc lên, và những đêm mưa gào gió hú, những người ấy thường kể chuyện cho Cộc nghe, những chuyện đời xưa đẹp như một mái lá, hoặc những chuyện ma rợn óc, như ăn phải trái bần chua. Nhưng đầu sao, Cộc cũng thích người khác hơn, cũng như nó thích vườn tược sầm uất hơn cảnh rừng tràm tối mịch hoặc cảnh đồng không bát ngát ở đây. Ở đây, cho đến tiếng chó sủa, tiếng gà gáy nó cũng không nghe từ lâu. Con chó sủa và mấy con gà giống

mang theo đã ngã lẫn đùng ra mà chết ngay trong tháng mới tới. Thằng Cộc ngạc nhiên mà thấy sao người vẫn không chết trong khí hậu tàn ác này: nóng, ẩm, còn muối mòng thì quơ tay một cái thì nắm được cả một nắm đầy.

Chưa bao giờ mong mỏi của thằng Cộc được thỏa mãn mau lẹ như hôm nay. Nó vừa thêm người thì tiếng hò của ai bỗng vẳng lên trong rừng tràm, rồi tiếp theo đó là tiếng chèo khuấy nước.

Hồ ơ .. Tháng ba com gót ra hòn,

Muốn ăn trúng nhạn phải lòn hàng mat.

Mũi xuồng cui ló ra khỏi khúc quanh của con rạch, và trên xuồng, chông chèo lái, vợ ngồi không trước mũi mà hò. Cặp vợ chồng này Cộc quen mặt mấy năm nay, nhưng không biết họ từ đâu đến. Nó chỉ biết họ ra biển để bắt cua và ba khía, một năm mấy kỳ. Nghe tiếng người lạ nói, nhứt là nghe hát, Cộc sướng như có lần tía nó cho nó ăn một cục đường từ nơi xa mang về.

Thà là không được ăn, chớ còn ăn một chút xíu thì cái vị của món ăn còn chọc thêm hơn bao giờ cả. Nên chỉ Cộc nhìn xuống chèo khuấy dặng thì xây lưng tức khắc để chạy lên Ô Heo.

Khắp vùng này, ông nội nó đã đặt tên là Ô Heo. Nhưng riêng trong gia quyến nó thì Ô Heo chánh hiệu là một cái gò xa ở tận trên kia, cách mé rạch đến hai dặm hú.

Số là hồi trước, ngày đầu tới đây, ông nội nó với tía nó đi kiếm đồ ăn trong rừng, đã gặp nơi đó một ổ heo rừng.

Cả ò heo đều bị sát hại hôm đó và canh tác của gia quyến nó về sau này đã đuối thú dữ đi xa. Tuy nhiên, để phòng chúng trở về, ông nội nó đã cấm nó lên Ò Heo một mình.

Thằng Cộc lại thích lên đó, ban đầu, chỉ vì Ò Heo có sức quyến rũ của một trái cấm. Nhưng về sau, nó đã gặp người nơi đó.

Đó là vài người đờn ông và đờn bà, nói là ở xa lắm, cách đó một ngày đường sông. Đờn ông thì đến để gác quốc, gác nhan sen, còn đờn bà thì để nhờ bòn bòn về làm dưa bán.

Đó là những người bạn bí mật của nó, nó giữ kín không cho nhà nó biết. Họ hay kể chuyện xóm làng, chuyện đám cưới, đám ma, đám hát, đám cúng đình, tóm lại tất cả sanh hoạt của làng mạc mà từ lâu Cộc không thấy và ngậm ngùi tưởng đến như những kỷ niệm xa xôi.

Cộc đã chạy qua khỏi ruộng nhà, và đứng lại nghỉ mệt. Nó mệt lắm vì nó chạy dưới nước và dưới bùn mặc dầu lúa đã đến mùa gặt.

Năm xưa, gia quyến nó đến đây vào cuối tháng giêng, sau khi cúng ông vải xong ở quê cũ.

Ông nội nó với tía má nó đốt rừng tràm từ ngoài bờ rạch. Gió thổi vô rừng và lửa, như con vật khổng lồ, đã tấp một cái vào khối thịt xanh um của biển rừng tràm này. Thành ra ruộng nhà nó mang một hình tròn kỳ dị, không tròn đều đặn vì không ai chỉ huy được sự cháy rất là rần rật của ngọn lửa.

Cộc nhìn ruộng mình một hơi rồi bật cười khan lên. Đám rừng bị khoét một lỗ để làm ruộng trông như đầu tóc trẻ con được mẹ cạo, nhưng mới cạo có một mảng thì có chuyện gấp, bỏ dở công việc; đứa bé bị chúng bạn chế nhạo là đầu hó tấp.

Lúa ruộng chín, cây lúa cao quá ngã rạp xuống, để lại trăm ngàn gốc tràm lên, trông như ai đóng cọc để cắt nhà sàn; năm xưa đốt rừng nhưng không đủ sức đánh những gốc tràm tươi rói không cháy được này, tía thằng Cộc đành cấy lúa giữa những gốc ấy, mãi cho đến ngày nay mà gốc vẫn chưa mục. Tía nó nói mười năm nữa tràm chết cũng vẫn còn đưa căng lên như vậy.

Sau lưng Cộc là những rặng tràm bị cháy sém dưới trận lửa khai hoang, không chết ngay, nhưng chết nhát, cứ mỗi năm chết lần mòn thêm vài mươi cây. Mấy hàng tràm đầu nám đen và trĩu nhánh như cột nhà cháy, cắm hạn nhìn chiếc chồi lá xa tít mù dưới mé rạch đang chứa chấp kẻ thù đã lẩn đất của chúng, đã sát hại chúng.

Sau đó, rừng tràm dày mịt, chẳng chịt những dây bông bong, dây choại bò từ thân cây này qua thân cây khác.

Thằng Cộc lảng tai nhưng không nghe tiếng động nào cả. Nó đánh bạo chen qua những cây bình bát, cây ráng mọc xen với tràm để đi tới đích.

Một ò chồn cộc bỗng chạy qua trước mặt nó một cái roạch, làm nó giật mình, nhưng tiếng người trên Ò Heo cách đó chừng hai hàng cây giúp nó vững dạ.

Tiếng đờn bà hỏi :

— Anh hồng sợ thằng Mùi hay sao ?

Tiếng đờn ông đáp :

— Thằng Mùi thì qua cho một loi là nhào hớt.

Cộc vệt cõ lá đi mau đến đó và khi nó chun ra khỏi khối xanh thì hai người có mặt trên gò Ô Heo sợ hãi ngồi dang xa ra. Người đờn ông gác cuốc là người quen, người đờn bà nhờ bồn bồn lạ hoắc. Chị này trẻ đẹp hơn tất cả những chị nó quen biết từ lâu.

Người đờn ông trấn tĩnh lại ngay, ngoắc nó mà hỏi :

— Muốn về trên hay không Cộc ? Muốn thì đi theo chị hai mầy đây, chỉ có một đứa em gái ngộ lắm.

Trong khi thằng Cộc mắc cộ tía tai thì chị đờn bà hỏi anh kia :

— Ở miệt này có người sao anh ?

— Chỉ có một nhà thôi. Mới tới đây chừng năm năm.

— Quen hay lạ ?

— Lạ. Họ ở trên Sa-đéc lận.

Chị đờn bà an lòng, vui lại được và nói với Cộc đề mua lòng kẻ đã bắt chọt việc thăm lên của chị :

— Em của chị không bao giờ chịu về làm dâu một chỗ như vậy. Em có muốn thì phải ở rề thôi.

Rồi hai người lớn cười ngặt nghẹo với nhau.

Thằng Cộc mới mười lăm, nhưng cao lớn gần bằng người đờn ông kia. Mình

trần của nó nổi u nổi nần những bắp thịt rắn như nần bằng đất sét gắn vào đó rồi nung cho đen và cứng.

Sự nầy nở của thân thể nó đi song đôi với sự trưởng thành của đời sống sinh lý bên trong của nó. Năm nay nó đã bắt đầu bâng khuâng mỗi khi chiều xuống, mặt trời đốt cháy đỏ đầu rừng tràm tràm thủy trước nhà. Nhưng sống cô đơn ở đây, nó không biết chuyện trai gái như vậy là xấu đến mức nào và phải có thái độ làm sao nên nó bối rối lắm.

Chị đờn bà nắm tay nó, rị nó ngồi xuống bên cạnh chị, vỗ lên đầu nó rồi dỗ ngọt :

— Chị không ăn thịt em rề của chị đâu mà sợ. Mầy mà về trên làm ruộng thì ai cũng ưa. Làm rề có công ba năm thì má chị gả con Thôi cho mầy liền. Nói thiệt đó mà.

— Nó muốn trốn đề theo qua dữ lắm, người đờn ông nói, nhưng nó còn ngại.

— Ngại gì ?

— Thì lo sợ cái việc xa xuôi, dất lạ đó mà.

— Em nè, chị đờn bà lại hỏi, nhà có mấy người ?

— Bốn người.

— Ai với ai ?

— Ông nội tôi, tía tôi, má tôi với tôi.

— Làm mấy công dất ?

— Hồi đó bốn công, bây giờ mười công.

— Gặt được mấy giạ mỗi mùa ?



— Tám già.

Chị đòn bà cười ngất một hơi rồi day lại hỏi nhân tình :

— Trời ơi, ruộng gì mà mười công đất chỉ gặt được có tám già thôi ?

Người đòn ông không cười, đáp :

— Đất nước mặn nào mới khai hoang cũng như vậy hết.

— Rồi lấy gì mà ăn, em nhỏ ?

— Tía tôi đi đòi lúa thêm, ở đâu không biết, xa lắm.

— Đòi bằng gì ?

— Bằng cá khô. Với lại nhiều khi ăn rùa, ăn rắn trừ cơm. Ở đây rùa nhiều như kiến. Đốt rừng rồi đón trên đầu gió một cái là chúng nó lạch cạch chạy trốn, bắt không kịp lặn.

Chị đòn bà tỏ vẻ ái ngại một hơi rồi nói :

— Này giờ chị nói chơi đó. Nhưng biết được tình cảnh của em, chị thật bụng thấy là em cần đi theo chị, hoặc theo anh đây cũng được.

Chị ta vói tay ra sau lưng lấy bầu nước ngọt, mở nút ra rồi ngược mặt lên trời, rót nước vào miệng. Chị nuốt ừng ực vài cái rồi nói :

— Em có được ăn chè lần nào hay không ?

— Không, từ năm năm nay rồi. Cách đây một ngày đường không có nhà cửa ai cả, không có quán, tiệm gì hết. Với lại cũng không có tiền.

— Ở Sa-déc sao lại không vô Tháp Mười mà nhè xương U-Minh này ?

— Tui cũng không biết tại sao ? Ở Tháp Mười để chịu hơn hả ?

— Chị cũng không biết. Chỉ biết đất hoang ở Tháp Mười gần quê cũ của em hơn. Quê em ở gần Cao lãnh hay không ?

— Gã.

— Em có nhớ xoài Cao-lãnh hôn ?

— Tui lạy chị, đừng có nhắc chề, nhắc xoài nữa, tui thèm muốn chết đi. Năm năm nay, tui không có biết món ngọt là gì. Mấy cây chuối trồng sau nhà cũng chết queo vì đất còn mặn quá. Năm nay một cây trổ buồng, chắc tui sẽ được ăn ngọt đây. Ủy chà ! Trưa rồi, chắc tới bữa cơm, thôi tui về nha, anh chị ?

— Ủ, về, mai mốt lại lên đây nữa nha ?

— Xuồng anh chị ở đâu ?

— Dưới kia. Nhờ bồn bồn ở dưới ấy, nhưng lên đây cho khô ráo để ăn cơm trưa é mà ! Em Cộc nè, em của chị ngộ lắm, trắng lắm nghe không ?

Chuối cười của hai người nhọn tình ấy duỗi theo sau lưng Cộc khiến cho nó trong giây phút không muốn về nhà nữa.

Ra khỏi rừng trầm râm mát, mắt Cộc bỗng dưng như đồ hào quang trước ánh nắng tháng mười. Không khí bị đốt cháy đang rung rinh như nước xao, và nó tưởng chừng như mái lá nhà nó, đen thui dưới kia, sắp cháy đến nơi.

Thằng Cộc về tới nhà thì cơm trưa đã dọn xong.

— Mày đi đâu mà tới đứng bóng mới về ? Má Cộc hỏi.

— Tôi đi lượm lông chim lông ô.

— Lông đâu ?

— Mà kiếm hoài hông có.

— Mồ tờ cha mày, nhiều chuyện.

Chim lông ô đời xưa chó đời này đâu còn nữa. Mai gặt nghe không ? Ăn cơm

khuya rồi xuống đồng cho sớm, đừng đi đầu hết.

Cả nhà lặng lẽ ngồi quanh mâm cơm, không ai nói với ai lời nào. Những người này, sống biệt tích ở đây lâu ngày rồi, đã gần biến thành á khẩu vì thói quen.

Riêng thằng Cộc, sự cần nói của tuổi thơ đang lên mạnh lắm như là cần chạy nhảy, cần ăn uống vậy. Câu chuyện hồi nãy trên gò Ô Heo khiến nó càng bắt mùi nói thêm, nên nín không được, nó hỏi ông nội nó :

— Nội nè, hồi mới tới, giữa mùa nắng, mình uống nước gì tui quên rồi ?

Nó hỏi như vậy vì nó vừa nhìn ra cái giếng bên hè và nhớ ra là giếng đã ngọt nước hôm mùa nắng trước, mặc dầu đã được đào năm năm rồi.

— Uống nước đọng trên lưng, trên rừng chó nước gì.

— Sao mình lại tới đây ông nội ?

— Đã nói cho mày biết rồi. Trên xứ, mình không có ruộng, làm công khờ cả đời.

— Ở đây, mình có ruộng, nhưng cũng khờ cả đời.

Ông nội thằng Cộc làm thình. Nó nhìn ông nội nó rồi chợt nhận ra năm nay ông cụ già quá. Tóc râu ông cụ đã trắng bông. Nhớ ra ông cụ thường than mình chết ngày nào không biết chừng, thường than mình nhớ mồ mả ông bà quá, nó bùi ngùi thương ông, nên dờn ra sân để quên.

Bấy giờ bóng bốn nồi rau đã tròn vành, chỉ rằng thật đúng Ngọ. Bốn

cái nồi bễ ấy, hèn thế mà rất nhiều công dụng đối với gia đình nó.

Để tránh nước tràn bờ ngập sân, tía nó đã đóng mười hai cây cọc, làm thành bốn cái giá ba chơn treo như giá trồng của bọn đèn thồi đám ma. Trên mỗi giá đặt một cái nồi lũng đất, và trồng nồi đề dầy đất tía nó mang từ xa về. Đất ở đây mặn chất dưng không được. Hành ớt, rau răm, rau mỗ om được trồng trong bốn cái vườn cao căng đó. Đó là bốn thứ tối cần, đất mặn bao nhiêu cũng phải lập thế mà trồng cho được không thôi không có món gia vị đỡ ăn cá nữa.

Bốn miếng vườn cao căng và tí hon lại là chiếc đồng hồ của nhà này vào mùa khô. Cứ xem bề dài của bóng giá là tính giờ được ngay và khi bóng nồi tròn vum che mất bóng giá là đúng ngọ ngay bon.

Nhịn sần một hơi, nhai nuốt hết và com, nó day vô hỏi tía nó :

— Năm nay mình gặt cỡ bao nhiêu tía ?

— Nhờ ông bà, đất nước, được hăm lăm gạ là ít lắm.

— Cũng chưa đủ ăn.

— Đủ gì mà đủ, má nó nói, nhà mình phải ăn trăm rưởi là số chót.

— Với lại, tía thằng Cộc trở vào câu chuyện, tại lúa Nàng Cùm thất gạo lắm. Năm tới tao gieo giống Tầm Vuột chắc được gạo hơn nhiều. Năm nay chuối trổ buồng thì năm tới trồng sả, trồng ổi được rồi đó.

Cả nhà đều hớn hỏ trước dự định tương lai tốt đẹp kia. Nhưng thằng Cộc chưa thấy gì là xán lạn cả. Trồng ổi cũng phải lâu mới có trái, trong khi đó, nó tiếp tục thềm chè, thềm xung xa, nhớ đám cúng đình, nhớ hát bội và bị một hình ảnh mới quyến rũ, hình ảnh của con Thôi, chắc là giống hệt chị nhỏ bòn bòn, tức có duyên lắm.

Con trai làng thấy con gái thường là thế, mà họ còn thăm lén rủ nhau đi một ngày đường nước đề ra đây gặp nhau thay, hưởng hồ gì là nó chưa được nói chuyện với con gái lớn lần nào hết. Những đũa con gái bạn của nó cách đây năm năm, nó nhớ lại là không có gì quyến rũ cả. Đũa nào cũng cạo trọc chừa bánh bèo phía sau và giữa chiếc bánh bèo mọc ra một chòm đuôi dài trông đến buồn cười.

Nhưng mà con gái lớn phải khác. Cộc chưa thấy con gái lớn, nhưng tin chắc như vậy. Có một linh cảm gì ở đâu từ kiếp tiền thân của nó bay lại và giúp cho nó biết như vậy.

Nhưng cô con gái lớn chưa thấy hình ấy, mà đã có tiếng kêu được, chúng âm thầm gọi Cộc, tiếng gọi như văng vẳng đâu trong không trung.

Thần thờ, thằng Cộc nói lại câu hỏi nãy và giận dữ thêm một đoạn khiến ông nội nó giựt mình, chống đũa mà nhìn nó trừng trừng :

— Ở đây mình có ruộng, nhưng cũng khô cả đời. Tui muốn đi quá, đi đâu cũng được, miễn là ở đó có làng xóm, có người ta.

★

Thằng Cộc thích mấy cây nọc nạng lăm. Bó lúa nào gác lên đó cũng nằm yên cả chớ không chực rớt xuống ruộng như những bó lúa gác lên đầu nọc thường.

Đó là những gốc tràm mà cháng hai chẻ ra rất thấp. Khi đốn tràm cháy, tía thằng Cộc đã trù xa, đốn ở trên cháng hai ấy độ một gang rưỡi nên bây giờ họ mới có nọc nạng rất tiện mà dùng gác lúa.

Ông nội thằng Cộc chống xuống trên ruộng, len lỏi qua mấy gốc tràm. Ông ghé từng gốc để cho lúa xuống xuống.

Đủ thứ là cò, cò ma, cò lông bông, cò quắm, cò hương, thân mật nhìn gia đình bốn người gặt lúa nhà. Đây là bốn người độc nhất là chúng thấy mỗi ngày ở vùng hoang vắng này, ban đầu chúng sợ hãi họ, nhưng về sau thấy họ hiền từ quá, chúng làm quen với họ được ba bốn thế hệ cò rồi.

Má thằng Cộc lội sình tới đầu gối, và lội nước gần tới háng nhưng vui vẻ hơn ngày nào hết.

Bà ta tăng hăng rồi cất tiếng hò !

Hò ơ... Tiếng anh ăn học lâu thông,

Lại đây em hỏi khấn lông mấy đường ?

Hò xong câu đó ấy, bà lẳng đờ chổng hò đáp. Nhưng tía thằng Cộc cứ làm thỉnh mà gặt, khiến bà đâm ngượng nên cười rồi cạy chổng cho đỡ mắc cỡ :

— Tía nó sao cầm cái miệng, không bắt vậy ?

— Hừ, nhiều chuyện nà ! Già rồi mà còn hò với hát, bắt với gheo. Bộ còn trai gái gì đó sao !

Vì vui kết quả của cần cù nên má thằng Cộc quên rằng bà ta đã quá mùa hò rồi. Tía nó nhắc lại bà ta mới chợt nhận ra. Tuy nhiên bà vẫn ngậm ngùi nhớ cái thú vui ấy thuở bà còn con gái và ngay bây giờ đây, tóc đã nhuộm hoa râm rồi, bà cũng có thể hưởng được nếu còn ở làng, hưởng bằng cách khuyến khích bọn trai trẻ hò đối đáp với nhau.

Thằng Cộc thì xôn xao trong lòng, nhớ lại lời chị nhỏ bần bần bảo rằng nó mà về làng làm ruộng thì ai cũng ưa. Ừ nó sẽ hò đối đáp với con Thôi. Chắc, mà nó phải nhờ má nó dạy hò mới được. Nó có nghe hò lần nào đâu để mà thuộc giọng và biết câu.

Đến chiều thì xong xuôi cả. Ông nội thằng Cộc chống xuống lúa ra bờ rạch, còn tía, má nó với nó thì lội nước sình mà về bộ.

Đập lúa và phơi phong mất hết mười mấy ngày. Trong những ngày buồn tẻ phẳng lì giữa cảnh bùn lầy nước đọng ấy, thằng Cộc càng nao nức muốn về làng.

Lại đây em hỏi khấn lông mấy đường ?

Câu hò của má nó ám ảnh nó từ hôm gặt đến nay. Nếu con Thôi mà hỏi đó nó câu ấy, chắc nó phải ngậm cầm, mặc dầu được phép trả lời bằng văn xuôi.

Khấn lông là vật dụng nó đã quên rồi thì còn biết là mấy đường để đáp cho thông. Từ lâu, nó chỉ có một chiếc quần xà lỏn trên người, mùa nắng cháy, như mùa mưa lạnh. Đêm khuya nhờ

núp che thân cho đỡ bị mũi dốt và gió cắt da.

Những món đồ cần dùng của thế giới văn minh ấy cũng thuộc vào những thứ gọi thêm như là bánh trôi nước, bánh ít trần và mái tóc của con Thôi.

Hôm ấy dùng bờ cho con cháu đồ lúa khô vào, ông nội thằng Cộc long trọng nói :

— Ngày mai ra biển.

Không ai hỏi ra biển để làm gì hết. Thằng Cộc cũng làm thinh trái với mọi ngày mà nó hỏi không kịp đáp.

Con rạch Ò Heo trước nhà, nếu có đi trên ấy thì phải đi về ngọn, nó nghĩ như vậy đi về ngọn để rẽ qua những kinh rạch khác mà tìm làng mạc sầm uất, chớ xuôi giong ra biển thì còn nghĩa lý gì nữa chớ ?

Nó chưa được ra biển lần nào cả và mấy năm trước đây nó muốn theo ghe của bọn bắt cua đi một chuyến lắm, mà không được phép đi.

Chuyến đi đầu đến một chơn trời lạ mà ông nội nó vừa cho biết, không làm cho nó phấn khởi chút nào cả.

Ông nội nói tiếp, dặn mẹ nó :

— Con mẹ trùm ngày mai phải dậy khuya nấu cơm nước. Tao đi với thằng trùm và thằng Cộc, đi thật sớm để gặp con nước lớn ngay tại cửa.



Rạch Ò Heo nhỏ xíu cho nên tràm ở hai bên bờ giao hành với nhau được phủ kín cả mặt nước.

Rạch tối om, đi như đi trong hang. Bấy giờ thằng Cộc mới hiểu thấy nghĩa tiếng *bang mai* trong câu hát của bọn đi bắt ba khía.

Những nơi ánh nắng lọt vào được thì hai bên bờ, ô rô và cóc kèn mọc đầy.

Nước ròng chảy xiết, xuống trôi bon bon. Tuy vậy ông nội và Tía cũng chèo cẩn thận để mau tới, hầu về kịp nội buổi chiều ngày đó.

Gần tới trưa, xuống không đi mau nữa.

— Nước đứng rồi, ông nội nói, tức là gần tới cửa rồi.

Họ nghỉ chèo, để xuống trôi linh đình, không tiến cũng chẳng lùi, rồi lấy cơm dỡ trong mo ra ăn.

Không đi thời thoi, đã trót đi, và lúc gần đến đích thằng Cộc nghe thích thấy biển coi ra sao. Nó và cơm hối hả rồi hỏi:

— Ra đó làm gì ông nội ?

— Rồi mày sẽ biết.

Họ ăn cơm xong thì nước bắt đầu lớn. Họ chèo nước ngược cho đến quá đứng bóng thì đến một nơi mà ông nội tuyên bố rằng đó là biển.

Thằng Cộc ngạc nhiên lắm mà không thấy biển đâu cả. Con rạch tiếp tục đi xa ra ngoài kia, ngoài một chỗ xa tít mù khơi, hai bên bờ rạch cây vắn mọc xanh um và ở đầu ngoài kia, hai hàng rào cây như đứt khúc, đâm vào một tấm vách tường xanh như da trời.

— Biển ở đâu, ông nội ? Cộc hỏi.

— Đàng xa kia, xanh xanh đó.

— Sao không ra ngoài, ông nội ?

— Không cần.

Tía thẳng Cộc chèo mũi, rút sào cậm xuống bàn, theo lệnh ông nội nó.

Ông nội gọi Cộc lại gần rồi hỏi :

— Con có thấy gì khác lạ không ?

— Không, ông nội à ?

— Không thấy ? Cây ở đây không khác cây sau lưng mình à ?

— À... phải rồi.

Cộc nhìn lại thì quả như lời ông nội nó nói. Nơi đây, đất đã hết, mà chỉ có bùn. Tràm mọc tới mé đất cuối cùng thì dừng lại, như là dân ở biên giới một nước kia dừng lại nơi bia lãnh thổ mình.

Hết tràm thì có một khoảng trống nửa bùn nửa đất, trên ấy cỏ ống mọc rậm ri và chim cao cẳng đủ loại đáp đầy trong cỏ.

Tràm đứng trước bãi cỏ mà nhìn dân láng giềng, mọc trên bùn đen. Đó là những cây ốm nhom, chen nhau mà vượt lên cao, cây này cách cây kia không đầy bốn gang tay.

Bờ biển thoải thoải dốc xuống trên rừng cây lạ ấy như một đạo binh xuống núi, tuôn tràn từ trên cao xuống mé biển ngoài xa.

Xa, xa lắm, có những cây mọc lẻ tẻ như những tên lính xung phong mau bước tiến tới để hãm thành lập công.

— Nhìn xuống gốc cây, ông nội bảo.

Nước chưa lớn hẳn để lộ bùn đen dưới gốc cây ra. Bùn đen từng nơi

lại trắng xóa những đóa hoa năm cánh, hai màu đối chọi nhau trông rất đẹp.

— Cây gì mà lạ vậy ông nội ? Trờ bông ngay dưới gốc ?

— Bông trờ trên đầu những cái rễ ăn lên mà người ta gọi là rễ gió. Cây này là cây mấm, đây là rừng mấm đây.

— Cây mấm ? Sao tui không nghe nói đến cây ấy bao giờ.

— Con không nghe, vì cây ấy không dùng được để làm gì cả, cho đến làm củi chụm cũng không được.

— Vậy chớ trời sanh nó ra làm chi mà vô ích dữ vậy ông nội, lại sanh hăng hà sa số như là cỏ ấy ?

— Bờ biển này mỗi năm được phù sa bồi thêm cho rộng ra hàng mấy ngàn thước. Phù sa là đất bùn mềm lũng và không bao giờ thành đất thịt được để ta hưởng, nếu không có rừng mấm mọc trên đó cho chắc đất. Một khi kia, mấm sẽ ngã rạp, giống tràm lại nổi ngôi cho nó. Rồi sau mấy đời tràm, đất thuần, cây ăn trái mới mọc được.

Thấy thẳng cháu nội ngờ ngác chưa hiểu, ông cụ vịn vai nó mà tiếp :

— Ông với lại tía con là cây mấm, chơn giằm trong bùn. Đời con là đời tràm, chơn vẫn còn lắm bùn chút ít, nhưng đất đã gần thuần rồi. Con cháu của con sẽ là xoài, mít, dứa, cau.

Đời mấm tuy vô ích, nhưng không uổng, như là lính ngoài mặt trận vậy mà. Họ ngã gục cho kẻ khác là con cháu họ hưởng.

Con, con sắp được hưởng rồi, sao lại muốn bỏ mà đi. Và lại con không thích, thì sanh chút ít cho con cháu của con hưởng sao ?

Thằng Cộc nhìn lại ông nội nó và thương không biết bao nhiêu ông già đã bỏ mồ ông mà cha để hi hục năm năm trong đồng chua nước mặn ở Õ Heo.

Phải, cứ theo dự đoán của gia đình thì nó sắp được hưởng, tuy không nhiều, mà rồi sẽ nhiều.

Nó nắm chặt tay ông nội nó và thấy ông nội nó giỏi quá. Ông có biết chữ Nho kia mà !

— Ông ơi, nó than, nhưng trâm buồn quá !

— Trâm sẽ khỏi buồn nữa. Năm tới đất thuận, ta làm ba mươi công, và sẽ gọi dân cấy gặt ở xa tới để phụ lực. Rồi tía con sẽ cưới vợ cho con, rồi thiên hạ sẽ bắt chước tràn tới đây mà phá rừng, vùng Õ Heo sẽ sầm uất vui biết bao nhiêu.

Trâm hết buồn vì sẽ đẻ ra cau, dứa, xoài, quít, dứa nhà, nước sẽ ngọt một khi đất thuận...

— Và sẽ có chè ăn ?

Ông Nội cười ha hả mà rằng :

— Gì chớ chè thì sẽ có lu bù.

— Mà ông nội nè, cưới vợ làm sao được, ai thêm về Õ Heo ?

— Hai năm nữa người ta sẽ đồn đất Õ Heo thuận... những kẻ nghèo khó như ta chỉ mong được tới đây.

Ông nói điều này, không biết con hiểu được hay không. Là tổ tiên ta ngày xưa từ miền Trung tràn vào đây, đều chịu số phận làm cây mắm cá. Từ xứ Đồng-nai nước ngọt tới đây, ở đâu cũng hoang vu cả.

Họ đã ngã rạp trong chốn ma thiêng nước độc này để lót đường cho con cháu họ đi tới, y như là đàn kiến xung phong, tốp đầu liều chết đuối lội qua tộ nước rộng hủ đường để làm cầu cho bạn đi sau vào đến nơi có thức ngọt.

Tất cả mấy lớp tiên phong đầu đều ngã gục như rừng mắm, rồi ông sơ ông cố con, ông nội đây là trâm, mới kiếm được miếng ăn...

— Tía !

— Thằng Cộc lo lắng không biết tía nó sẽ làm trâm như đó được hay không và kêu tía nó bằng một giọng thương yêu trĩu mền hết sức.

— Thôi nhờ sào đi về cho kịp con nước, ông nội ra lệnh.

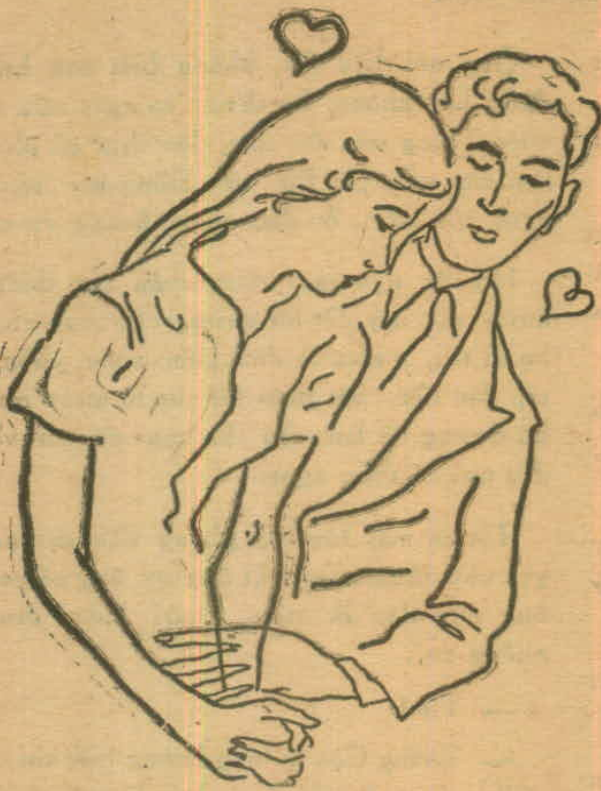
— Ông nội vui vẻ quá, ông bỗng nhớ sực lại những câu hò của thể hệ người tiên phuông đi khai thác đất hoang ở miền Nam, mà ngày nay thể hệ trâm không hát nữa. Ông cất giọng khàn khàn lên :

Hồ ơ... Rừng châu ngoài Huế,

Ngựa tể Đồng-nai.

Nước sông trong sao cứ chảy hoài,

Thương người xa xứ lạc loài đến đây.



CHUNG TÌNH

Gởi những người có bốn năm xa cách.

Sao em dám hát bài Chung Tình
Khi mắt em còn trong vắt màu xanh
— Vì mắt em còn trong vắt màu xanh
Hát bài Chung Tình để muôn hoa tin tưởng
Nhưng hè đến là thôi tình đã ngưng
Anh bày em hát khúc Chung Tình
Khi mắt em còn trong vắt màu xanh
Ai biết đâu lời ca chứa chan giả dối
Vậy mà anh nói yêu em, yêu em mãi mãi
Vì như thế nên em anh vẫn đợi
Người phát thư mang buồn qua ngõ
Bay sau người... là xác thu rụng đỏ
Chỉ đợi đông về tim sẽ héo khô
Ai vẽ cho em, ai bảo đợi chờ? !
Chung Tình ơi, bài hát của bao giờ !
Đền một hôm em không còn nước mắt
Xuân lại đến với muôn màu muôn sắc
Bài Chung Tình ai hát ở ven sông
Gió buồn đi nước mắt lại lưng tròng
Thôi nát tan rồi những nhớ cùng mong !

tháng 4-1958

ĐỖ-TẤN



Những truyện Liêu- trai chưa từng dịch

CÔ GÁI ĐÁNH SỢI

KIỀU-YIÊU dịch

Huyện Thiệu-hưng (tỉnh Chiết-giang) có người quả phụ đêm ngồi đánh sợi.

Bỗng một thiếu nữ đẩy cửa bước vào, cười mà rằng : « Bà làm không biết một sao ? » Ngưng trông lên thấy độ mười tám, mười chín, xuân dung kiều lệ, áo dài rực rỡ. Bà lão kinh ngạc hỏi : « Cô ở đâu lại ? » Á đáp : « Thương bà ở một mình, nên lại đây cho có bạn ».

Bà lão ngờ là con nhà sang cả lối bước lưu ly, bèn hỏi vắn mãi. Á đáp : « Xin bà đừng sợ. Cháu dâu là hồ, cũng giống bà đấy chứ. Cháu mến bà là người thanh

bạch, nên tìm đến, cho hai đàng đều đỡ vắng vẻ, thế không tốt sao ? »

Bà lão lại ngờ là hồ, trăm ngẫm do dự. Á bèn ngồi lên giường đánh sợi hộ mà rằng : « Bà khỏi lo. Công việc thế này cháu đủ sức cáng đáng, quyết chẳng lụy nhau về cái ăn cái uống đâu ». Bà lão thấy ả dịu dàng khả ái, nên bằng lòng.

Đêm khuya, bảo bà lão : « Mền gối cháu đem lại còn để ngoài cửa, xin phiền bà xách vào hộ ». Bà lão đi ra, quả thấy một gói y phục, liền

CÓ GÁI ĐÁNH SỢI

mở bày ra giường, không biết hàng lụa đầu mà thơm phức, mà láng mượt không gì sánh kịp.

Bà lão cũng bày gối chẵn ra, cùng ả ngủ chung giường. Tấm lụa vận phủ lên người vừa bỏ ra, hương thơm lạ sức nức cả phòng. Lúc nằm ngủ, bà lão lòng riêng cứ nghĩ đến sự gặp gỡ giai nhân, mà luống tiếc mình chẳng phải là nam tử. ả nghiêng đầu bên gối, cười mà rằng : « Bà đã bảy mươi mà còn vọng tưởng sao ? » Bà lão đáp rằng không. ả nói : « Đã chẳng còn vọng tưởng, thì sao lại muốn làm nam tử ? »

Bà lão càng tin là hồ, hãi quá. ả lại cười mà rằng : « Nguyễn sanh làm nam tử, lòng dạ thế nào mà lại sợ cháu sao ? » Bà lão càng đâm hoảng, run bầy bầy chuyển động cả giường. ả nói : « Gan chí lớn có thể, mà lại muốn làm nam tử. Nói thật cùng bà, quả cháu là tiên nhân, chứ chẳng phải là gái gieo họa đầu. Nhưng bà phải kín miệng mới được. Còn cái ăn cái mặc, cháu đây xin tự túc ».

Bà lão dậy sớm, sụp lạy bên giường. ả đưa tay kéo bà, tay mịn như mỡ đông, tỏa mùi hương ấm; da thịt hễ chạm vào ai, là nghe rợn làn da một cảm giác sáng khoái phi thường. Bà lão thấy lòng xúc động, lại tơ tưởng vãn vợ. ả tím tím mà rằng : « Bà mới run bầy bầy vừa ngớt, mà lòng lại lần thần đi đâu nữa đó ? Giả sử được làm trọng phu, chắc sẽ chết vì tình ». Bà lão nói : « Giả sử làm trọng phu thì đêm nay làm sao mà khỏi chết ? ».

Từ đây đôi lòng hòa hợp, ngày ngày cùng lo công việc. Sợi của ả đánh ra nhìn thấy vừa mảnh, vừa đều, mà sáng lấp lánh,

đem dệt thành vải, ngồi chói như gấm, bán được giá cao gấp ba thứ thường.

Hễ bà lão đi đâu thì ả đóng cửa. Có ai đến thăm bà lão, thì bà tiếp đãi ở phòng khác. Trọ nửa năm, không ai biết. Về sau bà lão dần dần lậu tiếng trong chỗ hàng xóm láng giềng. Chị em quen biết cậy bà lão xin cho được thấy mặt. ả trách rằng : « Bà không cần trọng lời nói, thì cháu không còn ở đây lâu được nữa ».

Bà lão hối đã thất ngôn, hết sức tự trách. Nhưng những kẻ cầu xin cho được thấy mặt ngày một thêm đông. Thậm chí có người ý thể muốn ép bà lão. Bà khóc lóc mà bày tỏ ân tình. ả nói : « Nếu là đàn bà con gái, thì xem mặt cũng chẳng hại gì. Sợ có những người đàn ông con trai khinh bạc, đến xem mà giờ trò suồng sã ». Bà lão lại van nài, ả mới hứa chịu.

Hôm sau bao nhiêu bà già, thiếu nữ, nhang khói cầm tay, chen chúc nhau đầy đường. ả sợ phiền rộn, vô luận sang hèn, đều một mực không bắt chuyện với ai cả, chỉ làm thinh ngồi một cách đoan trang, lắng nghe tiếng chào thăm mà thôi.

Thiếu niên trong làng nghe tiếng đồn ả đẹp, lao đao cả thần hồn, thấy đều bị bà lão cự tuyệt. Có chàng trai họ Phị, là một tay danh sĩ trong ấp, rốc cả gia sản, đem số vàng to đi mua lòng bà lão. Bà lão nhận lời xin cho y được hưởng đặc ân.

ả đã biết việc ấy, trách rằng : « Bà định bán cháu sao ? » Bà lão sụp quì xuống đất chịu tội. ả nói : « Bà thì tham vàng của y dút lốt, cháu thì cảm cái lòng si mê của y, vậy cũng có thể cho gặp một phen. Nhưng nếu thế thì duyên phận của bà với cháu sẽ phải dứt hẳn ». Bà lão lại dập đầu năn nỉ, ả bèn đính hẹn vào ngày hôm sau.

Y nghe tin mà mừng, sắm đủ nhang nến đi lại. Bước vào cửa chấp tay vái dài. À từ trong màn tiếp chuyện, hỏi: « Chàng dám phá sản để được giáp mặt nhau, hẳn có điều gì dạy bảo thiếp ».

Y nói: « Thật không có ý mong cầu gì khác. Nhưng vì Mao-Tường, Tây-Tử nức tiếng, mà chỉ nghe đồn suông. Nếu không chê là ngu khờ mà ruộng rẫy, để cho được mở rộng tầm mắt này, thì nguyện vọng của tôi đã là thỏa mãn. Còn ví như cơ trời đã sắp bày định số khắc nghiệt, thì sự ấy cũng xin đành bộp bụng mà chịu ».

Bỗng chốc thấy từ trong màn, dung nhan của ai tỏa ánh thấu tới ngoài, mày thúy môi anh, không cái gì là chẳng lộ rõ, tướng chùng như chẳng có màn che trướng phủ gì cả. Chàng tâm thần mé mẩn, bất giác sụp xuống lạy. Lạy xong đứng dậy, thì bức màn dày thấy như nặng trĩu thâm nghiêm, chỉ có thể nghe tiếng mà hết thấy hình được nữa.

Trong lúc bùi ngùi, trộm tiếc chưa thường giám được hạ thế, chợt thấy phía dưới màn hai chiếc dép thêu cong mũi, gọn nhỏ không dài hơn ngón tay. Chàng cúi lạy một lần nữa. Trong màn à nói vọng ra: « Thôi chàng hãy về đi. Thiếp thấy trong người mỗi mệt rồi ».

Bà lão mời y sang phòng khác, pha trà mà đãi. Y đề lên vách một bài hát à đào, (1) điệu « Nam hương tử »:

*Thấp thoáng ngang màn hoa,
Tay búp măng mềm, chân thướt tha.
Gót ngọc lướt qua*

*Ngỡ cánh sen là tả,
Nghĩ thương ai đó thân dày đọa,
Mũi dép cong tròn
Phải chi sò được chất tơ non !
Những mơ hóa bướm
Phơ phất lượn bên dùi:
Người chút hương thừa, thác cũng out.
Đề xong ra về.*

À xem bài từ mà lòng không vui, bảo bà lão rằng: « Cháu đã nói duyên phận của bà với cháu sẽ phải dứt. Nay quả không sai ».

Bà lão quì xuống đất tạ tội. À nói: « Lỗi không phải chỉ riêng tại bà. Cháu ngẫu nhiên sa vào bẫy tình, đem khu xác siêu phạm mà gheo mắt người đời, nên mới bị những lời dâm ô giầy bần. Đều là bụng làm dạ chịu, đâu thể trách bà. Nếu không mau dời đi nơi khác, sợ sẽ đắm vào vực tình, chuyên kiếp không tài nào ra khỏi ».

Nói rồi giạt lấy khăn gói ra đi. Bà lão chạy theo định níu lại, chỉ trong chớp mắt đã biến đâu mất.

BỒ-TÙNG-LINH (Họ bán thế kỷ XVII)
(Bản dịch của KIỀU-YIÊU)

*Tặng « Cô gái đánh sơi »
Yêu kiều một áng xuân dung,
Du dương mày thúy, ngát lừng môi
anh,
Dấu cho muốn giữ vẹn mình,
Lánh đâu mà chẳng có tình vương
theo ?*

*Này cô thử lắng nghe nào:
Tình reo trong mỗi tế bào thân tơ.
Da kia còn rợn vì sờ,
Tâm kia há dễ hững hờ với thân ?*

KIỀU-YIÊU

(1) Xin xem phụ chú ở cuối bài.

PHỤ CHÚ

Theo Việt-Nam tự điển của Hội Khai Trí Tiến Đức (trương 4 nhị 168) thì Đào là « Tên một họ. Xưa có người đàn bà họ Đào bắt đầu sinh ra nghề hát, cho nên về sau gọi các người ca xướng là đào nương, ả đào hay cô đào. Thường đọc trạch là cô đầu ».

Ông Lê-Văn-Hòe thì cho rằng : « Đòi vua Trần-Nhân-Tôn (1279-1293) quân ta đánh phá giặc Nguyên (Mông-Cò) có bắt được một người hát bộ tên là Lý-Nguyên-Cát. Lý-Nguyên-Cát ở lại nước ta, lấy các tích cổ đặt thành vở tuồng, dạy người Nam học hát (...) Trong các vở tuồng của Lý-Nguyên-Cát có vở « Vương Mẫu Bàn Đào » được các bực vương công đại thần hoan nghênh nhất (...) Con gái ra đóng trò Bàn Đào, người ta gọi là « nhà trò » nghĩa là con hát làm trò, hoặc « Ả Đào » nghĩa là cô ả dâng đào.

Vậy « ả đào » nguyên nghĩa là con gái hát tuồng Bàn Đào, sau biến nghĩa thành tiếng chỉ con hát, và lâu dần biến thành tiếng chỉ riêng bọn con gái gõ nhịp phách hát các bài ca trù như ngày nay » (Tầm Nguyên Từ Điển, trương 10).

Nhưng biết họ người vô danh đã thi sáng một nghệ thuật mà lịch sử của nó lị sâu vào mạt mờ của một quá khứ xa thẳm cho đến nỗi ngày nay ta không tài nào xác định nổi trường hợp không gian và thời gian, điều ấy thiết tưởng là không thể được. Đến như lấy cái vai phụ trong một vở tuồng, đầu được tán thưởng thế mấy đi nữa, để mệnh danh những người đã chẳng biểu diễn riêng nó, mà lại còn

biểu diễn bao vở tuồng khác, điều này cũng khó mà quan niệm được.

Sách « Nghiêm Sơn Đường ngoại ký » chép : « Ở Hàng-Châu những cô gái mù hát những bài bình thoại kể chuyện tích xưa hay nay, người ta gọi là Đào-Chân (chữ Đào thường viết là bộ Phụ, mà cũng còn viết ra bộ Thủy) » Họ hát ở các miếu thần hoặc các tiệm trà. Phong tục này đã có tự đời Tống (thế kỷ XI) Ban đầu « bình thoại » hay « bình từ » còn gọi là « thuyết thư » gồm cả hát và nói lối, có nhạc khí họa theo. Nhưng dần dần danh từ ấy dùng để gọi một nghệ thuật tinh mỹ hơn, chỉ lấy giọng nói và điệu bộ nhịp thường mà phụ diễn các truyện tích, các dật sự, chuyên trọng nói lối. Nghệ thuật thuyết thư thịnh hành nhất dưới đời Tống, ở vùng Giang-Nam.

Về sau, những tay nổi tiếng hơn hết trong nghề ấy là Lưu-Kính-Đình, Không-Vân-Tiêu, Hàn-Quê-Hồ. Riêng Lưu-Kính-Đình chẳng những có một kỹ thuật vô song trong thời Minh-mạt (thế kỷ XVI) mà đến cả học vấn và nhân cách cũng thật là đáng kính, nên các tay bình thoại đời sau suy tôn y làm tổ sư. Hiện nay hai đoàn « bình thoại » nổi danh nhất ở Trung-hoa là đoàn « Quang-Dụ xã » ở Tô-châu và đoàn « Nhuận-Dụ xã » ở Thượng-hải. (Tài liệu rút trong Từ-Hải và Từ-Nguyên, ở những mục Đào-chân, Bình-thoại và Thuyết-thư).

Theo thiên ý, cái thuyết cho rằng « Đào » trong mấy tiếng « ả đào », « cô đào » hay « đào dĩ » là con đẻ của chữ « ĐÀO-CHÂN », cũng như « Bội »

trong những tiếng « hát bội », « trong chay ngoài bội » là do chữ « BỘI TỤNG » (nghĩa là đọc thuộc lòng) mà ra, hợp với cái khuynh hướng giản đơn hóa các từ ngữ của chúng ta, cái thuyết này tưởng có phần thỏa đáng hơn, hợp lý hơn hai giả thuyết nói trên.

Đến như những tiếng « đào nương » và « đào nương ca », nếu cái biết hẹp của tôi không sai lầm, thì nó không có trong cái vốn cổ hữu của Hoa-văn, mà chỉ là những cấu tạo không cần thiết, để mãn túc cái ý khinh Nôm trọng Hán của một số nho sĩ nước ta mà thôi.

KIỀU-YIÊU

Tồn vong họa phúc của quốc gia

Ngày trước, đời Đế-Tân (vua nhà Ân) có một con chim trước đẻ ra một con chim lớn ở ngoài góc thành. Xem bói thấy quẻ nói rằng : « Phàm vật nhỏ mà sinh ra vật lớn thì quốc gia tất thịnh vượng mà tiếng tăm càng nổi lên ». Đế-Tân từ đó trông cậy vào cái đức của con chim, không sửa quốc chính, ngược bạo vô cùng ; triều thần không ai cứu chữa, rồi giặc ngoài kéo tới, khiến nhà Ân đi tới chỗ diệt vong. Đó chính là lấy thân mình làm trái thiên thời, đem phúc đổi ra họa vậy. Lại khoảng đời trước, trong thời Thái-Mậu (cũng là vua nhà Ân), đạo hồng phép hư, đem tới tai nghiệt ; cây tang cốt sinh ở trong triều, bảy ngày đã lớn hàng ôm. Xem bói thấy quẻ nói : « Tang cốt là loại cây mọc ở đồng nội, không phải là giống mọc trong triều. Điềm này có lẽ là nước bị mất chăng ? » Vua Thái-Mậu lấy làm lo sợ, vội nghiêng mình sửa nết, nghĩ lại chính sách của các tiên vương, mở sáng đường lối nuôi dân. Sau đó ba năm, các phương xa đều mến phục chính nghĩa, lần lượt theo phục có tới mười sáu nước... Đó chính là lấy thân mình làm trái thiên thời, xoay họa chuyển ra phúc vậy. Cho nên thiên tai địa yêu là để răn người làm chủ vậy ; mơ mộng điềm gỡ là để răn kẻ làm tôi vậy. Tai yêu không thể thắng được thiện chính (chính sách hay giỏi), mơ mộng không thể thắng được thiện hạnh (tinh nết hay giỏi). Hiểu biết tới đó là chính trị tốt bụng, duy bậc minh vương mới đạt tới mà thôi.

KHÔNG-TỬ GIA NGŨ

Túc Sơn - Tự

Lật-diệp trùng-trùng phú thúy-vi,
Hoàng-hôn khê-thượng ngữ nhân hy.
Nguyệt minh cồ tự khách sớ đảo,
Phong động nhàn môn tăng vị quy.
Sơn-quả kính sương đa tự lạc,
Thủy-huỳnh xuyên trúc bất đình phi.
Trung-tiêu năng đặc kỷ thời thụ ?
Hựu thính chung thanh thối trước y ?

HẠNG TU



Nghỉ đêm ở chùa trong núi

Xanh um lá dẽ rợp trời,
Chiều vàng bên suối tiếng người lựa-thưa ;
Khách vào... trăng sáng chùa xưa,
Cửa chùa gió động, nhà sư chưa về ?
Rừng sương, quả rụng tứ bề,
Lách rào, đom-đóm lập-lòe bay luôn.
Ngủ mấy chốc ? Nửa đêm buồn,
Nghe chuông, khước áo bõn-chồn lại đi... ?

3-1958

BÔNG-XUYỀN dịch
(Trích « Truyền Thơ »)

Đường lối giữ nước •

Ai-Công hỏi Khổng-Tử : Quả nhân muốn nước của quả nhân, nhỏ thì có thể giữ được, mà lớn thì có thể tiến đánh nước ngoài được, vậy phải theo đường lối nào ?

Khổng-Tử đáp : « Nếu trong triều đình nhà vua mà có lễ độ, trên dưới cùng thân yêu nhau, thì thiên hạ và trăm họ đều là dân của nhà vua cả, hỏi ai còn dám đánh nhà vua nữa ? Vì bằng nhà vua đi trái đường lối ấy thì dân tất phản bội mà bỏ về và đều trở thành thù địch của nhà vua cả thì nhà vua còn giữ nước làm sao được » ?

Ai-Công nghe nói khen rằng : « Hay lắm » !

Rồi liền đó, ông ra lệnh bỏ sự cấm dân vào rừng xuống biển, bãi thuế họp chợ và qua cửa ải, để làm ơn huệ cho dân.

KHÔNG-TỬ GIA NGŨ

Hộp thư

- Ô. PHẠM-THẾNH : Đã nhận được thư và thiên Tuy bút của ông sẽ xin gửi toàn tập Bách-Khoa lại ông.
- Ô. HOÀNG-KHANH : Rất cảm ơn ông. Đã nhận được thư xin sẽ trả lời sau.
- Ô. LAN-ĐÌNH : Đã nhận được « Thiêng ninh »
- Ô. VŨ-QUỲNH-BANG : Đã nhận được « Xứ mơ ». Sẽ đăng trong những số tới.
- Ô. TẠ-KÝ : Xin cho biết địa chỉ của ông để chúng tôi liên lạc.
- ANH NGUYỄN-PHÚC : Lâu nay không được tin anh. Sắp có người của Tòa soạn Bách khoa ra Huế muốn liên lạc với anh. Vậy xin anh gửi địa chỉ hiện tại của anh về Tòa báo. Rất mong các sáng tác mới của anh.
- NHÀ SÁCH MINH ĐỨC ĐÀ NẴNG : Xin ông liên lạc với nhà phát hành Nam Cường vì ô. Tuệ-Quang đã giao hoàn toàn cho nhà Nam Cường phát hành cuốn « Nguồn sáng Mới ».
- NHỮNG BÀI KHÔNG ĐĂNG : Cô gái Cạo (H.M.) Trở về (L.N.Đ) Su Vạn Hạnh (N.C.)

SÁCH MỚI

Chúng tôi nhận được :

— Bộ kinh « **Viên-giác** » do Cụ Huyền-Cơ dịch và do Huyền-Cơ Phật học viện gửi tặng. Bộ kinh Viên-giác là bộ kinh cao nhất, quý giá nhất trong kho tàng kinh điển, chỉ thẳng đến cảnh giới Phật và phương pháp viên đốn tu đến quả Phật.

— **Ngũ-vượng Anh-văn** lớp Đệ-thất của giáo-sư Lê-bá-Kông do tác-giả gửi tặng.

Ngũ-vượng Anh-văn có thêm phần toát-yếu và Văn Phạm, rất lợi cho các học sinh học cuốn L'anglais vivant 6è. Sách dày 76 trang giá 15đ.

— **Văn-Phạm Anh** của Bà Phạm-thị-Còn, tốt nghiệp trường sinh-ngữ Davies ở Londres, do nhà xuất bản Chính-ký gửi tặng. Sách dày 220 trang, in trên giấy tốt, giá 58 đồng.

— **Vua Quang Trung** : của Phan-trần-Chúc do nhà xuất bản Chính-ký gửi tặng — Sách dày 224 trang giá 48đ.

Chúng tôi trân trọng cảm ơn Huyền-cơ Phật học viện, ông Lê-bá-Kông, nhà xuất bản Chính-ký và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc thân mến.

ĐÍNH CHÁNH

BÁCH-KHOA số 35 :

★ Bài « **Những chặng đường của một cuộc tuyệt tan giá rẻ** » do Lưu-Nguyễn Đ.T.T. dịch thuật :

- trang 44, cột 2, dòng 11 : « cũng thuộc hạng này... »
- trang 45, cột 2, dòng 9 : « Staline chết, người đầu tiên ».
- trang 47, cột 1, dòng 7 : « bí mật riêng tư... »
- trang 50, cột 2 dòng 7 : « kỹ sư Sokolovski ».

★ Mục « **Giới thiệu sách, báo mới** » : trang 86 :
... « do ông Phạm-Ngô chủ trương », xin sửa lại : « do ông Phan-Ngô chủ trương ». Và « họa sĩ Bằng-Nhâm trình bày. Có bài các giáo sư... »

★ « **Huỳnh-Thúc-Kháng** » của Nguyễn-Hữu-Ngư, trang 35, cột 1, dòng 32, xin thêm ngoặc kép ở đầu : « Báo « Phụ nữ tân văn », số 67... »

★ « **Vấn đề nước đối với nông dân ở Việt-nam** » của Nguyễn-Thiệu-Lâu, trang 41, dòng 21 và 22 « mía re » xin sửa : « mía tre ». Và trong bản đồ các sông miền Nam-việt : sông Vàm Cỏ xin sửa lại là : Sông Vàm Cỏ.

★ « Bài thơ « **Phượng nở** » của Triệu-Đường và Trúc-Mai, trang 68, dòng 12 : « nắng đã », xin sửa : « nắng dãi ».

BÁCH-KHOA, số 33, bài « **Mấy sử liệu về sự khản hoang...** » của Nguyễn-Thiệu-Lâu, trang 21, cột 1, dòng 9, 10 : « Mười ba năm... »

Trong số này bài « **Nhớ Tân-Đà** » trang 33, dòng 19 : « bao nhiêu » xin sửa là « bao nhiêu ».

KHÔI LỬA KINH THÀNH

LÂM-NGŨ-ĐƯƠNG
(VI-HUYỀN-ĐẮC dịch)

LƯỢC DẪN

Cậu Bán-A, con trai trưởng ông Tăng-Văn-Phác, một vị quan cao triều Thanh-Mạt, được đính hôn với nàng Man-Ni vốn mồ côi cha. Bán-A bị bệnh nặng, gia quyến họ Tăng mới mời mẹ con Man-Ni đến Bắc-Kinh để làm lễ cưới « Xung-hi », hy vọng rằng có lẽ nhờ đó mà bệnh Bán-A thuyên giảm.

CHƯƠNG VIII

Tối hôm đó, Tăng-phủ có đặt một tiệc rượu « tây-trần » để khoản đãi hai mẫu nữ Man-Ni.

Ngồi trong bàn tiệc, Man-Ni, hai má đỏ hồng hồng, đã dễ hiển lộ ra một vẻ đẹp dị thường. Nghiêm cẩn như Tăng-tiên-sinh mà cũng phải dễ mắt, không thể không nhìn nàng được. Quế-Cô thì sẵn đón, thù tiếp một cách thập phần chu đáo. Sự mời mọc ân cần làm cho Tôn-thái-thái vô cùng cảm động. Tân-A, vì muốn chuộc cái lỗi đã làm cho nàng phật ý bằng cái thứ anh ngữ nửa mùa của cậu, nên cậu nói luôn miệng, hết chuyện này, tới chuyện khác, cốt ý là làm vui lòng người chị dâu đáng kính, đáng mến. Tuy nói nhiều, nhưng lúc nào cậu cũng giữ một thái độ khiêm cung, hữu lễ. Trái lại, Kham-A vẫn giữ nguyên cái bản chất trầm



mặc, một phần, vì cậu tự nhận thấy mình đã thành một người lớn rồi, một phần nữa, là vì có thân phụ cậu ở đó, nên cậu e dè.

Ở trên bàn tiệc, Man-Ni có vẻ thẹn thùng, như một cô dâu mới. Kể ra, nàng cũng chẳng khác gì một vị tân nương, vì đã hai dòng có lẽ, nàng bị xa cách người yêu, ấy thế mà nay đây, hai người sẽ lại được trùng phùng. Đối với các món sơn hào, hải vị, những bát đồ nấu của một bữa thịnh soạn, nàng chỉ ăn qua loa để giữ lễ, chứ nàng có biết nàng ăn thức gì đâu. Cả người nàng là cái kiêu thái của một thiếu nữ mà tâm hồn đương ấp ủ một tình yêu nồng nàn. Hai mắt nàng sáng ngời và đầy vẻ mình mị; ở trên hai hàng răng ngọc, đôi gò má nàng ửng hồng và mơn mớn như những cái cánh đào của một đóa mãn coi; thật là vạn chủng kiêu dung!

Vâng theo mẫu mệnh, nàng sắp đem một tấm lòng thành khẩn, làm một việc từ tâm, để đáp lại sự kỳ vọng của tất cả thân nhân của người yêu. Ở chung quanh nàng, nào tiếng nói chuyện, nào giọng vui vẻ của Tân-A, nào sự phụng thị ân cần của những người a hoàn, tất cả ngần ấy thứ, vừa nhiệt náo, vừa tào tạp, vây lấy nàng, nhưng không có một cái gì làm cho nàng có thể đăng trí được, vì một tư tưởng đã chiếm cứ hẳn tâm linh nàng, cái tư tưởng ấy là: « Mình có phải là một vị thần

tiên có cái tài huyền diệu, cứu nổi Bàn-A của mình không? » Bồng, nàng có một cái cảm giác kỳ dị là nàng tự thấy ở nàng, một sự hưng phấn đầy dẫy lực nó thúc đẩy nàng, nó khích lệ nàng và nàng chỉ muốn, ngay thử thời, ngay lập tức, xóa bỏ hẳn cái bàn tiệc này đi, để nàng có thể chạy vụt tới chỗ người yêu. Sắc mặt nàng, từ chỗ hồng hồng, dần dần đỏ tía lên, bụng nàng sôi lên, trán nàng lóng lánh những giọt mồ hôi.

Tới ngày hôm sau, bao nhiêu những câu chuyện, những lời đàm thoại, Man-Ni đều quên hết; nàng chẳng còn nhớ được một tí, một li nào. Nàng chỉ hình dung lại trong ký ức có mỗi một điều, là tất cả bàn tiệc cho lẫn cả những người bợ dịch, ai cũng chú mục vào nàng; nàng nghiêm nhiên là cái « đĩnh » của cái điện tịch « tầy trần » tối hôm đó, vậy.

Sau khi lần lượt đã dùng hết các món ăn, thì, cuối cùng, là đồ tráng miệng, trong đó, có nhiều quả cây. Sau khi ăn mấy miếng lê tươi, Man-Ni thấy trong người mát mẻ, dễ chịu.

Quế-Cô đã đứng dậy ngay từ lúc chưa dọn đồ nước lên, để đi đến chỗ buồng của Bàn-A, thu dọn cho gọn gàng, để chiều dãi một cuộc viếng thăm đầy ý nghĩa tốt lành. Chị a hoàn Tuyết-Hoa ra đón Quế-Cô và hỏi tân nương bao giờ sẽ tới. Quế-Cô cũng hiểu

Tuyết-Hoa đã dùng hai chữ tân nương là cố ý để nói đùa, nên chỉ mỉm cười mà trả lời: « Đừng có nói bậy! ».

Bản-A vừa ăn xong một bát mọc nhĩ nấu với nước dùng gà. Cậu thấy dễ chịu và ngủ đi được một lát; khi cậu sự tỉnh lại, thì cậu thấy trán xạm xấp mồ hôi, một ngọn đèn dầu tây đã được thắp lên và đặt ở trên bàn; bắc vụn thắp nên ánh sáng yếu ớt, không được tỏ. Cậu hỏi Tuyết-Hoa đã mấy giờ rồi; Tuyết-Hoa đáp, trên nhà đang ăn tiệc và Tôn tiểu thư sắp sửa tới thăm cậu.

Bản-A bảo Tuyết-Hoa vặn cao đèn lên, cho căn phòng được sáng sủa hơn. Cậu lại đòi đem khăn mặt lên, cho cậu lau mặt. Tuyết-Hoa y theo lời cậu, lấy khăn lên và giúp cậu lau tay, lau mặt cẩn thận. Tuyết-Hoa vốn là một cô gái thông minh, linh lợi, nên được phái, riêng chỉ phục thị Bản-A, trong khi cậu ngoại bệnh. Chính tên cô là Lê-Hoa, nhưng vì phải kiêng tên quý của Tăng-thái-thái là Ngọc-Lê nên phải cải ra là Tuyết-Hoa.

Khi Quế-Cô trở lại, cô thấy căn phòng sáng trưng, khác hẳn với trước đây mấy tuần.

Quế-Cô sai Tuyết-Hoa ra tận chỗ ngoài bực thềm cửa, để đón các quý khách, còn mình thì ngồi chuyện vãn với Bản-A. Không đầy

dăm phút, Quế-Cô đã nghe thấy Tuyết-Hoa nói với vào, rằng: « khách quý đã tới! » và cô vội vã ra đón Tăng-phu-nhân. Man-Ni đi sau thân mẫu của nàng, có Tiểu-Lạc đi kèm. Quế-Cô đã đứng ở cửa buồng để nghinh tiếp. Vì ba người đàn bà còn đứng dùng dằng cả ở trước cửa buồng, nên Man-Ni không thể bước vào được. Nàng đành đứng đợi ở bực thềm, tâm cảm cứ nóng như lửa đốt.

Bỗng nhiên, một khoảng trống tách ra ở lối ra vào, cửa màn của Bản-A đã được móc lên, Bản-A nằm ở trên giường và dương cặp mắt xâu hoắm, trên một khuôn mặt xanh xao, hốc hác, chú thị nhìn nàng. Nàng hạ mi mắt nhìn xuống đất.

Tăng-phu-nhân mới đi ra cầm lấy tay Man-Ni và dắt nàng tới bên giường của Bản-A. Bà bảo cậu con:

« Bản-nhi này, em con nó đã lên thăm con đây! »

Quả tình, đối với một cô nương đã dôi chín, đây là một cảnh tình thiệt là nan kham, dầu cho bạo dạn đến đâu đi nữa, thiệt cũng khó mà giữ được dáng điệu tự nhiên, nhưng Man-Ni đã đem hết dũng khí ra để chống chọi với sự ngượng ngùng, e thẹn. Tuy nhiên, giọng nói của nàng không thể nào không run run, đầy cảm động. Cô Nàng liền sẽ

nói: « Bàn-kha! Em đã đến thăm anh!... »

« Mọii mọii đã đến đây ư? »
 Cậu đáp. Đối với Bàn-A, ngần ấy lời đối thoại là cả một thế giới, dấu rằng nó chỉ ngần ngủi, vốn vẹn cò bấy, nhiều tiếng.

Tăng-phu-nhân có ý e dè; bà chỉ sợ, trong khi bị quá kích động, cậu con bà có thốt ra một lời nào thất lễ chẳng, nên bà vội kéo Man-Ni lại ngồi ở phía đầu kia cửa giường nằm của Bàn-A.

Sức sáng nhu hòa của chiếc đèn với cái phần màu phần hồng, ánh chiếu vào mặt Man-Ni, làm nổi bật hẳn cái sống mũi rọc dứa của nàng, trên khuôn mặt trái xoan, cũng là đôi hoa tai bằng phi thủy và mái tóc mây đen láy; thiết là cả một dung thái yêu kiều, rất mực « linh lung khả ái ».

Tăng-thái-thái mời bà thân mẫu Man-Ni ngồi vào một chiếc ghế, còn bà, bà cũng ngồi ghé xuống một bên thành giường của Bàn-A. Quế-Cô thì vẫn đứng ở chỗ cũ.

Đề cho mấy chị a hoàn lui ra, Quế-Cô mới bảo Tuyết-Hoa rằng:

« Nay, Tuyết-Hoa, em dắt Tiều-Lạc xuống dưới trù phòng, xem có việc gì thì làm, nghe không? Lúc nào cần, thì sẽ gọi các em ».

Bỗng Bàn-A thò một cánh tay ra ngoài cái mền. Tăng-thái-thái

vội vàng giữ tay cậu lại và chực đắp mền lại cho cậu vì bà nói, e cậu bị lạnh, không nên.

Cậu nói: « Không, thưa mẹ, hiện giờ, con thấy trông người dễ chịu lắm ». Bà liền tỳ một tay xuống thành giường, còn một tay, bà rờ lên trán cậu; đúng thật, đầu cậu rất mát, nhiệt độ đã lui rồi. Tôn-thái-thái cũng nói, đối với lúc căn trưa, trong cậu có vẻ nhuận sắc hơn nhiều. Quế-Cô cầm lấy cổ tay cậu, chẩn mạch, rồi nói:

« Đích thật vậy, cậu nó mát hẳn, mạch lạc rất đều... mấy hôm trước cậu nó, cứ sốt liên miên, người lúc nào cũng nóng như than hồng, ấy thế mà, từ chiều đến giờ, nhiệt độ rút hẳn!... Chính tôi, tôi cũng không tin, « thuốc tiên » đâu lại kinh nghiệm được đến thế!... Hai mẫu nữ quả có một cái hiệu lực thẳng được hẳn mười vị thái y... ấy thế mà, ban chiều Man-Ni cứ khăng khăng một dị, nhất định không chịu nhận mình là « tiên thảo »... tôi dám cam quyết rằng, em tôi còn hay hơn tất cả các thứ tiên thảo nữa,... bởi vì, theo ý riêng của tôi, em tôi là một vị phúc tinh của mệnh hệ Bàn-nhi... Hễ phúc tinh cao chiếu thì bao nhiêu tai cũng qua, nạn cũng khỏi! »

(còn tiếp)

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG

Hộp thư Bách-Khoa

Ông NGUYỄN-ÂN (Tam Kỳ). Đã nhận được đầy đủ thơ của em và
châu ông. Sẽ đăng « Băn-khoăn » trong một số tới.
Đa tạ thịnh tình của ông đối với B. K.

Bạn KIM-TUẤN — Đã nhận được « Sang Ngang », sẽ đăng.

Bài không đăng : Mưa Sầu (SGTTK), Bốn năm phụng sự miền
Nam (MĐ), Đời không phải bằng-lai (C.V.),
Đêm Sầu, Đốt dùm ánh lửa, Mạnh Xuân (NTT),
Dòng Xanh (MHT), Thôi nói làm chi những
chuyện lòng (DT).

Đang xem : Âm thầm, bóng ngày qua (DT), ngày vui xưa,
Người đi (NTT), Tiếng lòng (KT.)



TẠP CHÍ BÁCH - KHOA

XUẤT BẢN MỖI THÁNG HAI KỶ

DIỄN ĐÀN CHUNG CỦA TẤT CẢ
NHỮNG NGƯỜI THA THIẾT ĐẾN CÁC VAN ĐỀ
**CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA,
XÃ HỘI.**

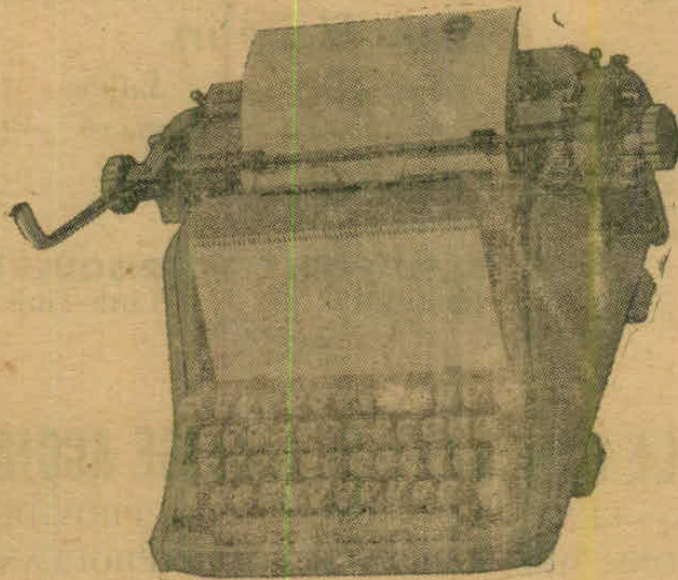
Chủ-nhiệm : HUỖNH - VĂN - LANG

hợp tác cùng các bạn :

LÊ-ĐÌNH-CHÂN
TĂNG-VĂN-CHI
ĐỖ-TRỌNG-CHU
LÊ-THÀNH-CƯỜNG
TRẦN-LƯU-DY
LÊ-PHÁT-ĐẠT
NGUYỄN-VĂN-ĐẠT
NGUYỄN-LÊ-GIANG
PHẠM-NGỌC-THUẦN-GIAO
NGUYỄN-HỮU-HẠNH
LÊ-VĂN-HOÀNG
NGUYỄN-VĂN-KHẢI
PHẠM-DUY-LÂN
NGUYỄN-QUANG-LÊ
TRẦN-LONG

BÙI-BÁ-LƯ
DƯƠNG-CHÍ-SANH
NGUYỄN-HUY-THANH
BÙI-KIẾN-THÀNH
HOÀNG-KHẮC-THÀNH
PHẠM-NGỌC-THẢO
BÙI-VĂN-THỊNH
NGUYỄN-TẤN-THỊNH
VŨ-NGỌC-TIẾN
VŨ-THU-THỊNH
NGUYỄN-TẤN-TRUNG
PHẠM-KIM-TƯƠNG
HOÀNG-MINH-TUYNH
BÙI-CÔNG-VĂN

MÁY ĐÁNH CHỮ ĐỀ BÀN GIẤY VÀ XÁCH TAY
HIỆU « **HERMÈS** »



ĐÃ RẺ LẠI TỐT — BÁN SI VÀ LỀ
Tại NHÀ IN I. N. D. E. O
(IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME - ORIENT)
SỐ 1, ĐƯỜNG NGUYỄN-SIÊU — SAIGON
Điện Thoại Số 20.821

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S . O . A . E . O .)



DIVISION VIETNAMIENNE :
2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON
Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.

**Vente : Hydrogène - Ammoniac - Cyclopropane
— Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

*Notre service technique d'application est à la disposition de la
clientèle pour toutes études et installations.*

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA



Dùng Hộp Quẹt **BLUE BIRD**
phụng-sự nên kinh-tê Quốc-Gia

Sté Indochinoise Forestière
et des Allumettes

(SIFA)

346, Bến Vân-Đồn

Đ. Thoại 21.950

Đ. Tin Forestière

EXPORTATION

Caoutchouc, Crêpe semelle
Latex et Produits divers

ALCAN SAIGON S. A.

Société au Capital de VN\$. 5.000.000

Siège Social :

7, Bến Chương Dương — Saigon

Boîte postale 46

Téléphone : 21.338 — 21.339

AGENTS DES COMPAGNIES DE NAVIGATION
REPRÉSENTANTS DE :

S.A.F.I.C. ALCAN & Cie. PARIS 16è

HECHT LEVIS & ALCAN LTD, LONDRES

ANGLO FRENCH ET WATERHOUSE LTD, SINGAPORE

S.O.B.E.P.I.C. ANVERS

HECHT LEVIS ET KAHN DIVISION OF RUBBER

CORPORATION OF AMERICA NEW-YORK

ANGLO-FRENCH TRADING COMPANY LTD. JAPAN

J. M. MOHAMED ISMAEL FILS AZIZ & C^o

Import — Export



REPRÉSENTATION



Téléphone : 21.219

Ad. tél. : JASMIN

175 - 179, đường Tự-Do — SAIGON

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SAIGON

36, Rue TÔN-THÁT-ĐAM
(ex. Chaigneau)
Téléphone : 21.902 - (3 Lignes)
22.797 - B.P. 49

PHNOM-PENH

26, Moha Vithei Preah Bat Norodom
(Ex. Doudart de Lagrée)
Téléphone : 385 et 543
B. P. 122

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Co'ombie, Congo Belge, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.), au Caire et à Alexandrie (Crédit d'Orient).

DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF -

à la fois treuil et palan!

*pour lever, tirer
lifter, tendre
attacher etc...*



Toutes forces
par mouflage
facile

6
avantages du
TIRFOR
(B^o S.C.D.C.)

- 1) Portatif.
- 2) Mise en batterie rapide.
- 3) Course de câble illimitée.
- 4) Toutes orientations et positions
- 5) Précision millimétrique de manœuvre.
- 6) Sécurité : organes essentiels doublés

Modèle "SUPER"
(Universel)
Force : 1.500 kgs
Poids : 18 kgs



Modèle "MINES"
(Traction seule)
Force : 1.500 et 3.000 kgs
Poids : 18 et 21 kgs

**Tirfor rend
1000 services!**
Demandez-nous la
brochure.

Denis Frères

Số 4 đường Tự-do Sài-gòn — Đại lý độc quyền tại Việt-Nam

DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF -

91010202

AIR LAOS

SIEGE SOCIAL VIENTIANE

VIENTIANE - BANGKOK

Départ tous les Mardis, Jeudis, Samedis
Retour tous les Mardis, Jeudis, Samedis

VIENTIANE - HONGKONG

Départ tous les Lundis
Retour tous les Mardis

VIENTIANE - PHNOM-PENH

Départ tous les Lundis
Retour tous les Mardis

VIENTIANE - SIEM-REAP

Circuit touristique «Week end à ANGKOR»
Départ tous les Samedis
Retour tous les Lundis

VIENTIANE - SAIGON - VIENTIANE

par Quadrimoteur STRATOLINER Jeudi et Samedi
Fauteuils inclinables Hôtesse et Steward à bord

par Douglas DC 3 Mardi et Dimanche

VIENTIANE - XIENG-KHOANG VILLE	Quotidien
- PHONG SAVANH	Quotidien
- LUANG PRABANG	Tous les Lundis, Mercredis, Jeudis, Vendredis
- LUANG NAMTHA MUONG SING	Tous les Lundis, Mercredis, Vendredis
- MUONG SAI	Tous les Lundis, Mercredis, Vendredis
- THAKHET	Tous les Lundis, Vendredis
- SAMNEUA	Tous les Mardis, Jeudis, Samedis



Vespa

1958

Ráp tại Việt-Nam

TỔNG PHÁT - HÀNH

CÔNG-TY VẬN-TẢI PHI-MÃ

9, Phạm - hồng - Thái - SAIGON

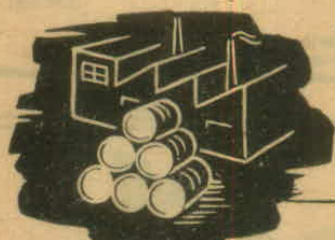
Điện-thoại : 21.670



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

*xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.*



→ Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



→ Xà-bông nước hoá-học



→ Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



→ Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



→ Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

**Mở các khoản tín-dụng về
Xuất-cảng — Nhập-cảng**

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 — Cardi 55

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 904

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hãng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ
VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions

Capital : 1 Milliard de Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO
VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers

Capital : 1 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VỐN : 105.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance Franco Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 105.000.000 Frs.

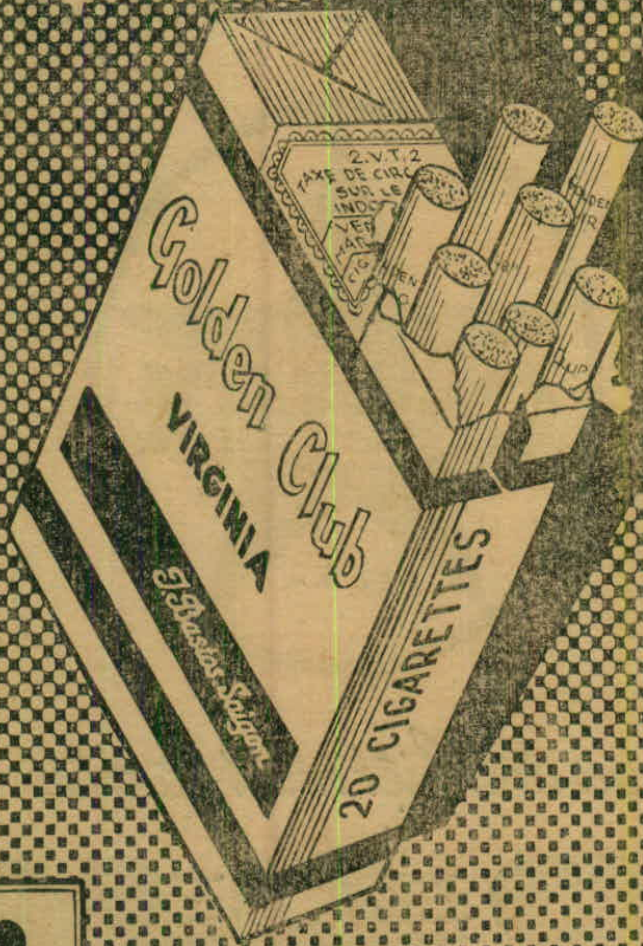
**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy nói : 21.253 — 23.913

Golden Club



Một gói thuốc Thơm thượng hảo hạng

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H. D.

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ: 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 4.400.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.700.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

BACH KHOA BACH KHOA BACH KHOA

BACH KHOA BACH KHOA BACH KHOA BACH KHOA BACH KHOA

BÁCH-KHOA TẠP CHÍ

GIÁ : 10\$00